Chân trời sáng tạo

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – ĐOÀN LÊ GIANG
PHẠM NGỌC LAN – TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ – PHAN THU VÂN

NGỮ VĂN

12

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
BẢN MẪU
Tháng 10 - 2023

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Ngữ văn – Lớp 12

(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chủ tịch: LÊ QUANG HƯNG
Phó Chủ tịch: NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
Uỷ viên, Thư kí: NGUYỄN VĂN THƯ

Các uỷ viên: ĐẶNG THU THỦY – NGUYỄN THỊ BÍCH
LÃ PHƯƠNG THÚY – TRẦN THỊ THU HƯƠNG
NGUYỄN THỊ THU HÀ – HỒ TẤN NGUYÊN MINH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY – NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – ĐOÀN LÊ GIANG
PHẠM NGỌC LAN – TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ – PHAN THU VÂN

NGỮ VĂN

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

MỤC LỤC

BÀI 6: TRONG THẾ GIỚI CỦA GIẤC MƠ (THƠ) 5

ĐỌC 7

Đây thôn Vĩ Dạ (Hàn Mặc Tử) 7

Đàn ghi ta của Lor-ca (Thanh Thảo) 9

San-va-đo Đa-li và "Sự dai dẳng của kí ức" 11

Thực hành tiếng Việt 13

Tự do (Pôn Ê-luy-a) 15

VIẾT 17

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ 17

NÓI VÀ NGHE 20

Trao đổi về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước 20

ÔN TẬP 22

BÀI 7: TRONG ÁNH ĐÈN THÀNH THỊ (TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI) 23

ĐỌC 25

Hai quan niệm về gia đình và xã hội (Trích *Số đỏ* – Vũ Trọng Phụng) 25

Ở Va-xan (Uy-li-am Thác-cơ-rây) 34

Áo dài đầu thế kỉ XX (Đoàn Thị Tình) 41

Thực hành tiếng Việt 42

Ngày 30 Tết (Trích *Mùa lá rụng trong vườn* – Ma Văn Kháng) 43

VIẾT 49

Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội 49

NÓI VÀ NGHE 55

Trình bày báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội 55

ÔN TẬP 57

BÀI 8: TRĂNG XƯA, HẠC CŨ VỚI XUÂN NÀY... (TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN) 58

ĐỌC 65

Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh) 65

Nguyên tiêu (Hồ Chí Minh) 69

Giá trị của tập "Truyện và kí" (Nguyễn Ái Quốc) (Phạm Huy Thông) 70

Thực hành tiếng Việt 73

Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn Ái Quốc) 74

Cảnh rừng Việt Bắc (Hồ Chí Minh) 79

VIẾT 80

Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội 80

Chân trời sáng tạo

NÓI VÀ NGHE 84
Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức của đất nước 84
ÔN TẬP 84

BÀI 9: KHÁM PHÁ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI (VĂN BẢN THÔNG TIN) **85**
ĐỌC 87
Khuôn đúc đồng Cổ Loa: "nỏ thần" không chỉ là truyền thuyết (*Theo* Hà Trang) 87
Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả
(Trích *Mùa xuân vắng lặng* – Rây-cheo Ca-son) 92
Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn (Trần Đăng Khoa) 97
Thực hành tiếng Việt 99
Dòng Mê Kông "giận dữ" (*Theo* Hoàng Nam, Thu Hằng, Hoàng Khánh, Thanh Hạ) 101
VIẾT 107
Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội 107
NÓI VÀ NGHE 116
Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội 116
ÔN TẬP 119

Ôn tập cuối học kì II và hệ thống hoá về văn học Việt Nam **120**
Bảng giải thích thuật ngữ **126**
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt **128**
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài **131**
Bảng hệ thống hoá các thể loại/ kiểu văn bản đọc hiểu ở bậc Trung học phổ thông **134**
Bảng hệ thống hoá kiến thức tiếng Việt ở bậc Trung học phổ thông **136**
Bảng hệ thống hoá các kiểu bài viết ở bậc Trung học phổ thông **140**
Bảng hệ thống hoá các nội dung, yêu cầu đối với hoạt động nói – nghe ở bậc Trung học phổ thông **142**

BÀI 6

TRONG THẾ GIỚI CỦA GIẤC MƠ

(THƠ)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,...
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm thơ; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm thơ.
- Nhận biết được một số biểu hiện của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.
- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình

Siêu thực thường được hiểu là sự kì lạ, khác thường, phá vỡ những quy luật thông thường của thế giới thực tại, gợi nhắc đến sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ và của những ám ảnh vô thức[1].

Yếu tố siêu thực: Ngoài việc tái hiện thế giới tình cảm, cảm xúc, tâm trạng của chủ thể trữ tình, một số tác phẩm thơ trữ tình có thể xây dựng một thế giới khác lạ bằng việc sử dụng các kết hợp từ ngữ, những hình ảnh rất xa nhau, thông thường khó liên kết với nhau. Việc kết hợp này nhằm phá vỡ trật tự thông thường của tư duy lí tính, gợi nhắc sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ, ẩn ức sâu trong vô thức[2]. Chẳng hạn, sự kết hợp giữa hình ảnh "mặt nhật" (mặt trời) và "máu", "khối" và "lòng tôi", "cứng" và "si" trong thơ của Hàn Mặc Tử:

---

[1] *Vô thức*: khái niệm do nhà tâm lí học người Áo – Xích-mun Phơ-roi (Sigmund Freud) đề ra, chỉ những cảm xúc, thôi thúc,… nằm ngoài nhận thức có ý thức, tức chủ thể không nhận thức và không kiểm soát được, nhưng vẫn ảnh hưởng đến hành vi của chủ thể.

[2] Cần phân biệt yếu tố siêu thực với yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình. Yếu tố tượng trưng không phải là những kết hợp hình ảnh, từ ngữ kì lạ, mà là việc sử dụng những hình ảnh biểu đạt cho những triết lí sâu xa, những ý niệm trừu tượng. Yếu tố tượng trưng thường không liên quan đến thế giới của vô thức và giấc mơ (xem thêm *Ngữ văn 11*, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tợ si

(Hàn Mặc Tử, *Những giọt lệ*)

Hình tượng và biểu tượng

Hình tượng là những hình ảnh, nhân vật được xây dựng một cách sống động, sáng tạo trong tác phẩm, vừa phản ánh đời sống vừa thể hiện quan niệm, tư tưởng và ý đồ, tài năng nghệ thuật của người nghệ sĩ. Chẳng hạn như hình tượng Mô-na Li-sa (Mona Lisa) trong bức tranh cùng tên của Lê-ô-na-đô đờ Vanh-xi (Leonardo da Vinci), hình tượng nàng Kiều trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), hình tượng người mẹ anh hùng trong thơ Tố Hữu,…

Biểu tượng là một loại hình ảnh đặc biệt, thông qua hình thức cụ thể, trực quan để gợi lên những tư tưởng, triết lí có ý nghĩa sâu xa. Chẳng hạn, hình ảnh cây tre trong đời sống và nhiều tác phẩm nghệ thuật đã trở thành biểu tượng cho những đức tính, phẩm chất cao đẹp, cho vẻ đẹp tâm hồn của con người, dân tộc Việt Nam.

Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

Tiếng Việt là ngôn ngữ giàu nhạc tính, giàu chất tạo hình; có khả năng diễn đạt đầy đủ và chính xác tư tưởng, tình cảm của con người Việt Nam.

Các giá trị văn hoá đặc sắc của mỗi dân tộc đều được phản ánh trong ngôn ngữ của dân tộc ấy. Tiếng Việt là một bộ phận cấu thành nền văn hoá Việt. Giữ gìn và phát triển tiếng Việt cũng chính là giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá của dân tộc.

Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, khi giao tiếp, chúng ta cần phải tuân theo những chuẩn mực và quy tắc chung của tiếng Việt ở các phương diện ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp,… Bên cạnh đó, chúng ta cần phải tiếp nhận những yếu tố mới (từ ngữ mới, nghĩa mới của từ) để có thể diễn tả chính xác những khái niệm mới đồng thời làm phong phú cho ngôn ngữ dân tộc.

Lưu ý:

1. Tiếp nhận những yếu tố mới (từ ngữ mới, nghĩa mới của từ) không đồng nghĩa với việc dùng ngôn ngữ lai căng, pha tạp; đánh mất vẻ đẹp của tiếng Việt.

2. Tuân theo những chuẩn mực và quy tắc chung của ngôn ngữ dân tộc không có nghĩa phủ nhận hoàn toàn những cách diễn đạt mới, những cách diễn đạt với mục đích tạo ra hiệu quả tu từ cho văn bản.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC

VĂN BẢN 1

ĐÂY THÔN VĨ DẠ[1]

Hàn Mặc Tử

Bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* được sáng tác vào năm 1938, trích trong tập *Thơ Điên* (còn có tên là *Đau thương*). Theo nhiều nguồn thông tin, bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu thiếp của một cô gái Huế gửi cho Hàn Mặc Tử khi ông được cách li để chữa trị bệnh phong ở Quy Nhơn.

Trước khi đọc

Những hồi ức về một cảnh, một người nào đó trong quá khứ thường gợi cho ta cảm xúc gì?

Đọc văn bản

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền[2]. 1

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay? 2

Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà? 3

Tưởng tượng

1 Hình dung cảnh thôn Vĩ được gợi tả.

So sánh

2 Chú ý sự chuyển đổi không gian, thời gian ở khổ thơ này.

Suy luận

3 Câu hỏi cuối bài thể hiện tâm trạng gì của chủ thể trữ tình?

(*Hàn Mặc Tử – Tác phẩm chọn lọc*, NXB Giáo dục, 2009, tr. 60 – 61)

[1] *Thôn Vĩ Dạ*: một thôn ở bờ nam sông Hương, nay thuộc phường Vỹ Dạ, thành phố Huế.
[2] *Mặt chữ điền*: gương mặt vuông, gần như chữ Điền (田) trong tiếng Hán. Theo nhân tướng học thời xưa, mặt chữ điền thường chỉ tướng người phúc hậu.

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Câu hỏi ở dòng thơ thứ nhất là lời của ai nói với ai? Bạn hình dung như thế nào về cảnh và người thôn Vĩ qua khổ 1?
2. Phong cảnh ở khổ 2 có gì khác so với cảnh sông nước mà bạn từng biết? Từ "kịp" trong câu hỏi tu từ ở cuối khổ thơ cho thấy điều gì trong cảm quan của chủ thể trữ tình?
3. "Khách đường xa" ở khổ thơ cuối có thể là ai? Từ những hình ảnh trong khổ thơ này, xác định mối liên hệ cảm xúc giữa chủ thể trữ tình và "em".
4. Xác định chủ thể của ba câu hỏi trong bài thơ. Ba câu hỏi này thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người hỏi?
5. Nhận xét về sự thay đổi của ngoại cảnh và cảm xúc của chủ thể trữ tình qua ba khổ thơ.
6. Yếu tố siêu thực trong bài thơ thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Phân tích ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh đó.
7. Nêu chủ đề của bài thơ. Những biện pháp nghệ thuật nào góp phần thể hiện chủ đề đó?

Hàn Mặc Tử (1912 – 1940): nhà thơ, tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở làng Lệ Mĩ, huyện Đồng Lộc, Đồng Hới (nay là tỉnh Quảng Bình); lớn lên, đi học ở Quy Nhơn và Huế, bắt đầu làm thơ từ năm 14 – 15 tuổi. Năm 1936, ông chủ xướng *Trường Thơ Loạn* với quan điểm sáng tác độc đáo thiên về siêu thực – tượng trưng, hoàn toàn khác với quan điểm lãng mạn của các nhà thơ cùng thời. Khoảng cuối năm 1936, bệnh phong khởi phát khiến Hàn Mặc Tử phải về Quy Nhơn chạy chữa, sau đó qua đời tại trại phong Quy Hoà. Các tác phẩm chính của ông là tập thơ *Gái quê* (1936), tập *Thơ Điên* (1938), kịch thơ *Duyên kì ngộ* (1939), thơ văn xuôi *Chơi giữa mùa trăng* (1941),…

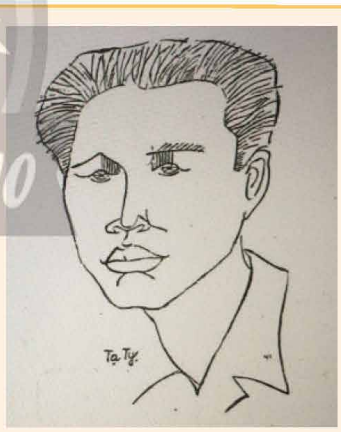

Chân dung Hàn Mặc Tử
(tranh Tạ Tỵ) in trong *Con mắt thơ*, NXB Lao động, 1992

Chân trời sáng tạo

VĂN BẢN 2

ĐÀN GHI TA[1] CỦA LOR-CA (LORCA)[2]

Thanh Thảo

Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn

(Ph. G. Lor-ca)

Đàn ghi ta của Lor-ca được in trong tập *Khối vuông ru-bích* (1985). Tập thơ gồm 9 bài thơ, một bài thơ văn xuôi và trường ca *Đêm trên cát*.

Trước khi đọc

Hãy tìm hiểu thông tin về nhà thơ Lor-ca và đất nước Tây Ban Nha trước khi đọc văn bản này.

Đọc văn bản

những tiếng đàn bọt nước 1
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la li-la li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vầng trăng chếnh choáng
trên yên ngựa mỏi mòn

Tây Ban Nha
hát nghêu ngao
bỗng kinh hoàng
áo choàng bê bết đỏ
Lor-ca bị điệu về bãi bắn
chàng đi như người mộng du

Tưởng tượng

1 Bạn hình dung như thế nào về hình ảnh "tiếng đàn bọt nước"?

Chân trời sáng tạo

[1] *Ghi ta (guitar)*: được xem là nhạc cụ truyền thống của Tây Ban Nha, nên ở Việt Nam, đàn ghi ta còn được gọi là Tây Ban cầm.

[2] *Lor-ca*: tên đầy đủ là Phê-đê-ri-cô Gar-xi-a Lor-ca (Federico García Lorca) (1898 – 1936), là nhạc sĩ, nhà thơ, nhà soạn kịch thiên tài người Tây Ban Nha, người đặt nền móng cho những cách tân mạnh mẽ của văn học nghệ thuật Tây Ban Nha đầu thế kỉ XX. Ông cũng là một chiến sĩ đấu tranh chống chế độ độc tài thân phát xít Phran-cô (Franco) và bị lực lượng này ám sát vào năm 1936.

tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy 2

không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng

đường chỉ tay đã đứt
dòng sông rộng vô cùng
Lor-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc 3

chàng ném lá bùa cô gái Di-gan
vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình
vào lặng yên bất chợt

li-la li-la li-la...

1979

(In trong *Khối vuông ru-bích*, NXB Tác phẩm mới, 1985)

Theo dõi

2 Tìm những hình ảnh thể hiện sự chuyển đổi cảm giác trong khổ thơ thứ 3.

Theo dõi

3 Tìm những hình ảnh khác xa nhau được đặt kề cận trong hai khổ thơ thứ 5 và 6.

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Bài thơ này có gì khác thường về hình thức (dấu câu, độ dài ngắn của khổ thơ/dòng thơ,...)? Xác định bố cục bài thơ và mạch cảm xúc của tác giả.
2. Nhà thơ Thanh Thảo đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để gợi tả hình tượng nhà thơ Lor-ca trong hai khổ thơ đầu. Những từ ngữ, hình ảnh đó có điểm gì độc đáo?
3. Tìm một số biểu tượng được sử dụng trong bài thơ. Lí giải ý nghĩa của những biểu tượng đó.
4. Việc lặp lại âm thanh tiếng đàn "li-la li-la li-la" có tác dụng gì?
5. Nhạc điệu của khổ thơ thứ hai, thứ ba có gì đặc biệt và được tạo nên từ những yếu tố nào?

6. Nêu cảm nhận của bạn về hình tượng nhà thơ Lor-ca được thể hiện trong bài thơ.

7. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?

8. Xác định chủ đề và thông điệp của bài thơ. Chủ đề và thông điệp đó được thể hiện thông qua những biện pháp tu từ nào?

Thanh Thảo (sinh năm 1946): nhà thơ, nhà báo; tên khai sinh là Hồ Thành Công, quê ở Quảng Ngãi. Ông nổi tiếng với các trường ca, tập thơ viết về thời chiến tranh và hậu chiến. Thơ ông giàu suy tưởng, có tính triết lí sâu sắc và có nhiều cách tân, ví dụ như đề cao vô thức, tìm kiếm những cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do,... Một số tác phẩm tiêu biểu của ông là *Những người đi tới biển* (1977), *Những ngọn sóng mặt trời* (1978), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988),...

Thanh Thảo
(https://baotangvanhoc.vn/giai-thuong-nha-nuoc/dot-1-giai-thuong-nha-nuoc/nha-tho-thanh-thao/)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

SAN-VA-ĐO ĐA-LI (SALVADOR DALÍ)[1] VÀ *SỰ DAI DẲNG CỦA KÍ ỨC*

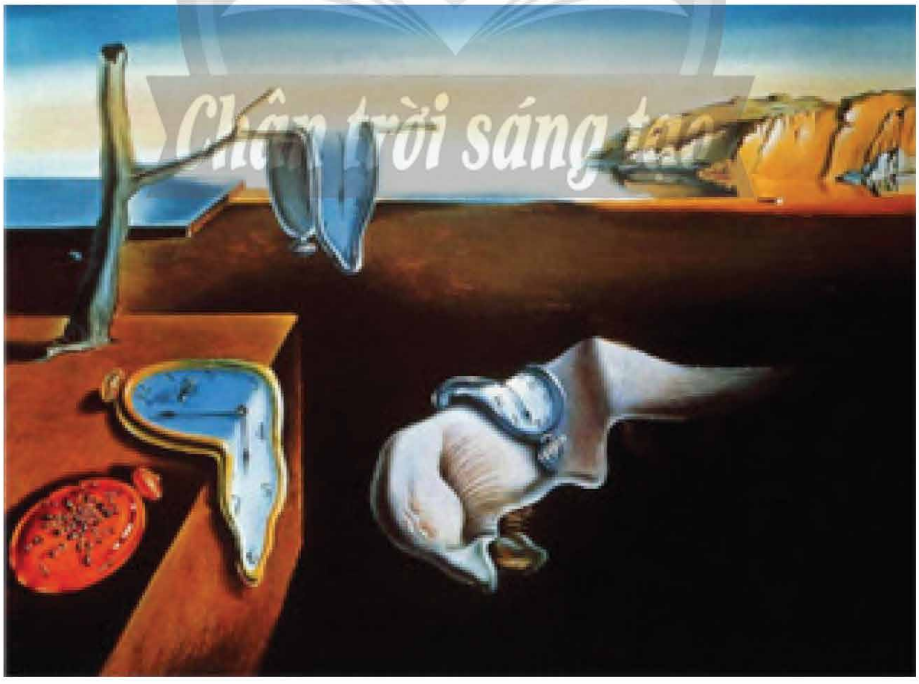

Sự dai dẳng của kí ức, tranh sơn dầu của San-va-đo Đa-li, 1931
(https://www.shutterstock.com/)

[1] *San-va-đo Đa-li (1904 – 1989)*: hoạ sĩ người Tây Ban Nha, là một trong những nghệ sĩ có ảnh hưởng lớn nhất của trường phái siêu thực trong hội hoạ đầu thế kỉ XX.

Đọc văn bản

Là một hình ảnh phi lí rõ ràng, *Sự dai dẳng của kí ức* cho thấy trình độ kĩ thuật đáng kể. Đa-li đã thuần thục cái mà ông gọi là "những mẹo thường gây tê liệt, làm đánh lừa con mắt", dùng cọ lông chồn nhỏ và kính lúp của thợ kim hoàn gắn trên một mắt để vẽ sao cho thật tỉ mỉ, chi li. Kết quả là một cảnh siêu thực được vẽ theo lối tự nhiên, cực kì trau chuốt, qua đó đặt người xem vào ảo giác một cách hiệu quả. Không khí trong tranh kì bí, tĩnh mịch và im ắng. Xa xa là phong cảnh bờ biển đá – mà Đa-li đã miêu tả là được chiếu sáng bởi "ánh chiều tà u sầu và trong suốt" – dựa trên đường bờ biển gần nhà ông tại Cảng Li-gát (Lligat) ở Ca-ta-lô-ni-a (Catalonia). Núi Pa-ni (Pani), gần ngôi làng Địa Trung Hải Ca-đa-kết (Cadaques), nơi gia đình ông có một ngôi nhà nghỉ mát, in bóng xuống tiền cảnh[1]. Mắc cạn trên bãi biển là một sinh vật kì quặc, ẻo lả nằm vắt qua tảng đá hoặc gờ đá. Hàng mi quá cỡ che con mắt nhắm nghiền của nó và một vật giống như lưỡi thò ra từ mũi nó. Con mắt nhắm gợi ý rằng sinh vật này đang ngủ và có lẽ đang mơ, có lẽ phỏng theo miêu tả của Pho-roi rằng những giấc mơ là "đường hoàng đạo đến vô thức"[2].

Ba chiếc đồng hồ tan chảy trong bức tranh đều chỉ giờ khác nhau, trong khi lũ kiến bâu trên một chiếc đồng hồ quả quýt bằng kim loại. Một cây ô-liu[3] có vẻ cằn cỗi, chỉ một cành và không có lá, trông như đang mọc ra từ mặt bàn gỗ chứ không phải từ đất trần.

Các mặt đồng hồ và những con kiến – kiến là biểu tượng của sự phân rã – ám chỉ thời gian trôi và cái chết. Một số nhà bình luận phỏng đoán rằng những chiếc đồng hồ tan chảy phản ánh nhận định là các sự kiện trong mơ không tuân theo trình tự chặt chẽ, rằng thời gian trong mơ là phi lí. Nói cho cùng, *Sự dai dẳng của kí ức* là tác phẩm khó diễn giải. Đa-li cũng từng tuyên bố rằng mình vẽ bức tranh nhằm "hệ thống hoá sự hỗn độn và qua đó góp phần bác bỏ hoàn toàn sự đáng tin cậy của thế giới thực tại".

(Theo *Nghệ thuật – Khái lược những tư tưởng lớn*, nhiều tác giả, Thanh Loan dịch, Đông A và NXB Dân trí, 2021, tr. 314 – 315)

Sau khi đọc

1. Văn bản trên đề cập đến những chi tiết nào trong bức tranh *Sự dai dẳng của kí ức*? Đặc trưng và ý nghĩa của các chi tiết đó là gì?

---

[1] *Tiền cảnh*: khoảng không gian từ ca-mê-ra (camera) hoặc người quan sát đến chủ thể chính trong khung hình.

[2] *Đường hoàng đạo đến vô thức*: ý nói con đường dễ dàng nhất để khám phá vô thức.

[3] *Ô-liu (olive)*: một loại cây phổ biến ở khu vực Địa Trung Hải, thường được trồng để lấy quả ép dầu.

2. Sự liên kết giữa những hình ảnh hoàn toàn khác biệt, cách xa với nhau trong cùng một không gian tranh cho thấy điều gì về những ám ảnh vô thức trong tâm hồn của tác giả? Liên hệ với tiêu đề bức tranh, bạn có suy nghĩ gì về thế giới tâm hồn của Đa-li?

3. Tìm một bức tranh hoặc tác phẩm văn học cùng đề tài về kí ức, chẳng hạn bài *Chiếc lá đầu tiên* của Hoàng Nhuận Cầm (*Ngữ văn 10*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*) hoặc bài *Thời gian* của Văn Cao (*Ngữ văn 11*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*). So sánh cách sử dụng các hình ảnh trong tác phẩm đó với bức tranh *Sự dai dẳng của kí ức*.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Màu xanh được miêu tả trong các đoạn thơ sau có gì đặc biệt?

a.
Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

(Hàn Mặc Tử, *Đây thôn Vĩ Dạ*)

b.
Ta còn em một màu xanh thời gian
Một màu xám hư vô
Chợt nhoè
Chợt hiện

(Phan Vũ, *Hà Nội – Phố*)

c.
Trời thì xanh như rút ruột mà xanh
Cây thì biếc như vặn mình mà biếc

(Thi Hoàng, *Ở giữa cây và nền trời*)

d.
Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

2. Trong tiếng Việt có những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình: *ngân hàng* + *X* (như *ngân hàng đề thi*,...). Hãy tìm thêm những từ ngữ mới được cấu tạo theo mô hình này.

3. Cho câu sau:

Nê-pan (Nepal) có 8 ngọn núi cao nhất thế giới, nổi tiếng với các vùng ngoại ô, công viên quốc gia, những cánh rừng tuyệt đẹp, phù hợp với hoạt động thám hiểm, du lịch, đi bộ đường dài (trekking).

(Minh Huyền, *Nê-pan cấm du khách trekking một mình, https://tuoitre.vn/nepal-cam-du-khach-trekking-mot-minh-202303141316296.htm*)

Chân trời sáng tạo

a. Vì sao người viết lại sử dụng từ *trekking* trong tiêu đề và bài viết?

b. Tìm những từ ngữ tương tự trong lĩnh vực du lịch.

c. Theo bạn, việc sử dụng những từ tiếng nước ngoài này có ảnh hưởng đến sự giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt hay không?

4. Vì sao có nhiều từ ngữ tiếng nước ngoài (như *album, email, file,…*) được người Việt ưa dùng trong nhiều bối cảnh giao tiếp, trong khi vẫn có giải pháp thay thế (ví dụ: dùng *tập ảnh* thay cho *album*, *thư điện tử* thay cho *email*, *tập tin* thay cho *file*)?

5. Xác định nghĩa của từ ngữ được in đậm trong các trường hợp sau. Trong các trường hợp này, trường hợp nào từ ngữ được dùng theo nghĩa mới?

a. *Nơi đây, vào mùa đông lạnh giá, các dòng sông* ***đóng băng*** *và những ngọn núi phủ tuyết trắng xoá tạo nên một khung cảnh vô cùng ấn tượng.*

b. *Đây là nguyên nhân chính khiến cho thị trường bất động sản* ***đóng băng****.*

6. Chỉ ra sự độc đáo trong cách kết hợp từ ngữ ở đoạn trích sau (chú ý các cụm từ/câu được in đậm):

tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy
không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*)

Theo bạn, những kết hợp từ ngữ được đề cập ở trên có phải là cách diễn đạt phổ biến của cả cộng đồng không? Dựa vào đâu bạn kết luận như vậy?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 150 từ) về một vài hình ảnh bạn ấn tượng nhất trong hai bài thơ vừa học.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TỰ DO

Pôn Ê-luy-a (Paul Éluard)[1]

Minh hoạ của Phéc-nan Lê-giơ (Fernand Léger) cho bài thơ *Tự do* của Pôn Ê-luy-a, 1953
(*https://www.edition-originale.com/fr/litterature/editions-originales/eluard-liberte-jecris-ton-nom-1953-70342*)

Trên những trang vở học sinh
Trên bàn học trên cây xanh
Trên đất cát và trên tuyết
Tôi viết tên em

Trên những trang sách đã đọc
Trên những trang trắng chưa dùng
Đá máu giấy hoặc tro tàn
Tôi viết tên em

Trên hình ảnh rực vàng son
Trên gươm đao người lính chiến
Trên mũ áo các vua quan
Tôi viết tên em

Chân trời sáng tạo

[1] *Pôn Ê-luy-a* (1895 – 1952), nhà thơ Pháp, tên khai sinh là Ơ-gien Ê-min Pôn Granh-đen (Eugène Émile Paul Grindel), sinh ra ở Xanh Đơ-ni (Saint-Denis) và mất tại Pa-ri (Paris). Ông là một trong những người sáng lập trào lưu Siêu thực Pháp – một trào lưu nghệ thuật lớn có ảnh hưởng đến cả thi ca và hội hoạ. Nhiều tác phẩm của Ê-luy-a đã được dịch sang tiếng Việt và in trong các tuyển tập thơ Pháp: *Đẹp hơn nước mắt* (thơ kháng chiến Pháp), *Cái chết, tình yêu, sự sống* (song ngữ Pháp – Việt), *Thơ Pôn Ê-luy-a* (song ngữ Pháp – Việt),…

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thơ Ê-luy-a thể hiện cảm hứng ca ngợi tự do và chống phát xít. Bài thơ *Tự do* ra đời vào năm 1941 khi Đức quốc xã chiếm đóng Pháp. Bản dịch của dịch giả Phùng Văn Tửu có lược bớt một số khổ thơ ở giữa.

Trên sa mạc trên rừng hoang
Trên tổ chim trên hoa trái
Trên thời thơ ấu âm vang
Tôi viết tên em

Trên điều huyền diệu đêm đêm
Trên khoanh bánh trắng hằng ngày
Trên các mùa cùng gắn bó
Tôi viết tên em

Trên những mảnh trời trong xanh
Trên ao mặt trời ẩm mốc
Trên hồ vầng trăng lung linh
Tôi viết tên em

Trên mỗi khoảnh khắc hừng đông
Trên đại dương trên tàu thuyền
Trên vùng núi non điên dại
Tôi viết tên em

Trên áng mây trôi bềnh bồng
Trên nhễ nhại con bão dông
Trên hạt mưa rào nhạt thếch
Tôi viết tên em

Trên cây đèn vừa thắp sáng
Trên cây đèn đang lụi dần
Trên cả họ hàng quây quần
Tôi viết tên em

Trên nơi trú ẩn tan hoang
Trên ngọn hải đăng đổ nát
Trên mấy bức tường ngao ngán
Tôi viết tên em

Chân trời sáng tạo

Trên sức khoẻ được phục hồi
Trên hiểm nguy đã tan biến
Trên hi vọng chẳng vấn vương
Tôi viết tên em

Và bằng phép màu một tiếng
Tôi bắt đầu lại cuộc đời
Tôi sinh ra để biết em
Để gọi tên em

TỰ DO[1].

Phùng Văn Tửu dịch
(*Ngữ văn 12*, NXB Giáo dục, 2010, tr. 171 – 172)

Hướng dẫn đọc

1. Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ.
2. Liệt kê các hình ảnh liên kết với hành động "viết tên em" trong mỗi khổ thơ. Trong các hình ảnh đó, hình ảnh nào mang ý nghĩa tượng trưng, hình ảnh nào mang ý nghĩa siêu thực?
3. Trong khổ thơ cuối, hành động "viết tên em" được thay thế bằng hành động "gọi tên em". Sự thay đổi này có ý nghĩa gì?
4. Chủ thể trữ tình "bắt đầu lại cuộc đời" với phép màu của "một tiếng" – TỰ DO. Theo bạn, tại sao tiếng TỰ DO có thể mang đến phép màu đó?
5. Theo bạn, bài thơ thể hiện thông điệp gì? Biện pháp tu từ điệp cấu trúc đã góp phần thể hiện thông điệp đó như thế nào?
6. Hãy xác định mối liên hệ giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

Bạn đã học về cách viết kiểu bài nghị luận xã hội ở các lớp trước và nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ ở Bài 2. Hãy vận dụng những kĩ năng đã học để phân tích ngữ liệu dưới đây.

[1] *TỰ DO* trong tiếng Pháp là *một từ* (liberté), bản dịch tiếng Việt dịch là "một tiếng".

Đọc ngữ liệu tham khảo

Bạn đang ở đâu trong hành trình "khẳng định bản thân"?

Giả sử một ngày nào đó, bạn nhận được một tấm bưu thiếp in hình nữ kình ngư Ánh Viên với nụ cười tươi tắn cùng tấm huy chương vàng lấp lánh trên cổ, mặt bên kia bưu thiếp là lời nhắn: "Hãy tìm ra điểm mạnh của mình và hãy biết cách tự khẳng định giá trị bản thân". Bạn sẽ suy nghĩ thế nào về lời nhắn đó?[1]

Đã bao giờ bạn tự hỏi bản thân: "Tôi là ai? Tôi đến với thế giới này để làm gì? Những người xung quanh nhìn nhận tôi như thế nào?". Nếu bạn gặp khó khăn trong việc trả lời những câu hỏi này, có lẽ bạn chưa biết thế nào là tự khẳng định giá trị của mình. "Tự khẳng định giá trị của bản thân" là khi bạn tự nhận ra điểm mạnh của mình, có ước mơ, hoài bão; nỗ lực để đạt được ước mơ, hoài bão và để lại ấn tượng sâu sắc trong mắt của những người khác. Trong một xã hội đang phát triển nhanh chóng như hiện nay thì việc tự khẳng định mình càng trở nên quan trọng.[2]

Giá trị của bản thân là điều khiến bạn trở nên khác biệt. Và nó cũng giúp bạn thực hiện được hoài bão của mình.[3] Có thể bạn không phải là người giỏi nhất, giàu nhất nhưng bạn luôn là duy nhất. Chỉ khi bạn thực sự hiểu mình cần gì, mình giỏi ở điểm nào thì bạn mới có thể thành công. Đơn cử như tiền vệ Mê-sút Ơ-siu (Mesut Ozil) của đội tuyển bóng đá Đức, vốn được biết đến với tài chuyền bóng như "dọn cỗ" cho đồng đội ghi bàn. Điều này không làm cho Ơ-siu trở nên nhạt nhoà mà khiến anh trở thành cầu thủ đắt giá, liên tiếp nhận được những giải thưởng danh giá. Anh thành công là nhờ biết tự khẳng định điểm mạnh của bản thân và chứng tỏ cho người khác thấy rằng, ai cũng có thể thành công theo cách của riêng mình.[3a]

Xã hội hiện nay đòi hỏi nhiều hơn ở mỗi người, vì thế, việc khẳng định giá trị bản thân càng quan trọng. Trong buổi tư vấn tuyển sinh đại học, một vị giáo sư cho rằng, gần đây, bằng cấp không còn quá quan trọng, các nhà tuyển dụng đang hướng tới những người trẻ có đam mê nghề nghiệp và thực sự biết làm mình nổi bật. Qua đó, có thể thấy bên cạnh yêu cầu về bằng cấp thì nét riêng của từng người ngày càng được coi trọng. Đây là áp lực đồng thời là lực đẩy khiến chúng ta nỗ lực hơn để trở thành một cá nhân nổi bật. Nếu chỉ ỷ lại vào gia thế và đổ lỗi cho hoàn cảnh, bạn khó có thể thành công. Giờ đây, chính bạn là người quyết định tương lai của mình.[3b]

Tự khẳng định giá trị của bản thân không phải là điều đơn giản.[4] Một bác sĩ muốn được người bệnh tin tưởng thì phải trải qua hàng chục năm trời học hỏi, nghiên cứu và thực tập. Nói rộng ra, tự khẳng định mình là quá trình học hỏi, rèn luyện, hoàn thiện bản thân để trở nên tốt hơn. Để một quốc gia, một cộng đồng phát triển, luôn cần những cá nhân như thế.[4a]

Đôi lúc, chúng ta thường quên mình thích gì, giỏi những gì, điểm mạnh của mình là gì. Đó là điều có thể khiến ta thất bại. Trước vô vàn những thử thách của cuộc sống, giá trị của bản thân là gốc rễ giúp bạn đứng vững. Thế nhưng vẫn còn những người trẻ thờ ơ trước vấn đề này. Họ chấp nhận cách sống buông trôi, không nỗ lực vươn lên. Lại có một bộ phận

[1]: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận

[2]: Giải thích vấn đề cần bàn luận

[3]: Trình bày luận điểm thứ nhất

[3a], [3b]: Nêu lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận điểm thứ nhất

[4]: Trình bày luận điểm thứ hai

[4a], [4b], [4c]: Nêu lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận điểm thứ hai

người trẻ chọn cách tự khẳng định bản thân theo hướng tiêu cực, quái đản, lập dị, tạo xcăng-đan (scandal), phát biểu gây sốc,... Đây thực sự là những cách thể hiện sai lầm, đi ngược lại quy chuẩn và yêu cầu của cuộc sống. Đó không phải là tự khẳng định mình chỉ là dùng những cách dị biệt để trở nên "khác người".[4b]

Khẳng định giá trị bản thân là một quá trình cần được định hướng đúng đắn từ ban đầu và từ nhiều phía. Chính vì vậy, gia đình và nhà trường cần quan tâm, giúp người trẻ sớm nhận ra điểm mạnh, thiên hướng của họ qua việc tổ chức các hoạt động đa dạng trong học tập và trong cuộc sống, để họ có thể phát triển bản thân. Mỗi người trẻ cũng cần đánh thức tiềm năng của chính mình bằng cách tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, thể thao, âm nhạc, các hoạt động phục vụ cộng đồng,... và không ngại thử thách bản thân.[4c]

Hãy hình dung, nếu trước mắt là tấm bảng chỉ đường ghi dòng chữ: "Con đường tự khẳng định mình" thì chúng ta hãy mạnh dạn bước trên con đường đó và đừng bỏ cuộc. Hãy cùng nhau thực hiện những điều sau:

Tôi sẽ tìm hiểu bản thân và khẳng định giá trị của mình!

Đừng bỏ quên con người thật của bạn![5]

(*Theo* Đỗ Phương Thảo, in trong *Những bài văn nghị luận xã hội chọn lọc*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 14 – 17)

[5]: Khẳng định lại ý kiến và đề xuất phương hướng hành động

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài (xem Bài 2) và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Tìm bố cục của bài viết và xác định vấn đề được bàn luận trong bài viết.
2. Nhận xét cách mở bài và kết bài của bài viết.
3. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.
4. Bạn học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ qua bài viết trên?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Trường bạn mở một diễn đàn bàn về vấn đề người trẻ trong bối cảnh toàn cầu hoá, có gợi ý một số đề tài cụ thể: hoà nhập chứ không hoà tan; những xu hướng nghề nghiệp trong tương lai; người trẻ và vai trò công dân toàn cầu;... Hãy chọn một trong những đề tài nêu trên (hoặc đề xuất một đề tài khác) và viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của bạn.

Bước 1: Chuẩn bị viết

- Bạn chọn đề tài nào?

Chân trời sáng tạo

• Bạn viết bài này nhằm mục đích gì?

• Người đọc bài viết này là ai? Họ mong chờ điều gì từ bài viết của bạn?

• Với mục đích và người đọc như vậy, bạn sẽ chọn cách viết như thế nào?

• Thu thập những lí lẽ, bằng chứng trong sách, báo, trong cuộc sống liên quan đến vấn đề cần bàn luận.

• Trao đổi hoặc phỏng vấn ý kiến của các bạn trong lớp, trên mạng xã hội về vấn đề mà đề bài đặt ra.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

• Chọn lọc những lí lẽ, bằng chứng đã thu thập.

• Thống kê, phân loại các ý kiến mà bạn đã phỏng vấn/ trao đổi.

• Trên cơ sở đó, phác thảo ý tưởng cho bài viết.

• Phân loại ý nào là luận điểm, ý nào là lí lẽ, bằng chứng; loại bỏ các ý trùng lặp hoặc không phục vụ cho vấn đề cần bàn luận.

• Sắp xếp các ý vừa tìm được theo một trình tự hợp lí (tham khảo hướng dẫn lập dàn ý ở Bài 2).

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn hãy viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với kiểu bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

• Đọc lại bài viết, dùng *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ* (Bài 2) để tự kiểm soát bài viết của mình.

• Bạn đã có những tiến bộ gì về kĩ năng viết kiểu bài này so với bài nghị luận đã viết ở bài trước?

NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

Đề tài:

Trường bạn tổ chức buổi toạ đàm về chủ đề: *Toàn cầu hoá và những thách thức đặt ra đối với đất nước trong giai đoạn hiện nay*. Bạn có nhiệm vụ:

– Chuẩn bị bài thuyết trình để tham gia buổi toạ đàm.

– Lắng nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của các bài thuyết trình khác.

– Thảo luận, nhận xét về nội dung và cách thức trình bày của các bài thuyết trình khác.

❖ **TRONG VAI TRÒ NGƯỜI NÓI**

Bước 1: Chuẩn bị nói

• Toàn cầu hoá đặt ra rất nhiều thách thức đối với Việt Nam. Từ mối quan tâm của bản thân, bạn có thể chọn một trong những đề tài sau để thuyết trình:

– Đất nước đang đứng trước những cơ hội, thách thức nào? Việt Nam có thể và nên làm gì để tận dụng các cơ hội, vượt qua những thách thức đó?

– Những nghề nghiệp nào mà thị trường lao động toàn cầu đang khát nguồn nhân lực?

– Việt Nam có thể phát triển ở những ngành nghề nào liên quan đến việc bảo tồn, phát triển một số giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc?

– ...

• Từ đề tài đã chọn, hãy tìm ý và lập dàn ý dựa vào các gợi ý sau:

– Giải thích và nêu biểu hiện của vấn đề.

– Lí giải vì sao vấn đề là thách thức hay cơ hội; sử dụng lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ các luận điểm.

– Nêu những giải pháp để nắm bắt cơ hội khắc phục, đối phó với các thách thức.

• Dùng sơ đồ để tóm tắt ý chính của bài thuyết trình, trình bày các ý theo một trình tự hợp lí.

• Chuẩn bị các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu, video clip,...) để làm tăng hiệu quả cho bài thuyết trình.

• Dự kiến những câu hỏi mà người nghe có thể đặt ra, đồng thời dự kiến câu trả lời.

Bước 2: Trình bày bài nói

• Trình bày ngắn gọn, mạch lạc nội dung của bài thuyết trình (dựa trên sơ đồ đã chuẩn bị).

• Kết hợp lời nói với việc trình chiếu sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu, video clip,... và biểu cảm bằng gương mặt, động tác hình thể.

• Tương tác tích cực với người nghe bằng ánh mắt, câu hỏi tu từ,...

Bước 3: Trao đổi, tự đánh giá

• Trả lời ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng, đúng trọng tâm của câu hỏi.

• Thể hiện thái độ cầu thị, tôn trọng người nghe.

Chân trời sáng tạo

• Tự đánh giá bài thuyết trình, cách thuyết trình của bản thân và của bạn khác dựa vào bảng kiểm ở Bài 2. Sau đó ghi ra hai bài học kinh nghiệm về:

– Những điều đã làm tốt khi thuyết trình.

– Hai điều cần điều chỉnh.

❖ **TRONG VAI TRÒ NGƯỜI NGHE**

Xem lại hướng dẫn ở phần *Nói và nghe* của Bài 2.

ÔN TẬP

1. Chỉ ra sự khác nhau giữa yếu tố tượng trưng và siêu thực trong thơ. Nêu ví dụ cụ thể về hai yếu tố này từ các bài thơ mà bạn đã học, đã đọc.
2. So sánh các văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ*, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, *Tự do* về những phương diện sau (làm vào vở):

Văn bản	Hình ảnh biểu tượng	Yếu tố siêu thực	Đặc sắc nghệ thuật	Chủ đề
Đây thôn Vĩ Dạ				
Đàn ghi ta của Lor-ca				
Tự do				

3. Yếu tố siêu thực có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm thơ trữ tình, đồng thời đặt ra thử thách gì đối với người đọc?
4. Tìm những từ ngữ mới xuất hiện gần đây được cấu tạo trên cơ sở các từ ngữ sau: *ngân hàng, hút bụi, nhân tạo, thông minh, đồng hồ, rô-bốt, trực tuyến, đề thi, dạy học, trí tuệ, điện thoại*. Giải thích nghĩa của các từ ngữ vừa tìm được.
5. Bạn rút ra những lưu ý hoặc kinh nghiệm gì khi:

   a. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ?

   b. Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước?
6. Thiết kế một tấm thẻ ghi lại những điều cần lưu ý khi thuyết trình về một vấn đề và cách lắng nghe, trao đổi về nội dung, cách thức thuyết trình.

BÀI 7

TRONG ÁNH ĐÈN THÀNH THỊ

(TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.
- Phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa.
- Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- Có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của các giá trị vật chất và tinh thần để ứng xử phù hợp.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tiểu thuyết là thể loại văn xuôi tự sự hư cấu cỡ lớn, có khả năng phản ánh những bức tranh đời sống ở quy mô sâu rộng. Nếu truyện ngắn có kích thước nhỏ, có thể đọc hết trong một lần đọc và được xuất bản dưới dạng tập truyện thì tiểu thuyết có dung lượng lớn hơn, có thể được xuất bản thành một ấn bản riêng, với số lượng nhân vật nhiều hơn, nhiều tuyến truyện đan xen với nhau, diễn biến cốt truyện phức tạp hơn và xảy ra trong bối cảnh không gian rộng, thời gian dài hơn. Chẳng hạn, tiểu thuyết *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng có dung lượng khoảng hơn 100 trang với khoảng 7 – 8 nhân vật quan trọng, các tuyến truyện chính đan vào nhau xoay quanh tuyến trung tâm là hành trình tiếp cận với xã hội thượng lưu của nhân vật chính Xuân Tóc Đỏ trong đô thành Hà Nội thời thuộc địa Pháp. Tiểu thuyết *Chiến tranh và hoà bình* của nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy) dài hàng nghìn trang với hàng trăm nhân vật quan trọng, hàng chục tuyến truyện đan xen phức tạp xoay quanh sự thăng trầm của các thế hệ ba dòng họ Bôn-kôn-xki (Bolkonsky), Bê-zu-khốp (Bezoukhov) và Rô-xtốp (Rostov) trong những biến động dữ dội của nước Nga qua cuộc Chiến tranh Vệ quốc năm 1812.

Chân trời sáng tạo

Tiểu thuyết hiện đại

Thời hiện đại: Thời đại lịch sử gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, quá trình đô thị hoá, chủ nghĩa tư bản và ý thức cá nhân. Ở phương Tây, thời hiện đại gắn với kỉ nguyên phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật và tư duy lí tính. Ở phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, thời hiện đại thường được tính là thời kì tiếp sau thời trung đại, khi quá trình thuộc địa hoá gây ra những biến động mạnh mẽ trong văn hoá và xã hội, khiến cơ cấu văn hoá truyền thống bị phá vỡ.

Tiểu thuyết hiện đại: Hình thức tiểu thuyết gắn liền với thời hiện đại, với những thay đổi mạnh mẽ về cấu trúc và tư duy nghệ thuật so với tiểu thuyết trung đại.

Ở Việt Nam, nếu tiểu thuyết trung đại sử dụng chữ Hán là chủ yếu, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ văn học Trung Quốc với kết cấu chương hồi, cốt truyện tuyến tính, đặc biệt chú trọng sự kiện và chi tiết đời sống, điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri, thì tiểu thuyết hiện đại sử dụng chữ Quốc ngữ, tiếp thu ảnh hưởng từ văn học phương Tây với kết cấu chương đoạn hiện đại, cốt truyện có thể tuyến tính hoặc phi tuyến tính, đặc biệt chú trọng đến thế giới nội tâm và sự phát triển tính cách của nhân vật, điểm nhìn đa dạng, phức tạp (ngôi thứ nhất hoặc thứ ba toàn tri, hạn tri hoặc có sự kết hợp, di chuyển điểm nhìn).

Ngôn ngữ tiểu thuyết: Nếu ngôn ngữ trong tiểu thuyết trung đại mang tính cách điệu, trau chuốt thì ngôn ngữ tiểu thuyết hiện đại dung nạp lời nói hằng ngày của mọi lớp người, kể cả tiếng lóng, phương ngữ,... Nhìn chung, tiểu thuyết kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ của người kể chuyện (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba) với ngôn ngữ của nhân vật.

Ngôn ngữ của người kể chuyện phản ánh thái độ, quan điểm của người kể chuyện đối với câu chuyện và nhân vật. *Ngôn ngữ của nhân vật* phản ánh xuất thân, nền tảng văn hoá, tính cách, thái độ của nhân vật. Trong một số tiểu thuyết có sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn. Ví dụ:

Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai. ***Tuyên bố rằng Xuân vốn con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần vợt, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi? Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may Âu hoá nữa!*** (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

Nhân vật tiểu thuyết: Nhờ quy mô lớn và khả năng phản ánh đời sống sâu rộng, tiểu thuyết có xu hướng xây dựng những nhân vật đời thường trong nhiều mối quan hệ đa dạng, với số phận trọn vẹn và quá trình phát triển tính cách dài, phức tạp.

Biện pháp tu từ nói mỉa

Nói mỉa là biện pháp tu từ sử dụng cách diễn đạt có nghĩa tường minh khác với điều người nói, người viết muốn thể hiện, nhằm bộc lộ thái độ mỉa mai, châm biếm,

tạo hiệu quả hài hước cho văn bản. Nói mỉa thường được sử dụng trong giao tiếp hằng ngày và trong sáng tác văn chương, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng.

Ví dụ: *Chuột chù chê khỉ rằng hôi*

Khỉ mới trả lời: Cả họ mày thơm

(Ca dao)

"Dì thích tập thể thao? Một cuộc đắc thắng của thể thao! Một cuộc tiến bộ của nước Việt Nam! Sự cường thịnh của nòi giống!

Ông ấy nói thế một cách sốt sắng chẳng kém những người gầy gò ốm yếu không hề tập thể thao bao giờ và chỉ xui giục kẻ khác." (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

Lưu ý: Ý nghĩa mỉa mai cũng có thể được thể hiện trong cách nói nghịch ngữ.

Ví dụ: ***Những tiếng "Hắn đấy!" hay "Xem hắn kìa!" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng*** *mà chúng tôi thường gặp dọc đường.* (Nguyễn Ái Quốc, *Vi hành*)

Trong ví dụ trên, ý nghĩa mỉa mai được thể hiện trong cách nói nghịch ngữ (sự kết hợp để làm bật lên tính mâu thuẫn, đối lập giữa *những lời chào mừng kín đáo và kính trọng* với *những tiếng "Hắn đấy!" hay "Xem hắn kìa!"*).

ĐỌC

VĂN BẢN 1

HAI QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

(Trích *Số đỏ*)

Vũ Trọng Phụng

Số đỏ là một trong những tiểu thuyết xuất sắc trong nền văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Tác phẩm gồm 20 chương, kể về hành trình gia nhập xã hội thượng lưu Hà Nội vào đầu thế kỉ XX của nhân vật chính Xuân Tóc Đỏ. Xuất thân là một đứa trẻ mồ côi, thất học, lang thang lề đường xó chợ với mái tóc đỏ hoe, Xuân trải qua nhiều nghề để kiếm sống: bán báo, bán phá-xa (tức đậu phộng rang), rao bán thuốc lậu, nhặt bóng ở sân quần vợt,... và bị đuổi việc vì một hành động vô giáo dục. Tuy nhiên nhờ đó, hắn được bà Phó Đoan – một me Tây dâm đãng – chú ý và bảo lãnh cho thoát khỏi việc tù tội, sau đó giới thiệu đến làm việc cho hiệu may Âu hoá của vợ chồng Văn Minh. Từ đó, bằng sự tinh ranh, lọc lõi, Xuân dần gia nhập vào giới thượng lưu, mang danh xưng "sinh viên trường thuốc" (tức trường y), "giáo sư quần vợt". Nhờ vô tình gây ra cái chết của cụ cố tổ, ông nội của Văn Minh, giúp con cháu của cụ nhanh chóng được hưởng trọn gia tài nên Xuân được cả gia đình Văn Minh biết ơn và dự định gả cô Tuyết – em út của Văn Minh – cho hắn. Tham gia giải quần vợt

Chân trời sáng tạo

nhân dịp vua Xiêm sang Bắc Kì, Xuân dùng thủ đoạn loại bỏ các đối thủ mạnh nhất để trở thành người duy nhất đấu với quán quân của Xiêm. Xuân được lệnh thua nhưng nhân đó hắn đã diễn thuyết để biến trận thua của mình thành sự hi sinh vì nghĩa lớn. Kết truyện, Xuân được tung hô là "anh hùng cứu quốc", được nhận Huân chương Bắc đẩu bội tinh, được mời tham gia các hội nhóm cải cách xã hội và hứa hôn với cô Tuyết.

Văn bản *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* thuộc Chương V trong tiểu thuyết *Số đỏ*, kể về ngày đầu tiên Xuân đến làm việc cho tiệm may Âu hoá.

Trước khi đọc

Dưới đây là hình ảnh một góc phố Hà Nội thời Pháp thuộc. Hãy quan sát và nêu nhận xét của bạn về trang phục, xe cộ và nhà cửa trong hình.

(*https://thethaovanhoa.vn/ha-noi-nhung-nam-1920-1945-noi-tap-trung-cac-dia-chi-cong-nghiep-van-hoa-20230204074927055.htm*)

Đọc văn bản

Ông chủ, bà chủ đã cùng với mấy bà tân thời[1] và mấy ông du học sinh lên một chiếc xe hơi đi lên hiệu khách[2] ăn cơm.

Bọn thợ may, các cô khâu, đã lũ lượt kéo nhau ra về.

Đồng hồ đánh mười hai tiếng.

Ngoài phố, trên các cây sấu, những con ve sầu nhất định phá giấc ngủ trưa của các quý quan.

Xuân Tóc Đỏ tự hỏi: "Thế này thì nước mẹ gì?". Nó đi đi lại lại, ôn những lời dặn bảo của chủ nó.

[1] *Tân thời*: theo kiểu mới, mốt mới.

[2] *Khách*: người gốc Hoa ở Việt Nam; *hiệu khách*: nhà hàng của chủ người Hoa.

– Trước khi có thể giúp chúng tôi về thể thao, anh hãy cố sức giúp xã hội trong cuộc Âu hoá. Anh phải nhớ kĩ rằng hôm nay trở đi thì anh đã dự một phần vào cuộc cải cách xã hội[1] rồi. Từ đây mà đi xã hội văn minh hay dã man là trách nhiệm ở anh! Vậy anh nên làm ăn chăm chỉ, phải trông nom hết tất cả mọi việc, và nhất là phải hiểu những công việc mình làm.

Ông chủ thời nói một cách cầu kì đại khái thế. Giản dị hơn nữa, bà chủ chỉ bảo Xuân:

– Thế nghĩa là lúc nào rỗi thì cầm cái chổi này (bà đưa luôn ngay ra một cái phất trần[2]) mà phủi bụi những súc lụa, những quần áo ở ma-nơ-canh. Phải biết cái gì là vệ sinh, đừng để cửa hiệu rác rưởi, bụi bậm. 1

Theo dõi

1 Chú ý sự khác biệt giữa cách ông chủ với bà chủ giao việc cho Xuân.

– Vâng ạ.

Nhà mĩ thuật[3] lại dặn:

– Cần hơn nữa là anh phải biết tên các đồ hàng, các mốt y phục, để cho khách vào hàng thì có thể chỉ bảo cho khách có một cái gu!

– Bẩm cái gu là cái gì ạ?

Nhà thẩm mĩ đã ấp úng, phải vỗ tay vào trán mấy cái, rồi mới nói:

– Nghĩa là... nghĩa là cái thích, cái sở thích, cái... cái quan niệm về mĩ thuật.

– Bẩm, tôi vẫn chưa hiểu.

– Anh không hiểu thì phải cố mà hiểu! Thế là thế này: Anh phải thoáng trông thấy một bộ quần áo là nhớ ngay đến tên của nó, để mà có thể tán cho khách nghe vui tai. Anh phải biết cái phận sự của người văng-đơ (vendeur), nghĩa là người bán hàng! Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ y phục tân thời, thế là nước nhà lại có thêm một người tiến bộ.

– Bẩm, như thế thì ra tôi lại phải biết cả các mặt hàng tơ lụa hay là bà này nên may mặc ra làm sao, cô kia nên may mặc ra làm sao?

Nhà mĩ thuật trợn mắt, so vai, trỏ mặt Xuân:

– Lạm quyền! Lạm quyền! Đấy là công việc của tay-ơ[4], là của tôi! Là của một mình tôi! Một mình tôi mà thôi! Đây này... anh ra đây.

Xuân bị lôi đến trước một chiếc ma-nơ-canh. Nhà mĩ thuật nói:

– Hở cánh tay và hở cổ là *Dậy thì*! Anh đọc thật to lên!

---

[1] *Cải cách xã hội*: phong trào đổi mới văn hoá – xã hội, nổi lên khoảng thập kỉ 30 của thế kỉ XX ở Hà Nội, nhằm xoá bỏ các tập tục, lối sống cũ để xây dựng đời sống văn hoá mới theo kiểu phương Tây.

[2] *Phất trần*: ở đây là chổi lông gà.

[3] *Nhà mĩ thuật*: ở đây chỉ nhà thiết kế thời trang Typn, làm việc ở tiệm may Âu hoá.

[4] *Tay-ơ* (tiếng Pháp: *tailleur*): thợ may.

Xuân nhắc lại như một con vẹt học một bài học thuộc lòng:

– Hở cánh tay và hở cổ là *Dậy thì*! Hở cánh tay và hở cổ là *Dậy thì*! 2

Nhà mĩ thuật gật gù hài lòng và lôi Xuân ra một cái ma-nơ-canh khác:

– Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! Đọc cho quen mồm đi!

Suy luận

2 Đặt tác phẩm vào bối cảnh văn hoá Việt Nam ở thập kỉ 30 của thế kỉ XX, bạn nhận xét như thế nào về những mẫu trang phục của tiệm may Âu hoá và cách đặt tên cho những bộ trang phục đó?

– Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*!

– Tốt lắm! Anh cứ chịu khó học như thế vài lượt là thuộc mặt chữ, à quên, không, là đã thuộc lấy kiểu mới mà nghệ thuật đã chế tạo đó. [...] À quên, anh đọc nổi những chữ kẻ ở bảng này đấy chứ?

– Bẩm vâng, chữ này kiểu cũ, tôi đọc được[1].

– Thôi, thế tôi để nguyên một mình anh với anh!

Trước khi ra đi, bà Văn Minh còn dặn:

– Anh lấy cái bảng có chữ *Đóng cửa buổi trưa* mà treo tủ kính rồi anh ngồi trông hàng. Có ai vào thì tiếp, ai hỏi thì nhớ lấy rồi ra bảo tôi.

Thế rồi... cả bọn ra đi.

Xuân Tóc Đỏ đã hiểu rõ cái địa vị mình rằng trong cuộc Âu hoá, trong cái việc cải cách xã hội, nó chỉ là một anh loong toong[2]. Nó không bất mãn ở chỗ ấy nhưng ở chỗ người ta không nhớ rằng nó cũng cần phải nghỉ ngơi cơm nước như mọi người khác. Nó thấy đói lắm. Nó rất muốn trông thấy bà Phó Đoan, nhưng bà đã lên xe hơi với con chó yêu quý của bà từ bao giờ... rồi.

Nó đi đi lại lại trong cái cửa hàng vắng tanh êm ả, miệng nó lầm bầm mấy lần: "Chả nước mẹ gì cả!". Rồi nó cầm cái chổi phất trần, lần lượt phủi bụi cho những chiếc ma-nơ-canh. Nó đọc rất to, lại lai nhai giọng hò như tiếng ê a của trẻ con học bài thuộc lòng chữ Hán vậy. Có điều đáng lạ là bài nó học chính tự nó đặt ra.

– Mẹ kiếp! Quần với chả áo! Cái này là cái gì? À *Lời hứa*!... Thắt đáy, nở ngực... phải phải! Thắt đáy, nở ngực là *Lời hứa*. Hở ngực, hở tay, hở đùi là *Chinh phục*! Hở ngực, hở đùi là *Chinh phục*! Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! 3

Dự đoán

3 Theo bạn, với cách "học" như vậy, liệu Xuân Tóc Đỏ có thể hoàn thành tốt công việc bán hàng cho tiệm may Âu hoá như ông bà chủ đã giao phó không?

[1] Trước đó, khi Xuân Tóc Đỏ mới đến tiệm may Âu hoá, hắn không thể đọc được bảng hiệu tiệm may do chữ viết trên đó là chữ cách điệu.

[2] *Loong toong* (planton): người làm việc vặt hoặc để cho người khác sai vặt.

Cái chổi vướng cái đinh rơi xuống đất. Nó cúi nhặt, mồm vẫn đọc thật to:

– Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! Hở... hở là... *Ngây thơ*!

Giữa lúc ấy có một thiếu phụ còn trẻ tuổi lắm, đẩy cửa sầm sầm bước vào hàng. Hai người nhìn nhau kinh ngạc một lúc, rồi thiếu phụ cất cao giọng hỏi:

– Ông... ông là ai?

Xuân Tóc Đỏ ưỡn ngực lên, giấu cái chổi lông gà sau lưng, nghiêm trang:

– Tôi?... Là... là... một người dự phần trong việc Âu hoá.

– À!

– Một người cải cách xã hội... có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là dã man.

– À, thế thì tốt lắm!

– Thế cô muốn gì? Cái quần *Hãy chờ một phút* nhé?

– Tôi có chồng rồi! Tôi không chờ được phút nào cả.

– Vậy bà muốn gì, thưa bà?

– Chồng tôi! Cải cách! Âu hoá! Chồng tôi đâu?

– Bẩm thế là ai?

– Ông Típ... fff... ạ!

– Ông gì ạ!

– Ông Típ-phờ-nờ!

Xuân Tóc Đỏ ngẩn mặt ra như người bằng gỗ đến năm phút rồi mới hỏi lại:

– Bẩm ông... ông Típ-phờ-nờ?

– Phải! Chính thế. Ông ấy đâu?

– À, đây không có ai tên là ông Típ-phờ-nờ ạ!

– Có lắm. Chính là ông mĩ thuật Đông Dương, ông cai thợ may[1], cái ông vẫn kí tên ở các báo mục phụ nữ là Typn, nghĩa là: *Tôi yêu phụ nữ*! Ông cải cách xã hội mà lại còn không biết? Thế ông cải cách từ bao giờ?

– À, bẩm thế thì có. Nhưng mà ông ấy vừa đi đâu...

– Thế thì tôi chờ.

– Vâng, xin bà cứ tự nhiên, cái đó vô hại.

– Ông trông hộ xem quần áo tôi may thế này đã có gì là tân thời chưa?

[1] *Cai thợ may*: người trông coi, quản lí thợ may.

Xuân Tóc Đỏ nhìn qua cái áo dài giản dị, cổ áo không thuộc mốt lá sen cũng như không thuộc mốt bánh bẻ, cái quần trắng giản dị kín đáo, đôi giầy nhung đen không cầu kì mấy, thì chỉ thấy nó có vẻ đứng đắn thôi. Vì trong óc nó có sẵn thành kiến là cái gì nhố nhăng thì mới là tân thời, nó bèn đáp: 4

Theo dõi

4 So sánh trang phục của bà Typn với những bộ trang phục trong tiệm may Âu hoá.

– Bẩm, trông bà chỉ có vẻ lương thiện đứng đắn thôi chứ không tân thời mấy ạ.

– Có phải thế không, hở ông?

Xuân gật đầu lia lịa:

– Vâng ạ! Vâng ạ! Thế thì cổ lắm, chưa được Âu hoá mấy! Bà là vợ ông Típ-phờ-nờ mà ăn vận thế, e còn là hủ lậu đấy. Thế bà chưa biết rằng ông nhà đã chế ra nhiều kiểu rất tân tiến hay sao? Nào là *Ngây thơ*, *Chinh phục*, *Lưỡng lự*, *Chờ một phút*, *Ôm ờ*, *Ngừng tay*; nhiều kiểu lịch sự lắm, bà ạ.

Thiếu phụ nghiến rít hai hàm răng lại mà nói:

– Chồng tôi áp chế tôi lắm! Tôi không chịu nổi nữa!

– Thưa bà, thế là một sự trở ngại trên đường tiến hoá! Mà muốn phản đối lại việc ấy, bà chỉ còn có một cách là chiếu cố đến bản hiệu mà may ngay một bộ quần áo gọi là *Nữ quyền*! Mặc nó vào, người vợ sẽ được chồng khiếp sợ... Văn Minh đã bảo thế!

– Ông là người có học thức lắm. Ông nói văn vẻ y như viết văn Tây! Vậy thì ông hết sức che chở cho tôi trong cuộc Âu hoá nhé?

Xuân Tóc Đỏ cúi xuống rất thấp:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Thiếu phụ sung sướng cả cười:

– Chà! Ông phong nhã quá đi mất!

– Thưa bà, hạnh phúc có gì là khác, nếu nó không là hạnh phúc của vợ chồng? Nếu ái tình đến thời kì phai nhạt thì làm thế nào cho vợ chồng có hạnh phúc?

– Ấy chính thế đấy! Nếu ông Typn cứ cấm đoán mãi tôi, thì chắc không thể yêu được mãi ông ấy như vào ngày mới cưới nữa.

– Thưa bà, chúng tôi không phải chỉ cải cách bề ngoài như lời gièm pha của phái đạo đức hủ lậu đâu. Vả lại... thưa bà... tiến theo luật tiến hoá chung của xã hội... giữa buổi canh tân này, cái gì là bảo thủ thì bị đào thải đi... Quần áo để làm tăng vẻ đẹp, không cốt che đậy...

Xuân Tóc Đỏ đương mở máy nói như một cái kèn hát thì cánh cửa kính bị đẩy tung ra. Nhà mĩ thuật sầm sầm chạy vào, có nhà viết báo đi theo.

Nhà mĩ thuật giơ tay lên trời mà than dài:

Chân trời sáng tạo

– Ôi! Phong hoá suy đồi!

Đoạn về sau lưng giơ tay lặng lẽ phân bua với nhà viết báo. Ông này cho đó là cơn ghen đích đáng của những nhà nghệ sĩ chân chính (những nhà nghệ sĩ là hay cả ghen lắm) liền phịu mặt, khẽ nói:

– Thật không thể tha thứ được!

Nhưng nhà mĩ thuật lại hiểu câu ấy theo ý riêng chứ không phải do lòng ghen tuông. Ông vồ lấy câu ấy mà nói:

– Có phải thế không, anh? Vợ tôi? Chính vợ tôi? Chính vợ tôi mà lại ăn mặc tân thời như thế này? Hở giời? Quần trắng nữa ư? Hở giời? Đường ngôi lệch, bôi môi hình quả tim[1] ư? Hở giời? [...] Đồ... 5

Theo dõi

5 So sánh ngôn ngữ của ông Typn lúc này với ngôn ngữ khi ông nói chuyện với Xuân Tóc Đỏ ở đầu đoạn trích.

Xuân Tóc Đỏ giơ tay ngăn:

– Thưa ngài, tôi xin che chở phái đẹp trong cuộc Âu hoá!

Bà vợ nhà mĩ thuật lúc ấy tức giận như vợ những nhà mĩ thuật mà rằng:

– Thôi đi, anh là đồ ngu! Anh hô hào đổi mới Âu hoá, anh cổ động phái phụ nữ phải cải cách y phục theo mốt của anh, phải đánh phấn bôi môi theo cách thức của anh, thì tôi, tôi phải là một phụ nữ mặc dầu tôi chỉ là vợ anh! Tôi là người đàn bà! Khắp bàn dân thiên hạ này ai cũng có thể làm chứng cho tôi rằng tôi là phụ nữ, chính tôi cũng là phụ nữ! Ai bảo không? Ừ, có ai dám chối không? Tôi thách ai dám bảo tôi không là đàn bà đấy?

Nhà mĩ thuật xua tay:

– Biết rồi! Biết rồi... Câm đi! Thối chưa?

– Tôi không câm có được không?

– Câm đi, đồ ngu! Khi người ta cổ động đàn bà thì phải biết là cũng có năm bảy thứ đàn bà! Khi người ta nói phụ nữ... là nói vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của ta! Mợ[2] đã hiểu chưa? Người khác thì được, mà mợ, mợ là vợ tôi, thì mợ không thể tân thời như người khác được!

Bà Typn cãi:

– Thế thì tôi không hiểu nữa đấy! Vô lí!

Nhà mĩ thuật quay sang cầu cứu nhà viết báo. Ông này cắt nghĩa:

– Thưa bác, ta nên chia gia đình với xã hội ra làm hai.

– Thế sao bác cũng chủ trương cải cách trong báo của bác?

[1] So với áo dài truyền thống thường màu sẫm và đi kèm quần lĩnh đen, tóc rẽ ngôi giữa, trang phục cách tân của phụ nữ thành thị Hà Nội những năm 1930 – 1940 thường kết hợp với quần màu trắng và tóc rẽ ngôi lệch, trang điểm kiểu phương Tây.

[2] *Mợ*: cách người chồng gọi vợ trong một số gia đình trung lưu ở miền Bắc.

Chân trời sáng tạo

– Là vì tôi cũng như bác giai. Phụ nữ nghĩa là vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của tôi. Gia đình tôi thì cứ phải theo cổ, không được có hạng đàn bà ăn mặc tân thời nay khiêu vũ, mai chợ phiên, rồi về nhà chửi lại mẹ chồng bằng những lí thuyết bình quyền với giải phóng!

Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến làm cho nhà mĩ thuật cũng hăng hái nói tiếp:

– Đối với tôi ấy à?... Đàn bà cứ nhốt trong buồng. Mợ đã hiểu ra chưa?

Vợ nhà mĩ thuật thất thanh kêu:

– Giời ơi! Có thể như thế được chăng?

Nhà viết báo giơ hai tay lên không khí, ra vẻ sốt ruột:

– Giời ơi! Thì chỉ có thế mà mãi không hiểu?

Nhà mĩ thuật lại tấm tức nói ngay:

– Rõ đồ khốn! Tưởng bở! Đời nay mốt này, mai mốt khác để làm túi cơm giá áo[1] à? […] Đừng có học đòi! Đừng có lãng mạn!

Rồi nhà mĩ thuật quay lại chỉ vào mặt Xuân:

– Tôi đã bắt được quả tang anh dùng những văn chương bóng bẩy ra mê hoặc vợ tôi, định làm cho vợ tôi truỵ lạc, định làm tan nát gia đình nhà tôi đấy nhé! Anh cứ liệu cái thần hồn!

Sau cùng thì ông lôi lấy tay vợ ông, kéo xềnh xệch ra cửa, hầm hầm gắt mắng:

– Mau! Đi về ngay! Về cởi cái quần trắng ra ngay! Không có mà không vợ, không chồng gì nữa đâu.

Nhà viết báo cắp cặp chạy theo cặp vợ chồng ấy nốt.

Còn lại một mình trong phòng, Xuân Tóc Đỏ ôm đầu nghĩ ngợi, băn khoăn không hiểu nghĩa lí cái việc cải cách của ông cai thợ may ra làm sao.

(Trích *Số đỏ*, *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, NXB Văn học, 2015, tr. 228 – 237)

Sau khi đọc

1. Đoạn đối thoại giữa Xuân Tóc Đỏ với ông bà Văn Minh, ông Typn về công việc trong tiệm may diễn ra vào lúc nào và có vai trò gì đối với câu chuyện được kể trong văn bản?

2. Trước khi đến tiệm may Âu hoá làm việc, Xuân chỉ mới trải qua các công việc như bán báo dạo, bán thuốc lậu, nhặt bóng ở sân quần vợt,... chứ chưa từng bán hàng

[1] *Giá áo túi cơm/ túi cơm giá áo* (thành ngữ): loại người vô dụng, tầm thường, chỉ biết hưởng thụ mà không có đóng góp gì cho gia đình và xã hội.

thời trang. Trong văn bản trên, "thế mạnh" nào của Xuân đã khiến cho nhân vật chiếm được lòng tin của vợ ông Typn? Chi tiết, từ ngữ nào thể hiện "thế mạnh" đó của Xuân?

3. Công việc ở tiệm may Âu hoá có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc tiến thân của Xuân sau này? Chi tiết nào giúp bạn nhận ra ý nghĩa đó?

4. Liệt kê vào bảng sau các hành động, lời nói của ông Typn; từ đó nêu nhận xét về tính cách cũng như quan niệm của nhân vật này đối với việc "cải cách trang phục" nói riêng và "cải cách xã hội" nói chung (làm vào vở):

Ứng xử của ông Typn	Lời nói	Hành động
Với Xuân		
Với bà Typn		

5. Nêu chủ đề của văn bản. Những hành động, lời nói của vợ chồng Văn Minh và ông nhà báo trong đoạn trích trên có ý nghĩa như thế nào đối với việc thể hiện chủ đề đó?

6. Theo bạn, "nghĩa lí cái việc cải cách của ông cai thợ may" mà Xuân Tóc Đỏ băn khoăn không hiểu, thực chất là gì? Nghĩa lí đó cho thấy điều gì trong thái độ của người kể chuyện đối với công cuộc Âu hoá, phương Tây hoá ở đô thị Việt Nam vào thập niên 30 của thế kỉ XX mà tác phẩm phản ánh?

7. Nhận xét về ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật trong đoạn trích. So sánh với ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật trong một tác phẩm tự sự trung đại mà bạn đã học.

8. Theo bạn, tiểu thuyết *Số đỏ* thuộc phong cách nghệ thuật nào? Các thủ pháp trào phúng có vai trò như thế nào trong việc thể hiện đặc điểm phong cách ấy?

Chân trời sáng tạo

Vũ Trọng Phụng (1912 – 1939): nhà văn, nhà báo, quê ở làng Hảo, huyện Mĩ Hào, tỉnh Hưng Yên, sống ở Hà Nội từ nhỏ; là một trong những đại diện xuất sắc nhất của trào lưu hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng bao gồm truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết và phóng sự, luôn đề cập đến những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của xã hội đương thời, với cái nhìn bao quát sâu rộng và giọng văn sắc sảo, có phần đắng cay, chua chát: phóng sự *Kĩ nghệ lấy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936), *Lục xì* (1937); tiểu thuyết *Số đỏ* (1936), *Giông tố* (1936),…

Vũ Trọng Phụng
(Từ điển Văn học, bộ mới, NXB Thế giới, 2004)

VĂN BẢN 2

Ở VA-XAN (VAUXHALL)[1]

(Trích *Hội chợ phù hoa*)

Uy-li-am Thác-cơ-rây (William Thackeray)

Tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* của nhà văn Anh Thác-cơ-rây xoay quanh hành trình của cô gái nghèo Rê-béc-ca Sáp (Rebecca Sharp) đi tìm chỗ đứng trong xã hội thượng lưu Anh thế kỉ XIX. Xinh đẹp, thông minh, khôn khéo, Rê-béc-ca vạch ra nhiều kế hoạch tiếp cận các chàng trai giàu có để tiến thân.

Người đầu tiên cô tìm cách quyến rũ là Giô Sét-lây (Joe Sedley), anh ruột của A-mê-li-a Sét-lây (Amelia Sedley) – bạn thân của cô. Kế hoạch lấy Giô không thành do bị Giooc Ốt-xbon (George Osborne) phá hoại, Rê-béc-ca đành đi làm gia sư cho gia đình quý tộc Pít Crâu-lây (Pitt Crawley), sau đó quyến rũ và lấy con trai cụ Pít, tức anh chàng Râu-đân Crâu-lây (Rawdon Crawley) mê cờ bạc. Tuy không được thừa kế, nhưng Rê-béc-ca cũng bắt đầu cuộc sống xa hoa bằng cách lợi dụng danh tiếng dòng họ nhà chồng để bày ra nhiều mánh khoé nhằm vay nợ và giúp chồng cờ gian bạc lận. Sau chiến tranh, tuy đã có chồng con nhưng cô vẫn kiếm tiền bằng cách hẹn hò với nhiều người đàn ông giàu có, cho đến khi chồng cô phát hiện và cắt đứt quan hệ với cô.

Trong khi đó, cô bạn A-mê-li-a kết hôn cùng Giooc Ốt-xbon với sự giúp đỡ của Đô-bin (Dobbin), bạn Giooc. Sau khi Giooc tử trận trong cuộc chiến Oa-tơ-lu (Waterloo)[2], cha A-mê-li-a phá sản, cô vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con.

Hai người phụ nữ gặp lại nhau, Rê-béc-ca nhận ra giá trị của Đô-bin và thuyết phục A-mê-li-a tái giá với anh. Còn bản thân Rê-béc-ca, bị bạn bè, chồng con xa lánh, nhưng cô vẫn tiếp tục quyến rũ Giô Sét-lây cho đến khi anh ta qua đời và để lại cho cô một gia sản lớn.

Ở Va-xan trích từ Chương 6 trong tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa*, kể về chuyến đi chơi của Rê-béc-ca với anh em Giô và A-mê-li-a Sét-lây, cùng Giooc Ốt-xbon – người mà A-mê-li-a say mê – và Đại uý Đô-bin, bạn của Giooc. Rê-béc-ca cố gắng gợi ý để Giô cầu hôn mình, nhưng không thành công.

Trước khi đọc

Bạn có biết câu chuyện nào nói về hành trình của những con người xuất thân nghèo khổ đi tìm chỗ đứng trong xã hội thành thị không? Theo bạn, những người như vậy có thể gặp những cơ hội và những thách thức nào trong hành trình tìm kiếm thành công?

---

[1] *Va-xan*: khu công viên giải trí lớn ở Luân Đôn (London), nước Anh, được xây dựng từ thế kỉ XVII.

[2] *Trận Oa-tơ-lu*: trận chiến năm 1815 giữa quân đội Pháp với Liên minh Anh – Phổ – Hà Lan và một số công quốc khác.

Đọc văn bản

Tôi cũng biết rằng câu chuyện tôi đang kể chẳng có gì là đặc sắc (tuy rằng sắp đến vài chương ghê gớm đây), và cũng xin bạn đọc rộng lượng nhớ cho rằng chúng ta đang nói chuyện về gia đình một người buôn cổ phiếu ở công viên Rút-xen (Russell), mà họ thì đang đi chơi hoặc ăn điểm tâm, hoặc dùng cơm tối, hoặc nói chuyện, hoặc phải lòng nhau, chẳng khác gì thiên hạ trong cuộc sống hằng ngày vậy; cũng chưa có một sự kiện ghê gớm kì lạ nào đánh dấu bước tiến bộ trong những mối tình của họ. Câu chuyện đại khái như thế này… Ốt-xbon yêu A-mê-li-a; anh ta mời một người bạn cũ đến dùng bữa tối rồi đi chơi Va-xan, còn Giô Sét-lây cũng yêu Rê-béc-ca. Hai người có lấy nhau không? Đó là vấn đề ta đang xét.

Chúng ta rất có thể giải quyết vấn đề một cách hoặc êm đềm, hoặc lãng mạn, hài hước. Giả thử ta đặt câu chuyện vào khung cảnh Quảng trường Grô-vê-nơ (Grosvenor), cũng những tình tiết ấy… liệu có ai thèm nghe không? [...] Nếu thế, có lẽ chúng tôi đã có thể dễ dàng viết được một truyện rùng rợn; độc giả hẳn phải hồi hộp mà đọc ngấu nghiến những chương sách ghê gớm đó. Nhưng xin các bạn đọc đừng chờ đợi ở đây một cuốn truyện thuộc loại như vậy; đây chỉ là một câu chuyện gia đình và xin hãy bằng lòng với một chương kể chuyện Va-xan, chương này ngắn ngủi lắm, đến nỗi không đáng gọi là một chương nữa. 1

Suy luận

1 Bạn nhận xét như thế nào về thái độ của người kể chuyện trong đoạn này?

Thế mà nó vẫn là một chương, lại là một chương quan trọng nữa cơ đấy. Trong đời sống hằng ngày, chẳng đã từng có những chương bé nhỏ, hình như không có nghĩa lí gì, song thật ra đã ảnh hưởng đến cả đoạn sau của cuộc đời chúng ta đấy sao?

Vậy thì chúng ta hãy cùng bước vào trong chiếc xe ngựa với bốn cô cậu ở công viên Rút-xen và thẳng đường đến Va-xan. Giô và cô Sáp ngồi ở ghế trước, giữa có một chỗ ngồi để trống. Ốt-xbon ngồi trước mặt họ, bị ép giữa Đại uý Đô-bin và A-mê-li-a.

Trên xe, ai cũng yên trí đêm hôm ấy thế nào Giô cũng ngỏ ý hỏi Rê-béc-ca Sáp làm vợ. Ở nhà, hai bậc cha mẹ cũng tán thành việc bố trí này, tuy ta phải nói riêng với nhau rằng ông lão Sét-lây đối với con trai gần như có ý khinh bỉ. Ông bảo rằng con trai ông phù phiếm, ích kỉ, lười biếng, và đàn bà quá. Ông cụ không chịu được những điệu bộ công tử bột của anh chàng, và rất tức cười về những chuyện "huyên thiên xích đế"[1] của cu cậu.

[...] Trái lại, A-mê-li-a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta. Có một hai lần Giô định nói

[1] *Huyên thiên xích đế*: (khẩu ngữ) ý muốn nói nhiều lời, lan man.

một điều gì đó rất quan trọng với em gái, mà cô em cũng rất sẵn sàng lắng nghe ông anh thổ lộ nỗi lòng, song anh chàng béo ị lại không đủ can đảm ngỏ cái điều bí mật quan trọng ủ ấp sâu kín trong trái tim mình; anh ta chỉ thở dài thật to và quay đi làm cho cô em gái cũng đến phát chán. 2

Dự đoán

2 Theo bạn, Giô định nói điều gì với cô em gái A-mê-li-a? Vì sao anh ta không nói nữa?

Điều bí mật sâu kín ấy có tác dụng khiến cho tâm trí cô A-mê-li-a dịu dàng của chúng ta lúc nào cũng bồi hồi chờ đợi, cô không hề trao đổi với Rê-béc-ca về câu chuyện tế nhị này; nhưng bù lại cô đã thân mật kể đầu đuôi câu chuyện với bà quản gia Blên-kin-sốp (Blenkinsop); bà này lại khéo léo buông vài lời bóng gió với chị hầu gái; rất có thể chị này đã hấp tấp mách lại với chị làm bếp; và chị làm bếp lại đem tin này phổ biến với những người bán thực phẩm cho gia đình. Cuối cùng việc hôn nhân của Giô trở thành câu chuyện người nào ở công viên Rút-xen cũng biết cả.

Mọi sự dường như đều mỉm cười với cái may mắn của Rê-béc-ca. Mỗi khi xuống nhà ăn cơm, cô lại khoác tay Giô đi, như là một điều dĩ nhiên; cô đã ngồi cạnh Giô trên chiếc xe riêng mui trần của anh ta (Giô thật là một con hươu đầu đàn lẫm liệt, vì anh ta ngồi rất bình thản trên xe tự điều khiển lấy đôi ngựa xám của mình). Tuy không ai nói một lời nào về cuộc hôn nhân này, song dường như ai cũng đã rõ chuyện. Rê-béc-ca chỉ thèm có một điều là Giô ngỏ ý với mình. Chao ôi! Bây giờ cô ta mới cảm thấy mình thiếu một bà mẹ, một bà mẹ âu yếm dịu dàng, có thể giải quyết vấn đề chỉ trong mười phút đồng hồ, vì chỉ qua một câu chuyện riêng nho nhỏ, tế nhị, là có thể bắt anh con trai nhút nhát này bộc bạch tâm sự của mình.

Câu chuyện ở trong tình trạng như vậy đấy, khi chiếc xe chạy qua cầu Oét-min-xtơ (Westminster).

Mọi người rời xe bước vào khu vườn của Hoàng gia vừa đúng lúc. Khi anh chàng Giô bệ vệ bước ra khỏi chiếc xe làm cho nó kêu cót két, đám đông đứng quanh reo cười ầm lên chào đón vị công tử béo phị; anh chàng đỏ mặt cắp tay Rê-béc-ca đi, trông dáng điệu càng thêm bệ vệ, hiên ngang.

Dĩ nhiên A-mê-li-a đã có Giooc săn sóc. Trông cô hớn hở y như một cây hồng trong ánh nắng. Giooc nói:

– Đô-bin, tôi bảo này, anh trông hộ đám khăn san và đồ dùng nhé, thật may quá lại có anh.

Thế là trong khi Giooc đi sóng đôi với A-mê-li-a, và Giô đang thót mình lại để chui qua cổng khu vườn có Rê-béc-ca cặp kè bên cạnh, thì anh chàng Đô-bin thực thà đành vui lòng đưa tay nhận lấy đống khăn quàng và trả tiền vào cửa cho cả bọn.

Anh ta kín đáo đi sau lưng họ. Anh ta không muốn làm họ mất vui. Rê-béc-ca và Giô thì anh chẳng thiết để ý đến; nhưng anh cho rằng A-mê-li-a rất xứng đáng làm vợ anh chàng Giooc Ốt-xbon hào hoa kia; cặp tình nhân đẹp đôi dạo bước bên nhau

Chân trời sáng tạo

khiến cô thiếu nữ sung sướng và hơi bỡ ngỡ. Đô-bin nhìn sự hào hứng, hồn nhiên của A-mê-li-a với niềm hân hoan của một người cha. Có lẽ Đô-bin cũng cảm thấy giá trên tay mình có cái gì khác ngoài mấy tấm khăn quàng thì vẫn hơn (người qua kẻ lại thấy chàng sĩ quan trẻ tuổi vụng về ôm một mớ khăn áo của đàn bà thì cứ cười) nhưng Uy-li-am Đô-bin không hay tính toán vị kỉ; trong lúc bạn mình được sung sướng tại sao mình lại không hài lòng? Trong vườn có rất nhiều thú vui; nào là hàng vạn ngọn đèn thắp sáng trưng, nào là bọn nhạc công đội mũ vành tam giác chơi những bản nhạc mê hồn dưới mô hình một chiếc vỏ ốc mạ vàng treo giữa khu vườn, rồi bọn ca công hát những bài khôi hài và trữ tình nghe rất hấp dẫn, những điệu vũ dân gian do những người dân thành Luân Đôn vừa đàn ông vừa đàn bà trình bày... [...] Tất cả, Đại uý Đô-bin đều không buồn chú ý lấy mảy may. 3

Suy luận

3 Những chi tiết này thể hiện Đô-bin là người như thế nào?

Anh ta mang chiếc khăn quàng ca-sơ-mia trắng của A-mê-li-a trên tay đi loanh quanh, rồi đứng dưới chiếc mô hình vỏ ốc mạ vàng xem bà San-mon (Salmon) trình bày bài "Trận chiến Bô-rô-đi-nô (Borodino)"[1], một bản sử thi phổ nhạc giễu cợt con người hãnh tiến đảo Coóc-xơ (Corse) mới đây vừa bị đại bại ở Nga[2]...

Lúc quay đi chỗ khác bỗng anh ta thử lẩm nhẩm hát... và thấy mình nhắc lại điệu hát của A-mê-li-a lúc cô bước xuống thang gác đi vào phòng ăn. Đô-bin phá ra cười chế nhạo chính mình, vì sự thực anh ta hát cũng không hay hơn một con cú rúc.

Lẽ dĩ nhiên, ta phải hiểu rằng những con người trẻ tuổi của chúng ta đang sánh đôi từng cặp, từng cặp một, và đang long trọng hứa hẹn với nhau suốt tối nay sẽ không rời nhau, để mười phút sau đã chia tay nhau rồi. Người đi chơi ở Va-xan vẫn thường chia tay nhau, nhưng họ sẽ gặp nhau lại lúc bữa ăn nửa đêm để kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra từ lúc họ chia tay.

Đã có những chuyện gì xảy ra về Ốt-xbon và A-mê-li-a?

Đó là một điều bí mật. Nhưng xin bạn hãy yên trí rằng họ rất sung sướng và đối với nhau rất đứng đắn. Vì đã mười lăm năm nay, họ vẫn có thói quen đi chơi đông với nhau, nên cũng không ai cho đấy là chuyện mới lạ.

Song khi Rê-béc-ca Sáp và người bạn trai béo phị của cô đi mất hút vào trong một lối đi tối om – chỉ có độ mươi cặp khác cũng lạc lối đi vào đấy – thì cả hai cùng thấy rằng trường hợp của họ rất là tế nhị và "gay go". Riêng cô Sáp nghĩ thầm, bây

---

[1] *Bô-rô-đi-nô*: một địa danh cách Thủ đô Mát-xcơ-va (Moscow – Nga) khoảng 100 km, nơi diễn ra trận chiến quyết định dẫn đến tổn thất nghiêm trọng của quân đội Na-pô-lê-ông (Napoléon) trong chiến tranh Pháp – Nga năm 1812.

[2] *Con người hãnh tiến đảo Coóc-xơ mới đây vừa bị đại bại ở Nga*: tức Na-pô-lê-ông Bô-na-pác (Napoléon Bonaparte), sinh ra ở đảo Coóc-xơ (Pháp), chính khách và nhà lãnh đạo quân sự Pháp vào thế kỉ XIX, lãnh đạo nền Đệ nhất Cộng hoà Pháp từ năm 1799 đến năm 1804, hoàng đế Pháp từ năm 1804 đến năm 1814 và 1815 – 1816. Thất bại của ông trong chiến tranh Pháp – Nga năm 1812 đã làm sụt giảm nghiêm trọng sức mạnh và quyền lực của Pháp trên nền địa chính trị châu Âu.

giờ hoặc là không bao giờ nữa chính là lúc phải khêu gợi cho những lời ngỏ tình còn đang mấp máy trên đôi môi nhút nhát của anh chàng Sét-lây kia phải bật ra.

Lúc nãy, hai người vừa đứng xem một toàn cảnh của thành phố Mạc Tư Khoa; có một anh chàng thô kệch bỗng giẫm phải chân cô Sáp, khiến cô này kêu thét lên, lùi lại, ngã ngay vào cánh tay Sét-lây; sự việc vừa rồi càng khiến cho anh chàng thêm dịu dàng, thân mật, đến mức độ anh ta lại kể thêm ít nhất là lần thứ sáu rất nhiều chuyện Ấn Độ sở trường của anh. Rê-béc-ca nói:

– Em thèm được sang Ấn Độ quá!

– Cô thích thật không?

Sét-lây hỏi lại, giọng nói vô cùng dịu dàng, tình tứ, và chắc chắn sắp sửa nối theo câu hỏi khéo léo ấy bằng một câu hỏi khác êm ái hơn nhiều (vì anh ta lúc này đang thở phì phò như kéo bễ, và bàn tay cô Rê-béc-ca đặt gần mé ngực anh ta có thể đếm từng nhịp đập dồn dập của trái tim cu cậu), thì ôi, tai hại làm sao! Có tiếng chuông réo lên báo hiệu sắp bắn pháo hoa; thế là xung quanh người ta chen lấn nhau chạy ào ào: đôi tình nhân đành phải buông mình trôi theo dòng người cuồn cuộn.

(Lược dẫn: *Giô say rượu, mất kiểm soát và có hành động cợt nhả, lỗ mãng trong bữa tiệc tối. Hôm sau khi anh ta tỉnh rượu, Gioóc Ốt-xbon đem chuyện đó ra chế nhạo khiến anh ta xấu hổ bỏ về Ấn Độ.*)

Hôm sau nữa, lúc hai chị em đang ngồi trên ghế xô-pha định bụng làm một việc gì, viết thư hoặc đọc sách chẳng hạn, thì thấy Sam-bô bước vào phòng; bác vẫn cười cười như mọi khi, nách cắp một gói gì, còn tay cầm một chiếc khay trên có đặt một phong thư. Sam-bô nói:

– Thưa cô, có thư của ông Giô.

A-mê-li-a bóc lá thư mà run quá. Thư viết thế này:

Em A-mê-li-a thân yêu,

Anh gửi cho em cuốn "Đứa bé mồ côi trong rừng". Hôm qua anh mệt quá, không lại được. Hôm nay, anh đi Sen-ten-ham (Chentenham). Nên tiện, em xin lỗi cô Sáp đáng mến hộ anh về cử chỉ của anh ở Va-xan; em xin cô ấy tha lỗi cho anh, và vui lòng quên tất cả mọi lời anh nói trong lúc bị kích thích bởi bữa rượu tai hại ấy. Sức khoẻ của anh bị ảnh hưởng ghê gớm quá; khi nào bình phục, anh sẽ lập tức đi chơi Scốt-len (Scotland) độ vài tháng.

Anh thân mến của em.

Giô Sét-lây

Chân trời sáng tạo

Đây là lời tuyên án tử hình. Thế là hết. A-mê-li-a không dám nhìn thẳng vào Rê-béc-ca; cô này đang tái mặt đi, mắt mở to chờ đợi. A-mê-li-a chỉ bỏ lá thư vào lòng bạn, rồi đứng dậy lên gác về phòng riêng nằm khóc tấm tức.

[...]

Bây giờ trong nhà ai ai cũng thấy rõ thế nào Rê-béc-ca cũng phải ra đi, trừ cô A-mê-li-a tội nghiệp. Từ trên đến dưới (vẫn trừ một người), ai cũng đồng ý rằng cô ta càng đi sớm càng hay. A-mê-li-a vội lục lọi mọi ngăn kéo, ngăn tủ, túi và cái hộp đồ vặt,... soát lại hết các bộ áo, khăn san, giẻ vụn, cuộn chỉ, dây đăng-ten, bít tất lụa,... lựa thứ này, chọn thứ khác, xếp thành một đống nhỏ để tặng Rê-béc-ca. Ông Sét-lây, trước đã hứa cho con gái một số ghi-nê bằng số tuổi của cô. A-mê-li-a bèn đến xin cha, ông nhà buôn người Anh rộng lượng ấy, cho Rê-béc-ca số tiền đó vì cô chắc bạn mình đang túng, trong khi mình chẳng thiếu một thứ gì.

[...]

Rê-béc-ca sửa soạn ra đi với thái độ rất bình tĩnh; cô nhận tất cả mọi vật A-mê-li-a tặng mình, sau khi cũng đã ngần ngại và miễn cưỡng một cách vừa đủ. Cô nói rằng mình biết ơn bà Sét-lây suốt đời, song cũng không đến làm phiền bà cụ nhiều quá, vì bà cụ ở vào hoàn cảnh khó xử, rõ ràng có ý tránh mặt không muốn gặp cô. Lúc ông Sét-lây đưa biếu túi tiền, Rê-béc-ca hôn tay ông cụ, xin phép được coi cụ là người bạn, người cha đỡ đầu thân thiết nhất của cô trong tương lai. Cô cư xử coi cảm động quá, làm cho ông cụ suýt nữa thì viết tặng thêm cô một tờ ngân phiếu hai chục đồng. Nhưng ông lão lại kịp kìm giữ tình cảm của mình lại. Xe ngựa đã chờ sẵn để đưa ông đi dùng bữa; ông hối hả đi còn dặn Rê-béc-ca rằng: "Con yêu mến ơi, cầu Chúa ban phúc lành cho con; khi nào có việc ra tỉnh, con nhớ lại chơi nhé. Giong xe đến toà Quốc hội, Giêm!". 4

Tưởng tượng

4 Bạn hình dung thế nào về thái độ "ngần ngại và miễn cưỡng một cách vừa đủ" của Rê-béc-ca trước khi nhận quà?

Cuối cùng là cuộc chia tay giữa Rê-béc-ca và A-mê-li-a; tôi muốn che một tấm màn lên trên cảnh tượng này. Nhưng sau cái màn kịch mà một người thì vô tình, còn một người thì đóng trò tuyệt khéo... sau khi những sự vuốt ve, những dòng nước mắt thảm thiết, cả ống thuốc giải cảm và những tình cảm thiêng liêng nhất đã được đem ra sử dụng...

A-mê-li-a chia tay cùng Rê-béc-ca; cô này luôn miệng thề sẽ yêu quý bạn mình mãi mãi… mãi mãi và mãi mãi.

(*Theo* Thác-cơ-rây, *Hội chợ phù hoa*, Trần Kiêm dịch, NXB Văn học, 2006, tr. 122 – 142)

Sau khi đọc

1. Xác định điểm nhìn trong văn bản trên. Theo bạn, việc sử dụng điểm nhìn này có ý nghĩa như thế nào đối với việc chuyển tải nội dung của văn bản?
2. Ở phần văn bản từ đầu đến câu: "Vậy thì chúng ta hãy cùng bước vào trong chiếc xe ngựa với bốn cô cậu ở công viên Rút-xen và thẳng đường đến Va-xan", người kể chuyện nói về những điều gì và nói với ai? Theo bạn, cách dẫn truyện như vậy có tác dụng gì đối với quá trình đọc của độc giả?
3. Liệt kê vào bảng sau một số chi tiết, cử chỉ, hành động liên quan đến các nhân vật trong văn bản, từ đó rút ra nét tính cách nổi bật của mỗi nhân vật (làm vào vở):

Nhân vật	Chi tiết	Nét tính cách
Giô	"đỏ mặt" khi mọi người cười…	
Rê-béc-ca		
A-mê-li-a		
Giooc		
Đô-bin		

4. Nêu chủ đề và thông điệp chính của văn bản. Những chi tiết mà bạn đã liệt kê ở câu 3 có ý nghĩa như thế nào trong việc chuyển tải chủ đề và thông điệp đó?
5. Trong đoạn trích, các nhân vật được xây dựng trên những phương diện nào? Từ đó, bạn có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của Thác-cơ-rây?
6. Bạn có cảm nhận như thế nào về thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật? Từ ngữ, hình ảnh nào trong lời kể của người kể chuyện thể hiện thái độ đó?
7. Văn bản trên cho thấy Rê-béc-ca đã dựa vào điều gì để bắt đầu quá trình tiến thân của mình trong xã hội đô thị thượng lưu Anh? Bạn có nhận xét gì về con đường tiến thân này của cô?
8. Nêu một số điểm tương đồng và khác biệt giữa nghệ thuật kể chuyện của Vũ Trọng Phụng trong *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ*) và của Thác-cơ-rây trong *Ở Va-xan* (trích *Hội chợ phù hoa*).

Uy-li-am Thác-cơ-rây (1811 – 1863): nhà văn trào lộng xuất sắc người Anh thế kỉ XIX. Ông sinh ra tại Can-cút-ta (Calcutta, Ấn Độ) vào thời kì thuộc địa Anh và sang Luân Đôn (Anh) từ lúc 5 tuổi để học tập. Thác-cơ-rây sớm có nhiều bất mãn đối với xã hội tư sản Anh. Tác phẩm lớn nhất của Thác-cơ-rây là tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* (1848), bao quát những biến động ngầm trong xã hội Anh thời bấy giờ.

Uy-li-am Thác-cơ-rây
(https://www.shutterstock.com/)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX

Đoàn Thị Tình[1]

Đọc văn bản

Với chính sách cai trị của Pháp, làn sóng văn hoá Tây Âu tràn vào Việt Nam đã ảnh hưởng tới thị hiếu của những người tư sản, tiểu tư sản, tầng lớp thanh niên thành thị trong các phong trào *Sống mới*, *Vui khoẻ*, *Trẻ trung*,…

Cô Nguyễn Thị Hậu (Hà Nội) mặc áo dài Lơ Muya (Báo *Ngày nay*, số 01, 30/01/1935)

Đầu những năm 1930, ở Hà Nội cũng như ở Sài Gòn, có mốt áo dài tân thời. Vẫn là kiểu áo dài năm thân truyền thống nhưng may chật hơn, thân trước thân sau không nối giữa nữa (vì đã có loại vải khổ rộng để may), vạt con được cắt ngắn lên. Áo dài tân thời may bằng nhiều chất liệu vải với màu sắc khác nhau, được coi là mốt tân tiến.

Trong phong trào này, hoạ sĩ Cát Tường ở Hà Nội nghiên cứu, giới thiệu trên báo chí rồi sau đó tung ra kiểu áo Lơ Muya (tiếng Pháp: *Le mur* nghĩa là bức tường. Tường là tên hoạ sĩ).

Áo dài Lơ Muya vai bồng, cổ tay măng sét (như tay áo sơ mi nam) hoặc tay lá sen, tay chun. Cổ áo tròn khoét sâu xuống ngực, viền đăng-ten[2], hoặc kiểu lá sen tròn, lá sen cài vắt chéo. Gấu áo cắt hình sóng lượn, đáp vải khác màu, hoặc đính những đường ren, đăng-ten diêm dúa. Nhiều chi tiết của chiếc áo dài Lơ Muya vay mượn ở các loại áo, váy của phụ nữ châu Âu thời đó. Áo dài Lơ Muya, cho dù có nhiều ý kiến phản đối, vẫn đã được những người phụ nữ tân tiến ở thành thị ba miền hưởng ứng thời gian này, phong trào uốn tóc bồng, đi giày đầm (giày cao gót), mặc quần trắng cũng đã khá phổ biến.

Ít năm sau, chiếc áo dài Lơ Muya lại quay trở về dạng quen thuộc cũ, có ít nhiều cải tiến: cổ áo đứng cao từ 1 cm đến 2 cm, tay thẳng, may liền vải, cổ tay hẹp, viền nhỏ. Có kiểu ở cửa tay, gấu, nẹp cài cúc đều viền vải khác màu thành đường nẹp rộng khoảng 0,5 cm gọi là áo lé nẹp. Có loại gấu áo vê tròn lẳn, không gập.

Trải qua những cuộc đấu tranh chung về quan điểm thẩm mĩ để bảo vệ cái đẹp giản dị, thanh nhã, có tính dân tộc, chiếc áo dài truyền thống lại được phục hồi.

[1] *Đoàn Thị Tình*: hoạ sĩ thiết kế mĩ thuật trang phục sân khấu, nhà nghiên cứu có nhiều đóng góp trong việc tìm hiểu và tôn vinh vẻ đẹp của trang phục truyền thống.

[2] *Đăng-ten* (tiếng Pháp: *dentelle*): hay còn gọi là ren, là một loại vải đan thủng, hàng thủ công hoặc làm bằng máy; dùng làm đường viền trang trí áo, quần, rèm cửa,…

Phụ nữ thành thị tiểu tư sản, người nhiều tuổi, mặc áo dài cổ đứng cao từ 1 cm đến 2 cm, góc thẳng. Các cô gái thường mặc áo cổ cao từ 4 cm đến 7 cm dựng bằng vải hồ[1] cứng, góc tròn. Vạt áo lượn, tà khép. Các bà mặc quần đen. Các cô thường mặc quần trắng. Ở trong nhà mặc áo cánh trắng, cổ áo tròn, cổ quả tim, cổ thìa hay cổ vuông cài cúc giữa, tay dài hoặc ngắn. Khi có khách đến nhà, hoặc đi ra đường phố, đi chơi, đi làm, đi học, lễ, Tết đều mặc áo dài. Mùa hè thường mặc áo dài bằng lụa hay vải mỏng, màu sáng, hoa nhỏ. Mùa rét may áo dài bằng các loại vải nhung, len, dạ, hoặc mặc lồng hai chiếc áo dài cho ấm.

(Đoàn Thị Tình, *Trang phục Việt Nam*, NXB Mĩ thuật, 2006, tr. 113 – 114)

Sau khi đọc

1. Chỉ ra quá trình thay đổi của chiếc áo dài được trình bày trong văn bản. Theo bạn, điều gì dẫn đến sự thay đổi đó?
2. Nêu các ý chính của văn bản trên.
3. Theo bạn, vì sao sự cách tân của thời trang lại diễn ra mạnh mẽ nhất ở thành thị?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa trong các trường hợp sau:

a. *– Thế sao bác cũng chủ trương cải cách trong báo của bác?*

– Là vì tôi cũng như bác giai. Phụ nữ nghĩa là vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của tôi. Gia đình tôi thì cứ phải theo cổ, không được có hạng đàn bà ăn mặc tân thời nay khiêu vũ, mai chợ phiên, rồi về nhà chửi lại mẹ chồng bằng những lí thuyết bình quyền với giải phóng!

Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến làm cho nhà mĩ thuật cũng hăng hái nói tiếp:

– Đối với tôi ấy à?... Đàn bà cứ nhốt trong buồng. Mợ đã hiểu ra chưa?

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

b. *A-mê-li-a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta.*

(Uy-li-am Thác-cơ-rây, *Hội chợ phù hoa*)

c. *Mỗi khi xuống nhà ăn cơm, cô lại khoác tay Giô đi, như là một điều dĩ nhiên; cô đã ngồi cạnh Giô trên chiếc xe riêng mui trần của anh ta (Giô thật là một con hươu đầu đàn lẫm liệt, vì anh ta ngồi rất bình thản trên xe tự điều khiển lấy đôi ngựa xám của mình).*

(Uy-li-am Thác-cơ-rây, *Hội chợ phù hoa*)

[1] *Vải hồ*: vải được phủ một lớp chất hồ giúp tăng độ cứng.

Chân trời sáng tạo

d. *Tri phủ Xuân Trường được mấy niên,*
Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.
Chữ "thôi" chữ "cứu" không phê đến,
Ông chỉ quen phê một chữ "tiền"!

(Trần Tế Xương, *Bỡn tri phủ Xuân Trường*)

2. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nghịch ngữ trong các trường hợp sau:

a. *Thôi! Tôi đã nhất định... nói có vong hồn ông Đoan với ông Phán nhà tôi chứng giám cho, tôi đã nhất định thủ tiết với hai ông!*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

b. *Tôi xin chịu một hình phạt êm đềm: Đôi môi tôi như hai kẻ hành hương rụt rè xin sẵn sàng xoá vết bàn tay thô bạo kia bằng một cái hôn trìu mến.*

(Sếch-xpia (Shakespeare), *Rô-mê-ô và Giu-li-ét (Romeo and Juliet)*)

3. Trong hai trường hợp sử dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ ở bài tập 2, trường hợp nào là nói mỉa? Dựa vào đâu bạn nhận định như vậy?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) về sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NGÀY 30 TẾT[1]

(Trích Chương 12, tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*[2])

Ma Văn Kháng[3]

Cầu được, ước thấy. Người phụ nữ mà Lý và Phượng cùng ao ước hiện ra, thật như đã hiện ra ngay trước cổng nhà, vào đúng lúc cả nhà đang tíu tít vào buổi cúng tất niên chiều ba mươi Tết.

---

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

[2] Tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn* (1985) ra đời trong giai đoạn xã hội Việt Nam đang chuyển mình từ mô hình kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường, với biến động âm thầm mà dữ dội trong đời sống tâm lí, tư tưởng con người và những giá trị tinh thần của xã hội đang dần thay đổi. Tác phẩm kể về đại gia đình ông Bằng, một nhân viên bưu điện về hưu tại Hà Nội. Ông Bằng có năm người con trai: Tường, con cả, đã hi sinh trong chiến tranh, có vợ là Hoài, đã tái giá nhưng vẫn thường xuyên thăm hỏi nhà chồng cũ; Đông, con thứ hai, trung tá đã xuất ngũ, vợ là Lý; Luận, con thứ ba, một nhà báo sắc sảo và nhiều suy tư, vợ là Phượng; Cừ, con thứ tư, ương ngạnh, đã bỏ trốn ra nước ngoài; và em út Cần đang du học ở Liên Xô. Đoạn trích này trích từ Chương 12 của tác phẩm.

[3] Nhà văn Ma Văn Kháng sinh năm 1936, quê ở Hà Nội, từng là giáo viên ở Lào Cai và Phó Giám đốc – Tổng biên tập Nhà xuất bản Lao động, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập tạp chí *Văn học nước ngoài*,... Ông được trao tặng Giải thưởng Văn học ASEAN năm 1988 và Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Đồng bạc trắng hoa xoè* (tiểu thuyết, năm 1979), *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết, năm 1985), *Ngày đẹp trời* (tập truyện ngắn, năm 1986),...

Chân trời sáng tạo

Nghe tiếng chuông điện, Phượng chạy ra cửa. Trước hai cánh cổng sắt là một phụ nữ nông thôn trạc năm mươi, người thon gọn trong cái áo bông trần hạt lựu[1]. Chiếc khăn len nâu thắt ôm một khuôn mặt rộng có cặp mắt hai mí đằm thắm và cái miệng tươi. Người phụ nữ đó đeo một cái tay nải[2] nặng, dáng vừa đi bộ từ ga xe lửa về, không có cái vẻ ngác ngơ lạ lẫm, nhưng hai con mắt đậm nỗi bồi hồi.

Phượng kéo cánh cửa sắt, dè dặt:

– Bác… bác hỏi ai ạ? A, có phải bác là… là chị Hoài không ạ?

– Cô Phượng đấy như?

Phượng quay ngoắt về sau, reo to:

– Chị Hoài! Chị Hoài lên, anh Đông, chị Lý, anh Luận ơi!

Sự việc diễn ra quá ư đột ngột! Đông, Lý, Luận hấp tấp từ phòng khách ùa ra vệt đường lát xi măng đi qua vườn cây ra cổng, nhìn thấy chị Hoài thật rồi mà vẫn còn ngơ ngơ ngác ngác, nửa tin nửa ngờ. Chị Hoài lên! Lên đúng chiều ba mươi Tết! Thật ngoài sức tưởng tượng! Trong tâm ức vẫn là có hình bóng chị Hoài, chị Hoài, vợ anh cả Tường liệt sĩ. Chị Hoài, dâu trưởng, nết na, thuỳ mị. Trong tiềm thức vẫn sống động một chị Hoài đẹp người, đẹp nết. Nhưng bây giờ chị Hoài đã có một gia đình riêng với những quan hệ riêng, lo toan riêng, nên vẫn nhớ, vẫn quý, vẫn yêu chị đấy, mà lại không dám, không nỡ níu kéo chị về mình. Quan hệ của chị ở gia đình này đã thuộc về quá khứ. Kỉ niệm của chị ở đây đẹp nhưng buồn. Chị có quyền quên mà không ai được trách cứ.

Phượng sôi nổi, nồng hậu:

– Em mừng quá, chị Hoài ơi. Để em xách tay nải cho.

Lý ôm chầm người phụ nữ đã một thời là dâu trưởng, nức nở:

– Đúng là có linh tính nhé. Chị xem lời em nói có thiêng không? Em vừa nói: Ước gì chị Hoài hiện ra bây giờ nhỉ!

– Hơn chục năm nay chị Hoài chưa lên Hà Nội rồi đấy. – Luận nói.

– Làm gì! Đám cưới chú và cô Phượng chị còn lên dự cơ mà. Mới có chín năm thôi. Bận quá. Nhà nông chẳng bao giờ hết việc. Ông đâu?

Luận ra vẻ thành thạo:

– Tháng này đã cấy đâu chị? Ông ở trên nhà, có lẽ sắp xuống đấy.

– Dưng mà còn rõ[3] khoai tây. Còn họp Đại hội. Định đi từ sớm kia, mà công kia việc nọ cứ dồn tới.

---

[1] *Áo bông trần hạt lựu*: loại áo tránh rét, lót bông may bằng những đường chỉ đan chéo nhau tạo ra các ô nhỏ hình hạt lựu trên mặt vải.

[2] *Tay nải*: túi vải khoác vai, dùng đựng đồ mang đi đường.

[3] *Rõ* (cách phát âm của một số vùng): dỡ.

– Cứ vứt toạch công việc một chỗ đã chị ạ – Lý thêm, hai mắt tít lại – Đời người chỉ những lo cùng lo có chết!

– Ông có khoẻ không, hai cô?

– Ông không khoẻ lắm, chị ạ – Phượng đáp, chưa hết mừng rỡ – Gặp chị ở ngoài đường không chắc em đã nhận ra được đâu. Hôm cưới em, chị mặc áo vét như cán bộ kia.

Luận đi cạnh Hoài, nghiêng nghiêng đầu:

– Thì chị vẫn là chủ nhiệm chứ, chị Hoài?

Người phụ nữ cười:

– Vẫn, nhưng tôi chuyển sang làm chủ nhiệm hợp tác xã đan dệt thảm ngô rồi. Đây, cái bãi soi[1] hồi chú về chơi, đi thuyền ra, xem chọi trâu ấy, giờ bạt ngàn là ngô. À, cô Phượng được chuyển công tác về dưới này rồi nhỉ. Thôi thế cũng mừng. Rồi lo cho bà, cho cháu về dần cô ạ.

Phượng nắm tay chị Hoài:

– Sao chị biết em chuyển công tác về dưới này?

– Ông viết thư cho tôi. Ông kể hết. Cả chuyện cậu Cừ. Thế nên tôi mới sốt ruột, phải lên ngay. Tôi sợ ông buồn.

Đưa mắt nhìn Phượng, Luận nhận ra Phượng buột khỏi tay chị Hoài. Phượng cúi mắt chớp chớp vì một cảm kích bất ngờ. Người phụ nữ tưởng đã cắt hết mối dây liên hệ với gia đình này, vẫn giao cảm, vẫn chia sẻ buồn vui và cùng tham dự cuộc sống của gia đình này. Luận đi tụt lại phía sau cùng Phượng, anh muốn gần gũi Phượng trong mối đồng cảm này. Phía trước, Lý kéo tay chị Hoài, vui vẻ quá mức, cùng Đông đưa chị vào phòng khách.

Trong phòng khách đã bày cỗ cúng. Đông súc ấm, pha trà, Lý sà xuống tay nải cùng chị Hoài.

– Chẳng mang được cái gì lên đâu. – Chị Hoài xởi lởi. – Cái Ngoan, thằng Tùng cứ nhét vào, rồi giục: Mẹ đi đi, không ông buồn, các chú, các cô mong! Đây là gạo nếp tăng sản[2] của nhà. Cái giò thủ anh ấy gói đây. Ông thích ăn giò thủ lắm đấy, cô Lý ạ. Còn bọc này là sắn dây. Trẻ con nó giã, nó rây đấy. À cái giống mướp hương này thơm ngon mà to quả lắm. Cô Phượng cất đi mà gieo. Gieo đêm nay là tốt nhất đấy. Ở nhà, trồng bờ ao, có quả hai cân bảy kia. Ờ, cho nó leo bờ tường. À, ông thợ mộc còn đấy không? Mấy con rồi? Chú Đông tóc bạc nhưng vẫn khoẻ nhỉ! Cháu Dư có hay gửi thư về không? Cô Lý trông không nhận ra được nữa. Trẻ như gái mười tám ấy!

Lý tít mắt, hai má hây hây:

---

[1] *Bãi soi*: bãi phù sa nổi lên ở giữa sông.

[2] *Tăng sản*: tăng sản lượng.

– Ông Đông sắp thành ông Di Lặc rồi, chị ạ. Còn em... bệnh đấy chị ơi…

Cầu thang có tiếng ba toong[1] chống lịch kịch. Phượng và Luận chạy ra chân cầu thang.

Ông Bằng đã xuống hết bậc. Đã đến lúc phải xuống để cúng, cũng là lúc ông nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên. Ông cố đi cho ngay ngắn. Trông ông cao, gầy hơn mọi ngày, nhưng trang trọng, chỉnh tề hơn, mặc dầu vẫn là bộ com-lê đen, kẻ sọc mờ, cài khuy chéo. Có lẽ do gương mặt ông ánh lên cái cảm xúc của con người trước ngưỡng cửa của năm mới, do con mắt đã qua khỏi căn bệnh, sáng dậy, át đi vẻ già nua, tàn lụi và nỗi ưu tư còn ghi vết ở trên trán, và nếp da xệ ở hai bên cằm.

Ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông lật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khóc oà.

Hoài gần như không chủ động được mình, chị lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản, gót nứt nẻ thâm đen, giẫm trên nền đá lạnh, kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa.

– Ông!

Người phụ nữ thốt lên một tiếng như tiếng nấc. Và giọng ông Bằng bỗng khê đặc, khàn rè:

– Hoài đấy ư, con?

Phượng quay mặt đi, mắt ngấn lệ không nỡ nhìn cảnh gặp gỡ, không nỡ thấy đôi gót chân nứt nẻ của chị Hoài, ngực dội lên những con sóng nghẹn ngào và hai cánh mũi se se cay. Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương, đau buồn, ê nhức cả tim gan.

Ông Bằng nén xúc động, rút khăn tay, chấm kẽ mắt:

– Anh ấy và các cháu vẫn khoẻ cả chứ, con?

– Thưa ông, bốn cháu của con nhờ trời vẫn khoẻ mạnh cả. Cháu đầu đi bộ đội đóng ở biên giới Hà Tuyên[2] vừa rồi hết nghĩa vụ, về xã tham gia sản xuất. Cháu thứ hai học lớp mười. Cháu gái thứ ba học lớp tám. Cháu trai út học lớp sáu. Nhà con, cảm ơn ông, vẫn được bình thường. Anh ấy giờ tham gia Uỷ ban xã. Lẽ ra, anh ấy thu xếp công việc được cũng lên kính thăm ông dịp này. Cả các cháu nữa, bốn đứa, đứa nào cũng đòi đi. Nhất là thằng lớn, nó cứ bảo mấy lần nó qua Hà Nội mà chưa được vào nhà thăm ông, lần này rồi rãi nó phải đi…

Câu chuyện của người phụ nữ nông thôn có cái vẻ kể cà đã đưa cuộc gặp gỡ ra khỏi những chấn động tình cảm bất thường. Và Lý đã hí húi xếp xong mâm cúng, nhảy từ cái ghế đẩu xuống, xoa xoa hai bàn tay rất ý tứ trước ông Bằng:

---

[1] *Ba toong* (phiên âm tiếng Pháp: *baton*): gậy chống.

[2] Nay là Hà Giang và Tuyên Quang.

Chân trời sáng tạo

– Ông ạ, con đề nghị thế này, hàn huyên còn nhiều chuyện, để lát nữa tha hồ. Giờ, mời ông lại khấn cho lễ cúng gia tiên bắt đầu ạ.

Mọi người dạt ra, để trống một khoảng rộng trước bàn thờ. Ông Bằng soát lại hàng khuy áo, chỉnh lại cái cà vạt, ho khan một tiếng, dịch chân lại trước mặt bàn thờ.

Hương cháy, uốn cong một đoạn tàn, bốc toả một làn khói ảo mờ. Hai cái bánh chưng bọc lá xanh tươi, buộc lạt điều, xếp cạnh mâm ngũ quả và những chén rượu xinh xắn đặt rải hàng ngang trước bệ thờ. Ngọn đèn dầu lim dim in cái chấm vàng vào dãy khung ảnh đặt sát tường. Ảnh song thân ở chính giữa; bên trái, ảnh bà Bằng mặt hoa da phấn, tóc vấn khăn nhung; phía phải, ảnh anh cả Tường áo trấn thủ[1] ô quả trám, mũ ca lô nghiêng, nét trắng đen đã phôi pha.

Ngước mái đầu hói, diềm tóc lơ thơ đã bạc hết, ông Bằng chắp hai tay trước ngực. Khói hương và khung cảnh trầm tĩnh đưa hiện tại về quá khứ. Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể[2]. Dâng lên trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đỗi quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhoè, phiêu diêu lãng đãng gần xa, ẩn hiện tầng tầng lớp lớp những ảnh hình khi tỏ khi mờ, chập chờn như trong chiêm bao. Thưa thầy mẹ[3] đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn văng vẳng nghe đâu đây lời giáo huấn[4] của ông cha, tiên tổ. Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục[5] của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang[6] của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. Và em, cùng con trai cả của ba mẹ. Em cùng con đã mất và vẫn hằng sống, hằng vui buồn, chia sẻ, đỡ nâng dắt dìu tôi cùng các cháu, các con, các em,…

Trong giây lát, nhập vào dòng xúc động tri ân[7] tiên tổ và những người đã khuất, ông Bằng lâng lâng trong những hoài niệm hư ảo, thoát trần. Nhưng, ông chỉ ở trong dòng tình cảm trôi lững lờ đó trong giây phút. Quá khứ không cắt rời với hiện tại. Tổ tiên không tách rời với con cháu. Tất cả liên kết thành một mạch bền chặt thuỷ chung. Bởi vậy, ông lại trở về với những ngày đang sống, với những người đang sống. Mắt ông bỗng cay xè. Lòng ông lại bồn ngộn[8]. Và ông vội cúi xuống, bật trên đôi môi những lời cầu khấn thành kính và run rẩy:

– Hôm nay, ngày ba mươi tháng Chạp năm Bính Tuất, buổi tất niên, con cùng các nam tử, nữ tử, tôn tử[9],…

---

[1] *Áo trấn thủ*: loại áo để chống rét phổ biến của Quân đội Nhân dân Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

[2] *Bản thể*: ở đây dùng theo nghĩa là bản thân mình.

[3] *Thầy mẹ*: cha mẹ.

[4] *Giáo huấn*: dạy bảo điều hay lẽ phải.

[5] *Dưỡng dục*: nuôi nấng và dạy dỗ.

[6] *Phúc thọ an khang*: *phúc*: tốt lành; *thọ*: sống lâu; *an*: yên bình; *khang*: khoẻ mạnh.

[7] *Tri ân*: biết ơn.

[8] *Bồn ngộn*: (như *ngổn ngộn*) nhiều ý nghĩ, nỗi niềm chồng chất.

[9] *Nam tử*: các con trai; *nữ tử*: các con gái; *tôn tử*: các cháu.

Rõi[1] theo lời cha, Luận bỗng bấm tay Đông. Mặt Luận biến sắc. Rõ ràng là khi kể tên các con trai, ông cụ đã bỏ qua tên thằng Cừ. Lý ngọ nguậy không yên, lát sau, ghé tai chị Hoài, hí hửng: "Chị ơi, em biết khấn đúng bài kinh nhà Phật cơ".

Mắt chị Hoài đăm đắm ngước lên bàn thờ. Và khi ông Bằng vừa buông tay chắp, rút mùi xoa lau mắt, lui ra, chị liền thế chân ông cụ, hai tay nâng lên trước ngực.

*

* *

Thật là một mâm cỗ quá ư thịnh soạn vào cái thời buổi đất nước còn rất nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh và so với đồng lương có hạn của cán bộ, công nhân viên chức lúc này.

Tràn trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lý cố tình để sát vào mâm cỗ cho bữa ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngổn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, súp lơ xào thịt bò,… – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây,…

Đặc sắc nhất, mà có lẽ Lý muốn bộc lộ khiếu năng, cùng tấm lòng mình nhiều nhất ở đó, là các món vịt tần, vây và mọc, nhất là món mọc. Chị đã rất tỉ mỉ và kĩ tính hết sức khi chế biến món này. Miếng thăn được chọn lựa, giã thật nhuyễn nhừ thay cho giò sống được chính tay chị trộn với mộc nhĩ, nấm hương, rồi nặn thành từng viên tròn trĩnh. Nồi nước dùng đảm bảo phải trong veo. Và chính tay chị vớt, chia đều ra từng bát nhỏ.

Mọi người vào mâm, hân hoan khác thường.

(In trong *Mùa lá rụng trong vườn*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1985)

Chân trời sáng tạo

Hướng dẫn đọc

1. Nội dung bao quát của văn bản này là gì?
2. Liệt kê những hành động, lời nói của nhân vật Hoài trong đoạn trích. Từ những chi tiết đã liệt kê đó, bạn hãy nhận xét về tính cách của nhân vật này.
3. Phân tích ý nghĩa của những chi tiết trong lời kể của chị Hoài về gia đình mới của chị.
4. Tình cảm của mọi người trong gia đình đối với chị Hoài như thế nào? Những hình ảnh, chi tiết nào nói lên tình cảm đó?
5. Phân tích thái độ, tình cảm của các nhân vật trong cảnh thắp hương ngày Tết. Từ đó, bạn có suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá của người Việt Nam?
6. Xác định thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc. Theo bạn, những giá trị tinh thần mà văn bản đề cao có cần được tiếp tục gìn giữ không? Vì sao?

[1] *Rõi*: dõi.

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội* là kiểu bài viết trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát vấn đề xã hội đó của bài tập dự án.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nội dung báo cáo trình bày chính xác, đầy đủ kết quả thực hiện của bài tập dự án.
- Ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học.
- Sử dụng hợp lí sơ đồ, bảng biểu để trình bày kết quả của dự án; thuyết minh các hình ảnh minh hoạ một cách rõ ràng, phù hợp.
- Trình bày trích dẫn, cước chú và tài liệu tham khảo đúng quy cách.
- Bố cục bài viết cần đảm bảo các phần:

Mở đầu: Giới thiệu thông tin khái quát về dự án (tên dự án, hình thức của dự án, mục tiêu, nhiệm vụ, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các sản phẩm cần thực hiện, thời gian thực hiện).

Nội dung nghiên cứu: Trình bày chi tiết, rõ ràng các kết quả nghiên cứu của dự án.

Kết luận: Khái quát những nội dung chính từ kết quả nghiên cứu của dự án; nêu giải pháp hoặc vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Chân trời sáng tạo

BÀI BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN
"MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA HỌC SINH KHỐI 11 TRƯỜNG X ĐỐI VỚI *TRUYỆN KIỀU*"

I. MỞ ĐẦU[1]

1. Tên dự án: MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA HỌC SINH KHỐI 11 TRƯỜNG X ĐỐI VỚI *TRUYỆN KIỀU*

2. Mục tiêu dự án: Đánh giá được mức độ quan tâm của học sinh khối 11 trường X đối với *Truyện Kiều.*

3. Câu hỏi nghiên cứu: Học sinh lớp 11 trường X quan tâm đến *Truyện Kiều* ở mức độ nào?

4. Phương pháp nghiên cứu:

– Phương pháp thu thập dữ liệu: Sử dụng bảng hỏi để khảo sát mức độ hứng thú của học sinh khối 11 trường X đối với *Truyện Kiều*. Thời điểm khảo sát là sau khi học sinh học xong văn bản 1[1] của Bài 7. *Những điều trông thấy* (Truyện thơ Nôm và Nguyễn Du) (*Ngữ văn 11*, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*).[*]

[1]: MỞ ĐẦU

[*]: Sử dụng cước chú

[1] Văn bản 1 là *Trao duyên.*

– Phỏng vấn một số trường hợp để có thêm thông tin cụ thể.

5. Hình thức của dự án: Học sinh cả lớp cùng tổ chức và tham gia buổi sinh hoạt Câu lạc bộ Văn học với chủ đề "Tìm hiểu mức độ quan tâm của học sinh khối 11 trường X đối với *Truyện Kiều*".

6. Nhiệm vụ: Đóng vai thành viên của Câu lạc bộ Văn học để thực hiện dự án theo các bước sau:

– *Chuẩn bị:*

+ Thành lập nhóm và nhóm trưởng phân công công việc cho các thành viên.

+ Xây dựng hệ thống câu hỏi khảo sát dựa trên mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu đã xác định.

+ Lựa chọn đối tượng và số lượng học sinh để khảo sát.

– *Thực hiện dự án:* Học sinh thực hiện khảo sát và phân tích kết quả khảo sát dưới sự hỗ trợ của giáo viên.

– *Báo cáo kết quả:* Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thực hiện dự án.

– *Đánh giá dự án:* Các nhóm đánh giá dựa trên bảng kiểm đã thống nhất, trao đổi những vấn đề còn thắc mắc và rút kinh nghiệm.

7. Sản phẩm của bài tập dự án: Bài báo cáo kết quả nghiên cứu về mức độ quan tâm của học sinh khối 11 trường X đối với *Truyện Kiều.*

8. Thời gian thực hiện: 3 tuần (từ ngày … đến ngày …).

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU[2]

1. Khái niệm "quan tâm"

"Quan tâm là hoạt động tinh thần mang tính động cơ, liên quan đến sự chú ý, tò mò về một đối tượng nào đó gây nên sự kích thích về cảm xúc và suy nghĩ (Hall et al., 1977)".[**] Như vậy, có thể nói quan tâm là mức đầu tiên để hình thành nhận thức, sở thích của con người về một đối tượng. Ngoài ra, mối quan tâm còn mang tính chủ quan, tuỳ thuộc vào kiến thức, kinh nghiệm,… của mỗi cá nhân.

2. Kết quả khảo sát

2.1. Thực trạng đọc hiểu văn bản mở rộng theo thể loại

Để tìm hiểu thực trạng đọc văn bản mở rộng theo thể loại của học sinh khối 11 trường X, nhóm đặt câu hỏi: "Bạn trả lời được mấy câu hỏi hướng dẫn đọc văn bản *Thuý Kiều hầu rượu Hoạn Thư – Thúc Sinh*?". Kết quả như sau:

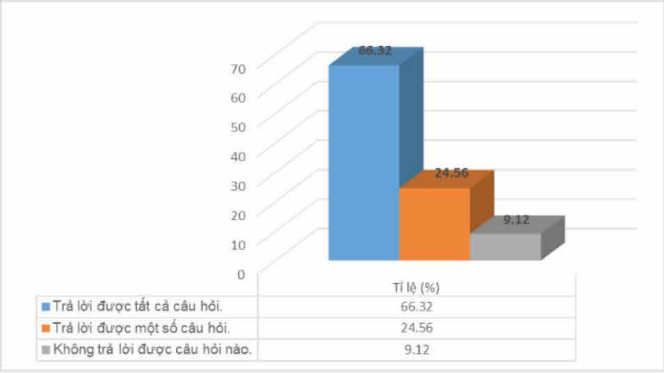

Biểu đồ: Tỉ lệ học sinh khối 11 trường X trả lời câu hỏi đọc hiểu văn bản mở rộng theo thể loại[***]

[2]: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

[**]: Trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo

[***]: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: biểu đồ

Kết quả cho thấy số lượng học sinh trả lời được tất cả câu hỏi hướng dẫn đọc văn bản *Thuý Kiều hầu rượu Hoạn Thư – Thúc Sinh* chiếm tỉ lệ cao nhất (66.32%), tỉ lệ trả lời được một số câu hỏi là 24.56% và tỉ lệ học sinh không trả lời được câu hỏi nào là rất thấp (9.12%). Điều này chứng tỏ hầu hết học sinh khối 11 trường X có kĩ năng đọc hiểu các đoạn trích *Truyện Kiều* theo đặc trưng thể loại ở những mức độ khác nhau.

2.2. Thực trạng đọc các đoạn trích của *Truyện Kiều* ngoài sách giáo khoa

Để tìm hiểu tình hình đọc các đoạn trích khác của *Truyện Kiều* ngoài sách giáo khoa của học sinh khối 11 trường X, nhóm đặt câu hỏi: "Các bạn có đọc thêm các đoạn trích khác của *Truyện Kiều* ngoài sách giáo khoa không?".

Kết quả có 194/285 học sinh (chiếm 68.07%) đọc thêm một số đoạn trích khác của *Truyện Kiều* ngoài sách giáo khoa và 91/285 học sinh (chiếm 31.93%) không tìm đọc thêm đoạn trích khác ngoài sách giáo khoa. Để tìm hiểu thêm thông tin về các đoạn trích *Truyện Kiều* mà học sinh đã đọc ngoài sách giáo khoa, nhóm phỏng vấn một số học sinh chọn câu trả lời "Có" và nhận thấy các đoạn trích thường được học sinh chọn đọc là: *Chị em Thuý Kiều, Mã Giám Sinh mua Kiều, Trước lầu Ngưng Bích, Anh hùng tiếng đã gọi rằng, Thuý Kiều báo ân, báo oán, Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều* và *Kim Kiều tái hợp,…* Kết quả trên cho thấy, phần lớn học sinh chọn đọc các văn bản này vì đây là các đoạn trích khá tiêu biểu và quen thuộc với bạn đọc *Truyện Kiều* nói chung. Ngoài ra, nhóm cũng phỏng vấn để tìm hiểu nguyên nhân một số học sinh không đọc thêm đoạn trích khác ngoài sách giáo khoa và thu được kết quả như sau: Học sinh không có thời gian đọc, *Truyện Kiều* khó đọc vì có nhiều từ Hán Việt, điển cố, điển tích,… Do đó, để hỗ trợ học sinh đọc thêm các văn bản ngoài sách giáo khoa, giáo viên có thể chú giải một số từ ngữ khó hoặc gợi ý cho học sinh lựa chọn những đoạn trích vừa sức hơn.

2.3. Mức độ mong muốn đọc, tìm hiểu toàn văn tác phẩm *Truyện Kiều*

Để khảo sát mức độ mong muốn tìm hiểu toàn văn *Truyện Kiều* của học sinh khối 11 trường X, nhóm đặt ra câu hỏi: "Các bạn có ý định đọc, tìm hiểu toàn văn tác phẩm *Truyện Kiều* khi có điều kiện không?". Kết quả như sau:

Ý kiến trả lời	Số trả lời (lượt)	Tỉ lệ (%)
Có	77	27.01
Không	53	18.60
Còn phân vân	155	54.39

Bảng: Mức độ mong muốn tìm hiểu toàn văn tác phẩm *Truyện Kiều* của học sinh khối 11 trường X[***]

Nhận xét: 27.01% học sinh chọn phương án "Có", đây là nhóm học sinh có mong muốn tìm hiểu toàn văn *Truyện Kiều*. 54.39% số học sinh tham gia khảo sát chọn câu trả lời là "Còn phân vân" cho thấy sự lưỡng lự của các bạn về mong muốn tìm hiểu toàn văn tác phẩm. 18.60% số học sinh chọn "Không", tương ứng với 53 học sinh.

[***]: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: bảng biểu

Chân trời sáng tạo

Để tìm hiểu nguyên nhân một số học sinh không muốn tìm hiểu toàn văn *Truyện Kiều*, chúng tôi đã phỏng vấn một số học sinh trả lời "Không" và thu được kết quả như sau:

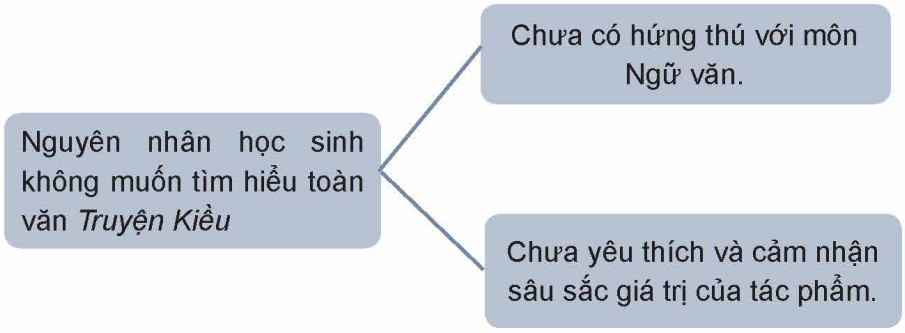

Sơ đồ: Nguyên nhân một số học sinh không muốn tìm hiểu toàn văn *Truyện Kiều*[***]

[***]: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: sơ đồ

Đối với những học sinh còn phân vân, chúng tôi đặt câu hỏi: "Vì sao bạn còn chưa rõ mình muốn đọc, tìm hiểu toàn văn *Truyện Kiều* hay không?" và thu được một số câu trả lời như sau: "Mình cũng muốn đọc toàn văn nhưng không có thời gian vì phải học nhiều môn khác"; "Mình phân vân vì chưa xác định được mục đích đọc";... Điều này cho thấy việc học sinh chưa muốn tìm hiểu toàn văn *Truyện Kiều* có thể xuất phát từ những nguyên nhân không liên quan trực tiếp đến tác phẩm.

III. KẾT LUẬN[3]

[3]: KẾT LUẬN

Từ kết quả khảo sát, có thể kết luận học sinh khối 11 trường X có quan tâm đến *Truyện Kiều*, nhưng mức độ chưa cao. Trước tiên, thái độ quan tâm thể hiện ở tỉ lệ hơn 90% học sinh trả lời được các câu hỏi hướng dẫn đọc của văn bản đọc mở rộng theo thể loại ở những mức độ khác nhau. Ngoài ra, gần 70% học sinh có đọc thêm một số đoạn trích khác của *Truyện Kiều* ngoài sách giáo khoa. Tuy nhiên, mức độ mong muốn tìm hiểu toàn văn tác phẩm *Truyện Kiều* lại chưa cao vì hầu hết học sinh được khảo sát đều lưỡng lự hoặc không muốn tìm hiểu toàn văn tác phẩm. Vì thế, để nâng cao mức độ quan tâm của học sinh đối với *Truyện Kiều*, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau: Câu lạc bộ Văn học của lớp/ trường nên tổ chức các buổi giới thiệu, mời chuyên gia chia sẻ về *Truyện Kiều* để thu hút và gia tăng hứng thú đọc cho học sinh; giáo viên lập danh mục một số đoạn trích tiêu biểu để hướng dẫn học sinh đọc thêm ở nhà dưới hình thức viết nhật kí đọc sách/ hồ sơ đọc;...

TÀI LIỆU THAM KHẢO[4]

[4]: Trình bày danh mục tài liệu tham khảo

1. Đặng Thanh Lê. (2001). *Giảng văn Truyện Kiều.* Hà Nội: Giáo dục.
2. Hall G. E., George A. A., Rutherford W. L. (1977). *Measuring Stages of Concern about the Innovation: A Manual for Use of the SoC Questionnaire.* Austin, TX: University of Texas.
3. Nguyễn Thành Thi (Chủ biên). (2023). *Ngữ văn 11*, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*. Hà Nội: Giáo dục.
4. Trần Đình Sử. (2007). *Thi pháp Truyện Kiều.* Hà Nội: Giáo dục.

(Nhóm biên soạn)

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu về bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội trong văn bản trên.
2. Phần mở đầu của văn bản trình bày những nội dung gì?
3. Phần nội dung nghiên cứu trình bày sản phẩm của dự án như thế nào?
4. Phần trích dẫn, tài liệu tham khảo và cước chú được sử dụng trong văn bản có chức năng gì?
5. Người viết trình bày những nội dung gì ở phần kết luận?
6. Người viết đã sử dụng những phương tiện phi ngôn ngữ nào trong văn bản? Từ đó, bạn rút ra những lưu ý gì khi sử dụng các phương tiện hỗ trợ ấy trong bài báo cáo kết quả của bài tập dự án?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Thành lập nhóm và thực hiện dự án nghiên cứu về một vấn đề xã hội mà nhóm quan tâm, sau đó viết bài báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án.

Bước 1: Chuẩn bị viết

• Cần lựa chọn đề tài có tính cụ thể, khả thi và phù hợp với khả năng nghiên cứu của nhóm. Có thể tham khảo một số đề tài gợi ý sau:

– Thực trạng lạm dụng mạng xã hội của học sinh

– Thể loại âm nhạc mà phần lớn học sinh yêu thích

– Sự quan tâm của học sinh đối với thể thao điện tử

– Biện pháp cải thiện chất lượng giấc ngủ của học sinh hiện nay

– Biện pháp nâng cao hứng thú đọc sách cho học sinh

– …

• Trước khi viết báo cáo kết quả của bài tập dự án, cần xác định: Bài báo cáo kết quả của bài tập dự án được viết nhằm mục đích gì? Người đọc bài báo cáo kết quả của bài tập dự án có thể là ai? Mục tiêu nghiên cứu của dự án là gì? Câu hỏi nghiên cứu là gì? Để thực hiện nghiên cứu, cần dựa trên cơ sở lí thuyết nào? Cách thức điều tra, thu thập dữ liệu; công cụ thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu là gì? Cần sử dụng những phương pháp nghiên cứu nào để phù hợp với nội dung nghiên cứu?

• Thu thập một số tài liệu nghiên cứu có liên quan đến đề tài từ các nguồn sách, báo, tạp chí khoa học,… Dữ liệu, thông tin từ các nguồn cần đa dạng, đáng tin cậy và cập nhật để bài nghiên cứu có cái nhìn khách quan, toàn diện về vấn đề.

Chân trời sáng tạo

Lưu ý: Xem lại phần *Viết* của Bài 4. *Nét đẹp văn hoá và cảnh quan* (*Ngữ văn 11*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*) để biết cách lập danh mục tài liệu tham khảo.

Bước 2: Phác thảo đề cương báo cáo

Sau khi lập danh mục các tài liệu liên quan, bạn cần đọc kĩ tài liệu, trên cơ sở đó, phác thảo đề cương báo cáo kết quả thực hiện dự án gồm các mục chính sau: *Mở đầu*, *Nội dung nghiên cứu* và *Kết luận*.

Bước 3: Thực hiện dự án

• Dựa trên các tài liệu đã đọc, phác thảo cơ sở lí thuyết để xác lập cơ sở cho việc nghiên cứu vấn đề xã hội đã chọn (điều tra, khảo sát thực trạng hoặc thực nghiệm giải pháp để giải quyết thực trạng).

• Thu thập dữ liệu nghiên cứu bằng các công cụ thu thập phù hợp (xem lại Bài 4. *Nét đẹp văn hoá và cảnh quan*).

• Phân tích, xử lí dữ liệu thu thập được bằng các công cụ phù hợp như Excel, SPSS,…

Bước 4: Viết bài báo cáo kết quả thực hiện dự án

Trên cơ sở đề cương và các thông tin đã có, viết bài báo cáo kết quả thực hiện gồm ba phần: *Mở đầu*, *Nội dung nghiên cứu* và *Kết luận*; thể hiện kết quả nghiên cứu bằng cách sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu,… trình bày trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo đúng quy cách.

Bước 5: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, đọc lại bài báo cáo và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Nêu được tên của bài tập dự án		
	Nêu rõ ràng, đầy đủ (các) mục tiêu của bài tập dự án		
	Nêu rõ ràng, chính xác (các) câu hỏi nghiên cứu của bài tập dự án		
	Nêu rõ ràng, đầy đủ (các) phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài tập dự án		
	Nêu rõ ràng, ngắn gọn hình thức của bài tập dự án		
	Nêu rõ ràng, đầy đủ (các) nhiệm vụ của bài tập dự án		
	Nêu rõ ràng, đầy đủ (các) sản phẩm của bài tập dự án		
	Nêu được thời gian thực hiện bài tập dự án		

Chân trời sáng tạo

Nội dung nghiên cứu	Nêu ngắn gọn khái niệm, cơ sở lí thuyết đã vận dụng để thực hiện (các) sản phẩm (nếu có)		
	Trình bày đầy đủ, rõ ràng (các) sản phẩm đã hoàn thành		
	Đưa ra các lí giải và bằng chứng để làm rõ kết quả của dự án		
Kết luận	Khái quát những nội dung chính từ kết quả thực hiện bài tập dự án		
	Đề xuất giải pháp hoặc vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu		
Yêu cầu về trình bày, diễn đạt	Sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học		
	Trích dẫn tài liệu tham khảo và cước chú đúng quy cách		
	Sử dụng hợp lí sơ đồ, bảng biểu để trình bày kết quả của dự án		
	Trình bày tài liệu tham khảo đúng quy cách và đầy đủ		

Sau khi đọc lại và chỉnh sửa, ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Chân trời sáng tạo

Đề tài:

Bài báo cáo của nhóm bạn được chọn để trình bày trong buổi toạ đàm báo cáo kết quả bài tập dự án của trường. Bạn hãy chuẩn bị nội dung bài nói để tham gia buổi toạ đàm.

Bước 1: Chuẩn bị nói

• Đề tài của bài nói cùng một đề tài với bài viết. Người nghe có thể là giáo viên bộ môn, các bạn cùng lớp, khách mời,... Mục đích của bài nói là trình bày kết quả bài tập dự án đã thực hiện để người nghe hiểu được vấn đề và giá trị của dự án học tập mà nhóm bạn đã thực hiện. Vì vậy, bạn cần xác định mình sẽ nói ở đâu, trong thời gian bao lâu để đạt được mục đích nói.

• Đây là giai đoạn thu thập và sắp xếp các thông tin để chuẩn bị cho bài trình bày. Trong trường hợp này, bài trình bày đã được chuẩn bị ở phần *Viết*.

• Khi chuyển hoá nội dung bài viết thành dàn ý bài nói, cần đảm bảo một số ý:

– Giới thiệu khái quát thông tin về dự án.

– Trình bày nội dung nghiên cứu của bài tập dự án kèm theo lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, đáng tin cậy.

– Nêu kết luận rút ra được từ kết quả của dự án và đề xuất giải pháp và vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu (nếu cần).

• Để phần trình bày thêm thuyết phục, hấp dẫn, bạn cần chuyển bài báo cáo dạng văn bản viết thành bài trình chiếu đa phương tiện (dùng phần mềm PowerPoint, Canva, Prezi,...). Ngoài ra, bạn nên dự kiến những vấn đề mà người nghe có thể phản biện hoặc muốn tìm hiểu thêm và dự kiến câu trả lời.

Bước 2: Trình bày bài nói

Khi trình bày, nên:

• Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị.

• Kết hợp phù hợp và nhuần nhuyễn bài thuyết trình với phương tiện phi ngôn ngữ.

• Tương tác tích cực với người nghe, trình bày rõ ràng và tự tin.

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

Khi trao đổi với người nghe, nên:

• Có thái độ cầu thị, nghiêm túc và ghi chép đầy đủ các ý kiến trao đổi.

• Cố gắng trao đổi những ý kiến phản biện quan trọng trong thời gian cho phép.

Trong vai trò người nói, bạn tự đánh giá bài nói của mình. Trong vai trò người nghe, bạn đánh giá bài trình bày của bạn bằng bảng kiểm dưới đây:

Chân trời sáng tạo

Bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Nội dung bài thuyết trình	Nêu được các thông tin cơ bản về dự án		
	Nêu ngắn gọn khái niệm, lí thuyết cơ sở đã vận dụng để thực hiện dự án		
	Trình bày rõ ràng, đầy đủ (các) sản phẩm của bài tập dự án		
	Nêu ra được kết luận hợp lí từ kết quả của dự án		
Các kĩ thuật thuyết trình	Sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học		
	Kết hợp hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ		
	Trình bày rõ ràng, tự tin, đúng thời gian quy định		
	Tương tác hiệu quả với người nghe		
	Ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe		

ÔN TẬP

1. Bạn hình dung như thế nào về đời sống thành thị trong các đoạn trích đã học? Liên hệ và so sánh với đời sống thành thị ngày nay.

2. Kẻ bảng so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa tiểu thuyết trung đại và tiểu thuyết hiện đại.

3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nói mỉa trong trường hợp sau:

Người chết, sau khi được quan trên khám qua loa, đã được khâm liệm đến gần một ngày rồi, vậy mà chưa thấy cụ Hồng ra lệnh phát phục, mặc dầu mọi công việc cử hành tang lễ đã quyết định xong xuôi. Phái trẻ, nghĩa là bọn dâu con, đã bắt đầu la ó lên rằng phái già chậm chạp. Cậu tú Tân thì cứ điên người lên vì cậu đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không dùng đến. Bà Văn Minh thì sốt cả ruột vì mãi không được mặc những đồ xô gai tân thời, cái mũ mấn trắng viền đen – dernières créations[1]!

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

4. Bạn hãy rút ra những điều cần lưu ý khi:

– Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

– Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

5. Thực hiện dự án nghiên cứu về một vấn đề xã hội được đặt ra từ tác phẩm văn học và viết báo cáo kết quả.

Chân trời sáng tạo

[1] *dernières créations* (tiếng Pháp đọc là *đéc-nhi-e crê-a-xi-ông*): những sáng tạo mới nhất.

BÀI 8 TRĂNG XƯA, HẠC CŨ VỚI XUÂN NÀY...
(TÁC GIẢ HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người.
- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong một văn bản nghị luận; chỉ ra mối liên hệ của chúng.
- Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận trong văn bản để đạt được mục đích.
- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ đối với cộng đồng.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Về tác giả

Chân trời sáng tạo

NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

(1890 – 1969)

1. Vài nét về tiểu sử

Chủ tịch Hồ Chí Minh[1] sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, quê tại làng Sen (tức làng Kim Liên, nay thuộc xã Kim Liên), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam, đồng thời là nhà văn, nhà thơ kết tinh những phẩm chất nghệ sĩ và tâm hồn, cốt cách Việt Nam.

Suốt đời mình, Người đã hi sinh, phấn đấu cho độc lập của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Sau thời gian học tập ở Trường Quốc học Huế, năm 1910, thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở Trường Dục Thanh – một trường học của tổ chức yêu

[1] Tác giả Hồ Chí Minh, thời thanh niên tên là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc và một số tên, bút danh khác.

nước ở Phan Thiết (nay thuộc tỉnh Bình Thuận), ít lâu sau, vào Sài Gòn, rồi từ đó ra nước ngoài tìm đường cứu nước vào năm 1911. Năm 1918, Người tham gia Đảng Xã hội Pháp, thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước. Năm 1919, Người thay mặt những người Việt Nam ở Pháp gửi tới Hội nghị hoà bình họp ở Véc-xây (Versailles) (Pháp) bản yêu sách *Quyền các dân tộc*, kí tên Nguyễn Ái Quốc. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trong thời gian ở Pháp, Người tích cực viết báo, viết sách tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân và đoàn kết các dân tộc thuộc địa. Từ năm 1923 đến năm 1941, Người chủ yếu hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan. Ngày 03 tháng 02 năm 1930, Người chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng. Đầu năm 1941, lấy tên là Hồ Chí Minh, Người về nước thành lập Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị lực lượng để đón thời cơ giành độc lập dân tộc. Tháng 8 năm 1942, trong chuyến đi sang Trung Quốc nhằm tranh thủ sự viện trợ quốc tế đối với cách mạng Việt Nam, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ, giam cầm suốt 14 tháng ở các nhà lao thuộc tỉnh Quảng Tây. Ra tù, Người về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, ngày 02 tháng 9 năm 1945, trong cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Tiếp đến, Người đã lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ của dân tộc.

Với những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, sự phát triển của đất nước và hạnh phúc của nhân dân, cùng những tư tưởng, đạo đức, phong cách cao đẹp kết tinh trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh được tôn vinh là anh hùng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

Chân trời sáng tạo

2. Quan điểm sáng tác văn học

Là người am hiểu quy luật và đặc trưng của hoạt động văn học, Hồ Chí Minh luôn coi trọng vai trò của văn chương đối với sự nghiệp cách mạng và đời sống con người. Người quan niệm văn học nghệ thuật là vũ khí đấu tranh cách mạng, văn chương nghệ thuật trong thời đại cách mạng cần đề cao tính chiến đấu, chất "thép" và tinh thần "xung phong" trên tuyến đầu của "mặt trận" văn hoá nghệ thuật; làm thơ, viết văn cũng là hành động cách mạng.

Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

(Hồ Chí Minh, *Cảm tưởng đọc Thiên gia thi*)

Với nhận thức và quan niệm như vậy, khi đặt bút viết, bao giờ Người cũng tự hỏi: "Viết cho ai?" (xác định đối tượng người đọc), "Viết để làm gì?" (xác định mục đích sáng tác); sau đó mới quyết định "Viết cái gì?" (lựa chọn nội dung) và "Viết

như thế nào?" (lựa chọn sử dụng hình thức nghệ thuật). Mặt khác, Người cũng luôn tự đòi hỏi: "viết cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn", tính chiến đấu không tách rời tình cảm, cảm xúc sâu lắng, thiết tha. Quan niệm sáng tác đó giúp cho văn thơ của Người luôn mang những vẻ đẹp hài hoà:

Vần thơ của Bác, vần thơ thép
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.

(Hoàng Trung Thông, *Đọc thơ Bác*)

3. Di sản văn học

Bên cạnh sự nghiệp cách mạng vĩ đại, với tâm hồn nghệ sĩ mang cốt cách Việt Nam, Hồ Chí Minh còn để lại một di sản văn học có giá trị lớn lao về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Sự nghiệp văn học của Người bao gồm nhiều thể loại, trong đó các thể loại chính gồm: văn chính luận, truyện và kí, thơ ca.

a. ***Văn chính luận:*** Tiêu biểu cho văn chính luận của Hồ Chí Minh là các tác phẩm được viết ở những chặng đường, những thời điểm quan trọng có tính lịch sử của cách mạng Việt Nam. Sau 16 năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, Người viết *Đường Kách mệnh*[1] (1927). Cách mạng tháng Tám thành công, để khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người viết *Tuyên ngôn Độc lập* (1945). Nhằm tập hợp, kêu gọi và phát huy sức mạnh "toàn dân, toàn diện" trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người viết *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946). Để cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh thống nhất nước nhà trong những năm đầu chống đế quốc Mỹ cứu nước, Người viết *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* (1966). Chuẩn bị cho những ngày đi xa (1969), Người viết bản *Di chúc* và ước mong "để lại muôn vàn tình thân yêu" cho toàn thể đồng bào Việt Nam.

b. ***Truyện và kí:*** Đáng chú ý là những truyện ngắn viết bằng tiếng Pháp khi tác giả còn hoạt động ở Pháp như *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, *Vi hành*, *Những trò lố hay là Va-ren (Varenne) và Phan Bội Châu*, *Con người biết mùi hun khói*[2],... và *Bản án chế độ thực dân Pháp* – một thiên phóng sự điều tra giàu tính chính luận[3]. Về nội dung, đây là những tác phẩm tập trung phê phán bản chất tàn bạo, xảo trá của chế độ thực dân và phong kiến đối với nhân dân lao động ở các nước thuộc địa, đồng thời ngợi ca những tấm gương yêu nước và cách mạng. Về hình thức nghệ thuật, đây là các truyện, kí cho thấy một nghệ thuật tự sự linh hoạt, độc đáo, một ngòi bút châm biếm vừa sâu sắc, đầy tính chiến đấu, vừa tươi tắn, hóm hỉnh. Tính tư liệu phong phú và đầy sức thuyết phục cũng là một nét đặc sắc của những tác phẩm này, đặc biệt là thể phóng sự.

---

[1] *Đường Kách mệnh* – Bộ tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, xuất bản năm 1927.

[2] Những truyện ngắn này được đăng trên các tờ báo *Le Paria (Người cùng khổ)*, *Nhân đạo*, *Đời sống thợ thuyền* ở Pháp từ năm 1922 đến năm 1925 – Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng và NXB Văn học, Hà Nội; dịch và in lại một số trong tập *Truyện và kí (Nguyễn Ái Quốc)* (1974).

[3] Tác phẩm này được in lần đầu tại Pa-ri vào năm 1925; dịch và in năm 1960, NXB Sự thật, Hà Nội.

c. *Thơ ca:* Trước hết phải nói đến *Nhật kí trong tù* (*Ngục trung nhật kí*). Tập thơ này ra đời trong thời gian tác giả bị giam giữ tại các nhà tù của chính quyền Quốc dân Đảng ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943. Đây là một tập nhật kí bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài. Với tính chất "nhật kí", *Nhật kí trong tù* đã tái hiện một cách chân thực và sinh động bộ mặt của nhà tù và xã hội Trung Hoa dưới thời Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch. Với tính chất của một tập thơ trữ tình, tác phẩm đã ghi lại tâm trạng, tình cảm của nhà thơ Hồ Chí Minh trước những thử thách khắc nghiệt của hoàn cảnh lao tù, mang lại xúc động sâu xa trong tâm hồn người đọc:

Lại thương nỗi: đoạ đày thân Bác
Mười bốn trăng tê tái gông cùm
Ôi chân yếu, mắt mờ, tóc bạc
Mà thơ bay… cánh hạc ung dung!

(Tố Hữu, *Theo chân Bác*)

Có thể xem *Nhật kí trong tù* là bức chân dung tự hoạ, phản ánh sinh động tâm hồn, nhân cách cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng – một bậc "đại trí, đại nhân, đại dũng" (nhận định của nhà thơ Viên Ưng, Trung Quốc).

Ngoài *Nhật kí trong tù*, còn có thể kể đến một số chùm thơ chữ Hán và tiếng Việt được Người sáng tác ở Việt Bắc từ năm 1941 đến năm 1945 hay trong các thời kì kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954), chống Mỹ cứu nước (1965 – 1969). Trong đó, bên cạnh những bài thơ được viết với phong cách bình dân, giản dị, chủ yếu để tuyên truyền như *Ca công nhân*, *Ca binh lính*, *Ca sợi chỉ*,… là những tác phẩm giàu tính nghệ thuật như *Tức cảnh Pác Bó*, *Lên núi (Thượng sơn)*, *Cảnh khuya*, *Cảnh rừng Việt Bắc*, *Rằm tháng Giêng (Nguyên tiêu)*, *Tin thắng trận (Báo tiệp)*,…

4. Phong cách nghệ thuật

Nét nổi bật trong phong cách nghệ thuật của tác giả Hồ Chí Minh là sự phong phú, đa dạng mà thống nhất.

a. *Tính phong phú, đa dạng*

Đặt các bộ phận, thể loại trong sáng tác của Hồ Chí Minh cạnh nhau, ta có thể dễ dàng nhận thấy tính phong phú, đa dạng trong phong cách nghệ thuật của Người. Chẳng hạn, *Truyện và kí* của Nguyễn Ái Quốc viết trong thời gian Người hoạt động Cách mạng ở Pháp là những áng văn xuôi viết bằng tiếng Pháp mang phong cách hiện đại của phương Tây; trong khi đó, *Nhật kí trong tù* và thơ trữ tình sáng tác trong kháng chiến chống Pháp của Hồ Chí Minh lại mang đậm phong vị cổ điển của thơ Đường, thơ Tống. Nếu văn xuôi tự sự của Người thể hiện trí tưởng tượng bay bổng, khả năng hư cấu sáng tạo độc đáo của nhà nghệ sĩ tài ba thì văn chính luận, thơ ca tuyên truyền của Người lại thể hiện một tư duy sắc bén, chú trọng hiệu quả thực tiễn của một nhà hoạt động cách mạng dạn dày.

Từng bộ phận, thể loại trong di sản văn học của Hồ Chí Minh cũng cho thấy tính phong phú, đa dạng như vậy.

Với văn chính luận, tác giả thường tuỳ mục đích sáng tác và đối tượng tiếp nhận mà chọn nội dung, cách viết cho phù hợp. Tuy nhiên, nhìn chung sức thuyết phục mạnh mẽ trong những áng văn của Người thường là sự kết hợp khéo léo, hài hoà: giàu lí trí, lập luận chặt chẽ, đanh thép, hùng hồn, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người đọc, người nghe; nhưng khi cần, cũng chứa chan tình cảm, thân mật, ôn tồn, đi thẳng vào lòng người, để lại nhiều dư vị thấm thía;… *Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* năm 1946 là những trường hợp tiêu biểu.

Những tác phẩm truyện và kí của Người rất hiện đại, thể hiện tinh thần chiến đấu mạnh mẽ với nghệ thuật trào phúng sắc bén. Tiếng cười trào phúng của Nguyễn Ái Quốc thường nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng thâm thuý, sâu cay, đồng thời cũng thấm đượm chất trữ tình. Đúng như dịch giả Phạm Huy Thông – người đã dịch các *Truyện và kí (Nguyễn Ái Quốc)* từ tiếng Pháp sang tiếng Việt – khẳng định các tính chất vừa "dí dỏm, hài hước" vừa "trữ tình" là biểu hiện cho tính phong phú, đa dạng trong bút pháp truyện, kí của Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, về thơ ca, Hồ Chí Minh sáng tác theo nhiều dạng thức khác nhau: có lối thơ bình dân, đại chúng như những bài ca, bài vè, thơ ngụ ngôn,... dễ hiểu, dễ nhớ; có lối thơ chúc Tết, mừng xuân cổ truyền của dân tộc gần gũi, thân mật, ấm áp;… Nhìn một cách bao quát, thơ Hồ Chí Minh gồm hai mảng bổ sung cho nhau: thơ vận động, tuyên truyền cách mạng và thơ trữ tình. Mỗi bộ phận này đều có mục đích sáng tác và giá trị thẩm mĩ riêng.

Thơ tuyên truyền, vận động cách mạng của Hồ Chí Minh giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ, giàu tính thực tiễn, tính thời sự, có khả năng truyền cảm hứng và vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

Để việc tuyên truyền có hiệu quả vận động được các tầng lớp nhân dân tham gia sự nghiệp cách mạng của dân tộc, nhà thơ đã không ngần ngại sáng tác những bài thơ rất mộc mạc (mộc mạc nhưng vẫn đa dạng) và đặt tên cho tác phẩm của mình một cách giản dị. Đó là cái mộc mạc, giản dị của những bài *"Ca…"* (*Ca binh lính, Ca đội tự vệ, Ca sợi chỉ*), những món quà tinh thần để *"Tặng…"* (*Tặng báo Xung Phong, Tặng các cụ phụ lão, Tặng sư đoàn 316,…*), những lời động viên, răn nhắc để *"Khuyên…"* (*Khuyên đồng bào mua báo Việt Nam độc lập, Khuyên thanh niên*). Đó còn là cái mộc mạc, giản dị của những hình ảnh, từ ngữ lấy ngay trong cuộc sống hằng ngày, những câu chuyện, những cách nói ngụ ngôn gần gũi với quần chúng. Ngôn ngữ thơ, khi thì khích lệ bằng hình ảnh, nhịp điệu khoẻ khoắn, linh động như bài *Nhóm lửa*, khi thì khuyên nhủ bằng hình ảnh ví von rắn rỏi, cô đọng như bài *Khuyên thanh niên*,… Đặc biệt, các bài thơ chúc Tết cổ truyền giàu tính thời sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh như những làn gió tươi mới, luôn mang đến sự khích lệ lớn lao đối với đồng bào Việt Nam mỗi khi mùa xuân về:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.

Trong khi đó, thơ trữ tình của Người lại luôn hài hoà giữa tính hiện đại và phong vị cổ điển. Phần lớn các bài thơ thuộc tập *Nhật kí trong tù* rất tiêu biểu cho sự hài hoà này. Ở đó, những tình cảm cách mạng của người chiến sĩ không tách rời tình yêu thiên nhiên và phong thái của nhà hiền triết phương Đông; đời sống khắc nghiệt chốn lao tù không thể ngăn nhà thơ say đắm với thiên nhiên yên, hoa, sơn, thuỷ,... Thơ ca sáng tác trước và trong thời kì kháng chiến chống Pháp 1946 – 1954 của Người cũng vậy. Đó là tiếng nói của một tâm hồn mà tình yêu thiên nhiên và niềm lo toan việc nước dường như quyện hoà làm một: thiên nhiên, đất nước tươi đẹp luôn gợi nhắc trách nhiệm lớn lao đối với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của dân tộc, nhưng càng thao thức lo toan việc nước càng trân trọng, say đắm vẻ đẹp của sông núi thiêng liêng (*Cảnh khuya, Pác Bó hùng vĩ,…*); niềm vui thưởng ngoạn cái đẹp luôn gắn liền niềm vui của công việc kháng chiến (*Rằm tháng Giêng, Tin thắng trận,…*), và càng tin tưởng, hi vọng "kháng chiến thành công", nhà thơ càng thiết tha "trở lại" với vẻ đẹp muôn thuở yên bình, tươi thắm của "trăng xưa", "hạc cũ",…

Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

(Hồ Chí Minh, *Cảnh rừng Việt Bắc*)

Dù sáng tác trong hoàn cảnh nào, là chữ Hán hay thơ tiếng Việt, thơ Hồ Chí Minh luôn là tiếng nói sâu sắc và tinh tế của một tâm hồn đa dạng, độc đáo, hài hoà nhiều cung bậc, âm hưởng: vừa hồn hậu, thâm trầm, sâu sắc, vừa trẻ trung, hiện đại; vừa chan chứa tình nhân đạo đối với sự sống, con người, vừa dạt dào cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên,... Những tình cảm, cảm xúc thiết tha, sâu lắng trong lòng nhà thơ luôn được thể hiện bằng bút pháp linh hoạt, sinh động, giàu tính thẩm mĩ. *Ngắm trăng, Giải đi sớm, Chiều tối, Hoàng hôn, Đi đường,...* (*Nhật kí trong tù*); *Cảnh khuya, Rằm tháng Giêng, Tin thắng trận,...* (sáng tác trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp) đều là những trường hợp tiêu biểu và có thể xem là những viên ngọc quý trong sự nghiệp thơ ca của Người.

b. *Tính thống nhất*

Tính thống nhất trong sự nghiệp văn học và phong cách nghệ thuật của Người thể hiện trên cả hai phương diện nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Có thể nói như Phạm Huy Thông, Hồ Chí Minh "suốt đời là tác giả của chỉ một đề tài: đấu tranh cách mạng".

Về nội dung, tư tưởng, mọi tác phẩm của Người đều thấm nhuần tình cảm yêu nước, tinh thần dân chủ và lập trường dân tộc. Về hình thức nghệ thuật, với cái nhìn ấm áp, lạc quan về cuộc sống con người, hình tượng nghệ thuật trong sáng tác của Hồ Chí Minh luôn có sự vận động tự nhiên, khoẻ khoắn, hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. Người thường sử dụng lối viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị đi đôi với sự sáng tạo linh hoạt; luôn có sự kết hợp tự nhiên, hài hoà giữa phong vị cổ điển và tính hiện đại.

5. Kết luận

Thơ văn Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá và là một bộ phận không thể tách rời sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Thơ văn của Người phản chiếu tâm hồn của một nghệ sĩ lớn, chứa chan tình yêu nước, trân trọng sự sống thiêng liêng của con người, thiên nhiên và tạo vật,… Đó là một sự nghiệp văn học đa dạng mà thống nhất, không chỉ có tác dụng to lớn đối với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam mà còn có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn học và đời sống tinh thần của dân tộc.

Thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận

Thao tác nghị luận là những kĩ thuật lập luận được sử dụng để nội dung văn bản nghị luận hoàn chỉnh, thuyết phục. Các thao tác nghị luận gồm:

– Chứng minh: Trình bày các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.

– Giải thích: Nêu định nghĩa cho các khái niệm được sử dụng trong văn bản, nhằm thống nhất cách hiểu về khái niệm giữa người viết và người đọc.

– Bình luận: Thể hiện ý kiến, quan điểm khen, chê, đồng tình hay phản đối của người viết đối với vấn đề nghị luận.

– So sánh: Đặt hai đối tượng trong mối tương quan để nhận ra điểm tương đồng, khác biệt.

– Phân tích: Chia nhỏ đối tượng cần bàn để xem xét đặc điểm của từng phần, từng bộ phận, sau đó khái quát đặc điểm chung của đối tượng.

– Bác bỏ: Chỉ ra, phân tích sự sai lầm trong các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người khác đưa ra.

Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận thể hiện qua cách lựa chọn và sử dụng từ ngữ, kiểu câu khẳng định, câu phủ định, các biện pháp tu từ,… để thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết, từ đó khơi gợi sự đồng cảm nơi người đọc.

Việc nhận ra và phân tích cách tác giả sử dụng, kết hợp các thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm sẽ giúp bạn lí giải được sức thuyết phục, tác động của văn bản nghị luận, từ đó có cơ sở để hiểu sâu sắc hơn nội dung của văn bản.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC

VĂN BẢN 1

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Hồ Chí Minh

Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh[1]. Cách mạng tháng Tám thành công, vua Bảo Đại thoái vị, chế độ quân chủ chuyên chế chấm dứt trên cả nước. Ngày 26/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân Trào (Tuyên Quang) về Hà Nội. Tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 02/9/1945, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cũng vào thời gian đó, những lực lượng thù địch âm mưu phá hoại thành quả của Cách mạng tháng Tám. Thực dân Pháp tuyên bố: Đông Dương là thuộc địa của Pháp, bị quân Nhật chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Pháp đương nhiên có quyền tiếp tục "bảo hộ"[2] Đông Dương.

Trước khi đọc

Bạn hãy sưu tầm những tư liệu (hình ảnh, bài viết, đoạn phim tài liệu,...) về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* và giới thiệu, chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Chân trời sáng tạo

Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* vào ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội (*http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn/chu-tich-ho-chi-minh-doc-tuyen-ngon-doc-lap-khai-sinh-nuoc-viet-nam-dan-chu-cong-hoa-tai-quang-truong-ba-dinh-ha-noi-ngay-2-9-1945-3099*)

[1] *Đồng minh*: khối liên minh quân sự quốc tế được thành lập trong Chiến tranh Thế giới thứ hai nhằm chống lại sự bành trướng của trục phát xít Đức, Ý, Nhật. Trụ cột của Đồng minh là ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh.

[2] *Bảo hộ*: giữ gìn, che chở. Thực dân Pháp dùng từ này như một chiêu bài che đậy hành động và nhiều tội ác của chúng trong hơn 80 năm xâm lược nước ta.

Đọc văn bản

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.[1]

Theo dõi

[1] Chú ý những trích dẫn trong phần này.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.[2]

Liên hệ

[2] Ghi lại những cảm xúc của bạn khi đọc đoạn "Thế mà … vô cùng tàn nhẫn".

Chân trời sáng tạo

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay[1], từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp[2]. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thuỳ, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị[3]. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng, kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc

---

[1] Cuối năm 1944, đầu năm 1945.

[2] Năm 1940, thực dân Pháp buộc phải mở cửa Đông Dương cho phát xít Nhật kéo vào. Từ đó, Pháp và Nhật cùng thống trị nước ta. Nhưng ngày 09/3/1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính, lật đổ chính quyền Pháp, độc chiếm Đông Dương.

[3] *Thoái vị*: từ bỏ ngôi vua.

bình đẳng ở các hội nghị Tê-hê-răng[1] (Tehran) và Cựu Kim Sơn[2], quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.3

Suy luận

3 Tác giả nhắc đến nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn nhằm mục đích gì?

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Theo dõi

4 Chú ý đến nghệ thuật phủ định, khẳng định trong đoạn "Mùa thu năm 1940 … độc lập ấy".

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.4

(In trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 1 – 3)

Sau khi đọc

1. Xác định bố cục của văn bản. Từ đó, vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.
2. Việc trích dẫn bản *Tuyên ngôn Độc lập* (1776) của nước Mỹ, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1791) của Cách mạng Pháp trong phần đầu văn bản có tác dụng gì? Từ đó, bạn có nhận xét gì về cách kết hợp các thao tác nghị luận trong phần này?
3. Đọc lại phần từ "Thế mà hơn 80 năm nay" cho đến "Dân tộc đó phải được độc lập!", đối chiếu với ô thông tin ở đầu văn bản và cho biết:
   a. Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để bác bỏ luận điểm "khai hoá, bảo hộ" của Pháp và khẳng định quyền tự do, độc lập của nước Việt Nam? Nhận xét về cách lựa chọn, sắp xếp, triển khai các lí lẽ, bằng chứng ấy.
   b. Xác định và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định, phủ định trong phần này.
4. Phân tích ý nghĩa của lời tuyên bố ở cuối văn bản. Nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,…) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố.

---

[1] *Hội nghị Tê-hê-răng*: hội nghị của ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh họp từ ngày 28/11 đến ngày 01/12/1943 tại Tê-hê-răng, thủ đô nước I-ran (Iran) để thông qua kế hoạch phối hợp tiêu diệt phát xít Đức, trong đó có việc phối hợp hành động với các nước nhỏ.

[2] *Cựu Kim Sơn*: tức thành phố San Phran-xít-cô (San Francisco). *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: hội nghị của ban đại diện 50 nước họp tại Cựu Kim Sơn – San Phran-xít-cô, Mỹ, từ ngày 25/4 đến ngày 26/6/1945 để thành lập tổ chức quốc tế Liên hợp quốc.

5. Khi viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt ra câu hỏi: "Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào?". Phân tích một số ví dụ trong văn bản *Tuyên ngôn Độc lập* để cho thấy quan điểm sáng tác này.

6. Văn bản *Tuyên ngôn Độc lập* gợi cho bạn suy nghĩ gì về đất nước, con người Việt Nam?

VĂN BẢN 2

NGUYÊN TIÊU
(RẰM THÁNG GIÊNG)

Hồ Chí Minh

Nguyên tiêu là một trong những bài thơ được viết bằng chữ Hán trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) của nhà thơ Hồ Chí Minh.

Trước khi đọc

Chia sẻ với các bạn trong lớp cảm nhận của bạn về một bài thơ/ câu thơ hay của tác giả Hồ Chí Minh, trong đó có hình ảnh vầng trăng hoặc hình ảnh mùa xuân.

Đọc văn bản

Phiên âm

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên. (1)
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

Dịch nghĩa

Đêm nay, rằm tháng Giêng, trăng vừa tròn,
Sông mùa xuân, nước xuân tiếp liền với trời xuân.
Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân,
Nửa đêm trở về, thuyền chở đầy ánh trăng.

Dịch thơ

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền. (2)

Bản dịch của Xuân Thuỷ (In trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 467)

Tưởng tượng

(1) Hãy hình dung không gian đêm rằm tháng Giêng.

Theo dõi

(2) Chú ý hình ảnh con thuyền chở trăng trong hai dòng thơ cuối.

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Xác định bố cục của bài thơ.
2. Cho biết trong hai dòng thơ đầu:
   a. Cảnh đêm nguyên tiêu được gợi tả với những nét đặc trưng nào?
   b. Hình ảnh, từ ngữ, vần, nhịp trong nguyên tác có tác dụng như thế nào trong việc gợi tả những nét đặc trưng ấy?
3. So với hai dòng thơ đầu, bức tranh đêm nguyên tiêu ở hai dòng thơ cuối có gì khác biệt? Theo bạn, dòng thơ thứ ba *Yên ba thâm xứ đàm quân sự* (*Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân*) có vai trò gì trong việc tạo ra sự khác biệt đó?
4. Bạn cảm nhận thế nào về hình ảnh con thuyền chở trăng ở dòng thơ cuối *Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền* (*Nửa đêm trở về, thuyền chở đầy ánh trăng*)?
5. Nêu cảm nhận của bạn về tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài thơ.
6. Nhiều nhà nghiên cứu văn học cho rằng, thơ của tác giả Hồ Chí Minh thường có sự kết hợp giữa tính cổ điển và tính hiện đại. Bài thơ *Nguyên tiêu* có thể hiện sự kết hợp hai tính chất đó hay không? Vì sao?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

GIÁ TRỊ CỦA TẬP *TRUYỆN VÀ KÍ*[1] *(NGUYỄN ÁI QUỐC)*[2]

Phạm Huy Thông[3]

Chân trời sáng tạo

Phần văn bản dưới đây trích từ *Mấy lời nói đầu* trong tập *Truyện và kí (Nguyễn Ái Quốc)* của Phạm Huy Thông, người dịch và giới thiệu tác phẩm này.

Đọc văn bản

[…]

Sáu bài[4] cô đọng mà phong phú, kể chuyện khắp năm châu. Khắp năm châu mà trước hết là Việt Nam. Từ những tin thời sự nóng hổi như việc bổ nhiệm tên toàn

[1] Tập *Truyện và kí (Nguyễn Ái Quốc)*, Phạm Huy Thông dịch và giới thiệu, NXB Văn học, 1974.

[2] Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt (bài giới thiệu của dịch giả Phạm Huy Thông có nhan đề *Mấy lời nói đầu*).

[3] *Phạm Huy Thông* (1916 – 1988): giáo sư, nhà thơ, nhà giáo, dịch giả và nhà khoa học xã hội Việt Nam. Ở đoạn đầu bài giới thiệu tập sách (*Mấy lời nói đầu*), Phạm Huy Thông nhận định: "Hồ Chủ tịch đã viết "Nhật kí trong tù" với phong cách Đường Tống thì Người cũng đã viết những truyện và kí bằng tiếng Pháp này như một ngòi bút phương Tây sắc sảo, rất điêu luyện, rất Pháp".

[4] *Sáu bài*: tức sáu truyện, kí gồm *Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Vi hành, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu, Con Rùa, Đoàn kết giai cấp, Con người biết mùi hun khói.*

quyền Va-ren, một cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân nước Bơ-ra-xin (Brazil), đến giấc mơ hình dung lại toàn bộ lịch sử oai hùng chống xâm lăng của dân tộc ta, đến viễn cảnh thế giới thoát ách thực dân đế quốc tưng bừng hạnh phúc ở ngưỡng cửa thế kỉ thứ XXI. Bên những câu chuyện dí dỏm hay chua chát tố cáo, sắc bén, những thủ đoạn cai trị khi tàn bạo, khi quỷ quyệt của thực dân, đây là một thứ ngụ ngôn cổ vũ và hướng dẫn đấu tranh không riêng gì ở nước ta, nhưng lại đậm đà hương vị đồng quê đất Việt. […]

Loại truyện và kí này vui, nhẹ, thoải mái, thoạt đọc như mạn đàm, phóng bút, mà chứa đựng một nội dung tư tưởng cao cả và sâu sắc, lại được viết dưới một hình thức văn nghệ dễ tiếp thụ, thấm thía, có một ý nghĩa giáo dục to lớn.

Hồ Chủ tịch đả kích một cách chua cay – do đó rất mạnh mẽ – vào kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng thuộc địa nói chung, là đế quốc thực dân và bè lũ tay sai phong kiến. Người vạch trần bộ mặt gian ác của bọn thực dân, hun khói và chặt đầu người không gớm tay[1], lại mè nheo của đút, đến con gà, quả trứng cũng không từ, nhưng luôn mồm giả nhân giả nghĩa nói những câu chuyện "khai hoá và công lí"[2]. Người cũng giáng một đòn đích đáng vào bọn vua quan phong kiến quỳ gối, ôm chân đế quốc, bám lấy lợi lộc đê tiện trong cuộc sống ươn hèn, bị "trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy"[3].

Mặt khác, Người biểu dương tinh thần yêu nước của nhân dân ta, tự hào có một quốc sử "treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn". Nước ta xưa có nhiều anh hùng, nhưng nước ta không phải chỉ có những anh hùng xưa… Chính Người, bôn ba tìm con đường cách mạng, nhờ ánh sáng của Cách mạng tháng Mười thấy được phương hướng tiến lên giành độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Chính Người là một vị anh hùng dân tộc. Nhưng Người không nói đến mình, mà cảm phục Phan Bội Châu, "bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập", và cảm động nhận thấy ở thái độ của nhân dân ta tôn sùng cụ Phan một thước đo chính xác, đo phẩm chất của dân tộc ta rất cao quý, kể cả khi đang bị đày đoạ trong vòng nô lệ[4].

[…]

Với nội dung tư tưởng và tình cảm phong phú, cốt truyện[5], khung cảnh và hình thức văn nghệ muôn hình sắc, truyện và kí của Hồ Chủ tịch được ưa thích vì đa dạng. Đa dạng như cuộc sống. Thế nhưng xét toàn bộ số bài này, hơn nữa xét toàn bộ tác phẩm của Người, cũng lại có thể coi rằng, trước sau, Người suốt đời là tác giả của chỉ một đề tài: đấu tranh cách mạng. Mà đây cũng lại là một lí do khác để người đọc ưa thích sáng tác của Người! Nhất quán và phong phú bổ sung cho nhau. Cũng

---

[1] Xem *Con người biết mùi hun khói*, *Truyện và kí (Nguyễn Ái Quốc)*, NXB Văn học, 1974, sđd.
[2] Xem *Con Rùa*, sđd.
[3] Xem *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, sđd.
[4] Xem *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*, sđd.
[5] Bản dịch ghi là "cốt chuyện".

như tư tưởng và nghệ thuật quyện làm một, chứ không phải chỉ điểm tô nhau, để trở nên những tác phẩm tuyệt vời này.

Điểm nổi nét trong phương pháp sáng tác của Hồ Chủ tịch là tính lãng mạn cách mạng. Trí tưởng tượng của người cầm bút nhờ ngọn gió lãng mạn mà được chắp cánh bay bổng, nhưng không phải để lạc loài đến những thế giới xa lạ, huyễn hoặc, mà để tiến thẳng, tiến nhanh đến những chân trời rất hiện thực. Một lần nữa cần trở lại hình ảnh điển hình của cụ Ki-men-gô[1] châu Phi. Người làm cách mạng, nắm được quy luật phát triển của xã hội […]. Nhưng còn cần tài ba của nghệ sĩ mới dựng nên được, giữa rừng cờ đỏ, sống, thật và sắc sảo nhường ấy, Ki-men-gô, lãnh tụ cách mạng, "đáng tôn kính và được tôn kính", "một trong số hiếm những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và được hưởng hạnh phúc lớn gặt vụ mùa thắng lợi". Khi phác hoạ một chân dung vĩ đại và nên thơ như thế, với niềm tin ở tương lai huy hoàng, cũng như khi hư cấu một cặp tình nhân thủ thỉ[2], một anh lính dõng[3] tò mò[4], để lấy cớ tạo nên những cảnh huống đả[5] được đau nhất Khải Định, Va-ren cùng đồng bọn đáng ghét, là (tác giả) đều phải mơ cách mạng ngày đêm, ước mong cách mạng mãnh liệt, tưởng tượng không ngừng về cách mạng.

Để giúp cho tài nghệ được phát huy theo hướng sáng tác phóng khoáng đó, Người sẵn có một vốn kiến thức cổ kim, đông tây uyên bác. Không phải chỉ kiến thức học vấn cao xa, mà cả những hiểu biết chi li hằng ngày. Truyện và kí vận dụng những khái niệm "dương cửu"[6] và "mệnh trời"[7] trong triết lí phương Đông cổ, nhưng cũng nói đến chế độ đăng bạ[8] của công nhân hàng hải trong giao lưu quốc tế, những mánh khoé câu khách bằng tin vặt giật gân của báo chí trong xã hội tư bản, những thói ăn chơi ở các hộp đêm Pa-ri hoa lệ,…

Hồ Chủ tịch dùng tiếng Pháp, gọi là bất đắc dĩ cũng được, nhưng thật ra phải nói là cần thiết. Để thấu những đối tượng cụ thể, để đạt những mục tiêu thiết thực. Dùng tiếng Pháp, Người nắm ngôn ngữ Pháp vững vàng, sử dụng ngôn ngữ Pháp tế nhị. Hơn nữa, Người thâm nhập lối tư duy Pháp. Bút pháp sở trường của Người ở đây là châm biếm. Trong chừng mực nào nụ cười của Người xuất phát từ phong cách trào lộng của Người, trong chừng mực nào từ tính tình hài hước của người Pháp?

(Trích *Mấy lời nói đầu*, in trong *Truyện và kí (Nguyễn Ái Quốc)*, Phạm Huy Thông dịch và giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 9 – 14)

---

[1] Xem *Con người biết mùi hun khói*, sđd.

[2] Xem *Vi hành*, sđd.

[3] *Lính dõng*: lính địa phương ở nông thôn thời Pháp thuộc.

[4] Xem *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*, sđd.

[5] *Đả*: đả kích (bằng lời nói, bài viết, tranh, ảnh).

[6] *Dương cửu*: theo triết học cổ phương Đông, *dương cửu* là số 9, chỉ sự tột cùng.

[7] *Mệnh trời*: học thuyết tư tưởng của văn hoá Trung Hoa cổ đại, về sau được sử dụng nhằm biện minh cho sự cai trị của các vị vua hoặc hoàng đế. Theo Thiên mệnh, Trời – hiện thân của trật tự tự nhiên và ý chí vũ trụ – sẽ ban sự uỷ thác cho một nhà cai trị xứng đáng, người mang tước hiệu "Thiên tử". Khi nhà cai trị không còn xứng đáng sẽ bị lật đổ và đã mất đi tước hiệu. Người ta cũng tin rằng những thảm hoạ thiên nhiên như nạn đói và lũ lụt là những điềm báo mang dấu hiệu của sự không hài lòng mà Trời dành cho nhà cai trị.

[8] *Đăng bạ*: như đăng kí.

Sau khi đọc

1. Xác định bố cục, nội dung và mối liên hệ giữa các phần trong văn bản.
2. Nhận xét về ngôn ngữ nghị luận trong văn bản (biện pháp tu từ, cách sử dụng từ ngữ, câu khẳng định, phủ định,…).
3. Dựa vào văn bản trên, bạn hãy nêu một số nét khái quát về giá trị cơ bản của tập *Truyện và kí*.
4. Nêu một số thao tác nghị luận trong văn bản và chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc thể hiện giá trị nội dung, nghệ thuật của tập truyện, kí.
5. Tìm hiểu sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh và cho biết ý kiến của bạn về một trong hai nhận định sau:

   a. "Điểm nổi nét trong phương pháp sáng tác của Hồ Chủ tịch là tính lãng mạn cách mạng." (Phạm Huy Thông)

   b. "… xét toàn bộ tác phẩm của Người, cũng lại có thể coi rằng, trước sau, Người suốt đời là tác giả của chỉ một đề tài: đấu tranh cách mạng." (Phạm Huy Thông)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Phân tích biện pháp tu từ nói mỉa trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này:

   a. *Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.*

   Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã. Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mác-xây đến Sài Gòn kéo dài chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

   (Nguyễn Ái Quốc, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)

   b. *Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu-li xe kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân dẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!*

   (Nguyễn Ái Quốc, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)

2. Trong văn bản *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*, tác giả đã viết nhiều câu thể hiện ý Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù:

– *Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.* (phần 1, tr. 74)

– *Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.* (phần 2, tr. 75)

– *Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.* (phần 3, tr. 75)

Phân tích tác dụng của việc sử dụng các câu này.

3. Nhận xét về cấu trúc cú pháp của các câu trong đoạn trích: "Về chính trị … vô cùng tàn nhẫn" (văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*). Việc sử dụng cấu trúc câu như vậy có tác dụng gì?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của bạn về tính phong phú, đa dạng của thơ ca Hồ Chí Minh.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ TÁC GIẢ

Văn bản đọc mở rộng 1

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

Nguyễn Ái Quốc

1. Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã. Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mác-xây (Marseille) đến Sài Gòn kéo dài chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*

* *

2. Đến Sài Gòn thì ông Va-ren, có gì mà không lượng trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan Toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Va-ren được

thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu-li xe[1] kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân dẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn một chú khách[2] trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh[3] hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo:

– Cái giống tởm nhà mày! Có cút đi không, cái giống tởm!

Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ? Xe ô tô quan Toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

– Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thầm thì.

– Ồ! Cái áo dài đẹp quá! Một chị con gái thốt ra.

– Ngài sắp diễn thuyết đấy! Một anh sinh viên kêu lên.

– Đôi bắp chân ngài bọc ủng! Một bác cu-li xe thở dài.

– Rậm râu, sâu mắt[4]! Một nhà nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Va-ren chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: "Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!"[5].

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

* *

3. Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Va-ren sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do Hoàng đế hay hình bóng Hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức Kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Va-ren thăm hoàng cung, và ông Va-ren sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Va-ren dự yến, và ông Va-ren sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, Hoàng thượng đứng dậy, Ngài uy nghi tiến đến gần quan Toàn quyền; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, Ngài cài lên ngực ông Va-ren lại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của Hoàng triều: Nam Long bội tinh, và thế là ông Va-ren được gắn mề đay[6].

---

[1] "Xe" được viết bằng tiếng Việt trong nguyên bản tiếng Pháp (chú thích của dịch giả).

[2] *Chú khách*: từ chỉ người đàn ông Trung Quốc (Hoa kiều).

[3] *Bội tinh*: huân chương. *Bắc Đẩu bội tinh, Nam Long bội tinh* là tên hai loại huân chương của nhà nước Pháp ban tặng người có công.

[4] *Rậm râu, sâu mắt*: chỉ đồ bất lương. (Trong bản tiếng Pháp) "Rậm râu, sâu mắt" viết bằng tiếng Việt, có dịch ra tiếng Pháp và có giảng ý, trong chú thích của tác giả (chú thích của dịch giả).

[5] "Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!" cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay trong bài và không bình luận. Gustave Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour và Léon Jouhaux (chú thích của dịch giả).

[6] *Mề đay* (tiếng Pháp: *médaile*): huy hiệu, huy chương.

Chân trời sáng tạo

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Va-ren. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với Người kia, con người đã hi sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai đày đoạ trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

– Tôi đem tự do đến cho ông đây!

Va-ren tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kếch đang xiết chặt Phan Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

– Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hoá và công lí.

– Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hi sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là Toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

– Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

– Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guy-xta-vơ, A-lếch-xăng, A-ri-xtit, An-be, Pôn và Lê-ông[1]. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa! Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

– Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước, tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm Toàn quyền...!

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Va-ren. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Va-ren hình như lọt vào tai Phan Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"[2], và cái im lặng dửng dưng của Phan Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Va-ren sửng sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét bình tình, thì đó chỉ là vì Phan Bội Châu không hiểu Va-ren cũng như Va-ren không hiểu Phan Bội Châu.

*

* *

4. Cuộc gặp giờ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó – rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Phan Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy[3].

Nguyễn Ái Quốc

---

[1] Chỉ dùng tên trước để gọi một cách thân mật, nhấn mạnh sự quen biết với nhau. Với cách gọi thân mật không đầy đủ tính danh đó, có thể không biết đích xác là chỉ ai, nhưng tác giả đã ghi rõ trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Va-ren, vốn là đảng viên Đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên Toàn quyền, Thượng thư, Thủ tướng, Tổng thống,... Tố cáo bọn chính khách cơ hội đó, tác giả viết bài bằng tiếng Pháp, kết hợp tham gia đấu tranh chính trị ở Pháp (chú thích của dịch giả).

[2] *Nước đổ lá khoai*: lá khoai trơ và không thấm nước, nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: "Không cắn câu!" (chú thích của dịch giả).

[3] *Cười ruồi*: lời ví von quen thuộc của người Việt, dùng để tả cái cười bí ẩn. Tiếng Pháp có nói: "cỡ cân ruồi", "chim ruồi", "tàu ruồi" (chú thích của dịch giả).

T.B – Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Va-ren – Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng Phan Bội Châu[1] đã nhổ vào mặt Va-ren; cái đó thì cũng có thể.

Báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*), số 36 – 37 tháng 9 và tháng 10/1925
(Phạm Huy Thông dịch và giới thiệu, in trong *Truyện và kí* (*Nguyễn Ái Quốc*)
NXB Văn học, 1974, tr. 31 – 37)

Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt các sự kiện được kể trong văn bản trên.
2. Nhân vật chính trong truyện là ai? Dựa vào đâu để bạn khẳng định như vậy?
3. Liệt kê những hành động, lời nói của Va-ren trước và trong cuộc hội kiến với Phan Bội Châu tại nhà ngục Hoả Lò, từ đó nêu nhận xét về:

   a. Tính cách của nhân vật Va-ren.

   b. Nghệ thuật miêu tả, thể hiện tính cách nhân vật này của tác giả.
4. Kẻ bảng sau vào vở và liệt kê các chi tiết góp phần khắc hoạ chân dung của nhân vật Phan Bội Châu trong văn bản:

Sự kiện	Phan Bội Châu qua lời của người kể chuyện	Phan Bội Châu qua lời thoại của Va-ren	Phan Bội Châu qua lời của đám đông và nhân chứng
Tin tức từ truyền thông			
Va-ren đến Sài Gòn			
Va-ren đến Huế			
Va-ren đến Hoả Lò và hội kiến với Phan Bội Châu			
Kết thúc cuộc hội kiến và T.B			

Chân trời sáng tạo

Từ bảng trên, cho biết:

a. Một số nét khác biệt trong tính cách của hai nhân vật Phan Bội Châu và Va-ren.

b. Sự khác biệt trong cách miêu tả, thể hiện tính cách của hai nhân vật.

5. Câu chuyện được kể từ ngôi kể nào? Nhân vật, sự việc trong câu chuyện được nhìn từ điểm nhìn của ai? Cách sử dụng ngôi kể, điểm nhìn như vậy có tác dụng gì?

[1] Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Va-ren bằng ông nữa, mà gọi trống không Va-ren. Cũng cùng gọi trống cho "thân", nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai thứ thân có thể có trong cách xưng hô của Pháp: thân quý mến đối với Phan Bội Châu, thân coi thường đối với Va-ren (chú thích của dịch giả).

VIẾT

VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội* thuộc kiểu bài nghị luận, viết ra để đọc trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội nhằm mục đích thuyết phục, kêu gọi mọi người tích cực tham gia, góp phần lan toả ý nghĩa, thông điệp tích cực.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng xác đáng, phù hợp, phong phú để thuyết phục mọi người tham gia phong trào/ hoạt động xã hội. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, cấu trúc chặt chẽ.
- Nêu được lời kêu gọi hành động với những giải pháp cụ thể, khả thi, thuyết phục.
- Lồng ghép và sử dụng hợp lí yếu tố thuyết minh và yếu tố biểu cảm.
- Ngôn ngữ trang trọng, lịch sự; giọng điệu chân thành, nhã nhặn.
- Bố cục đảm bảo ba phần:

Mở đầu: Giới thiệu phong trào/ hoạt động xã hội cần phát động, hoàn cảnh đọc bài phát biểu, lời chào và lời chúc sức khoẻ đến người nghe.

Nội dung chính: Giới thiệu ngắn gọn nguồn gốc và lịch sử hình thành của phong trào/ hoạt động xã hội; nêu các luận điểm khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào/ hoạt động xã hội; đưa ra lời kêu gọi tích cực tham gia và khích lệ, tin tưởng phong trào/ hoạt động xã hội sẽ thành công tốt đẹp.

Kết thúc: Chào tạm biệt và cảm ơn.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Bài phát biểu hưởng ứng Tết trồng cây năm Quý Mão 2023

Nhân dịp đầu năm mới xuân Quý Mão 2023, thay mặt Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, tôi xin gửi tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường lời chúc sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt, chúc một năm mới an khang, thịnh vượng.[1a]

Hôm nay, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức phát động hưởng ứng Tết trồng cây và chăm sóc cây xanh, đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.[1b]

Cách đây 64 năm, ngày 28/11/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động nhân dân cả nước thực hiện Tết trồng cây, trồng rừng. Thực hiện lời dạy của Bác, tỉnh ta luôn xác định việc trồng cây xanh là việc làm hết sức

PHẦN MỞ ĐẦU

[1a]: Lời chào

[1b]: Nêu lí do của bài phát biểu

quan trọng, gắn liền với quá trình phát triển toàn diện không chỉ cho hôm nay, mà còn cho các thế hệ mai sau. Cứ mỗi dịp Tết đến xuân về, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Bác Hồ: "Mùa xuân là tết trồng cây/ Làm cho đất nước càng ngày càng xuân", nhân dân ta lại tổ chức ngày hội Tết trồng cây. Tết trồng cây đã trở thành một tập quán tốt đẹp của nhân dân ta trong những ngày vui xuân mới. Hoạt động này đã mang lại nhiều kết quả to lớn, góp phần giữ đất, giữ rừng, tích cực bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.[2]

Việc hưởng ứng Tết trồng cây có vai trò rất thiết thực trong bối cảnh hiện nay. Các hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu, các thảm hoạ thiên tai, bão lũ ngày càng tác động mạnh mẽ tới đời sống của con người hằng ngày. Cây xanh có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta, nó làm giảm sự nóng lên toàn cầu, ngăn ảnh hưởng của lũ lụt, do đó việc trồng cây, trồng rừng là mục tiêu mà nước ta cũng như tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải thực hiện để ứng phó với sự biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chỉ đạo triển khai nhiều chương trình trồng rừng, phục hồi rừng bảo vệ môi trường sinh thái, tạo nguồn nguyên liệu từ gỗ rừng trồng cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và các ngành sản xuất khác.[3]

Đối với trường chúng ta hiện nay, hoạt động hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ có ý nghĩa hết sức sâu sắc. Thứ nhất, chúng ta phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, của các thế hệ cán bộ, giảng viên, nhân viên đã không tiếc công sức chăm bón, vun đắp để có một môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp như ngày hôm nay. Thứ hai, tạo điều kiện cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên có cơ hội thể hiện tình cảm và trách nhiệm với nhà trường thông qua việc tự mình trồng cây, dọn lá, nhổ cỏ, tưới nước,... Từ đó, chúng ta cảm thấy hạnh phúc khi được lao động, được chăm sóc cây xanh, phấn đấu để mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên là một tấm gương về xây dựng môi trường sư phạm cho người học noi theo.[4]

Hôm nay, trong không khí hân hoan mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới xuân Quý Mão năm 2023, hoà cùng không khí hưởng ứng Tết trồng cây của cả nước nói chung và của địa phương nói riêng, thay mặt Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, tôi xin được phát động buổi lễ hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ – xuân Quý Mão năm 2023. Tôi tin rằng, những hình ảnh, khí thế của buổi lễ ra quân và số cây được trồng sẽ là một sự khởi đầu tốt đẹp cho phong trào trồng và chăm sóc cây của nhà trường để trường chúng ta mãi sáng – xanh – sạch – đẹp.[5]

Thay mặt các đồng chí lãnh đạo trong Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, tôi xin chúc toàn thể các đồng chí một năm mới dồi dào sức khoẻ, hạnh phúc và gặt hái được nhiều thành công. Chúc chương trình hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ – xuân Quý Mão năm 2023 thành công tốt đẹp![6]

Nguyễn Thanh Hương

(Hiệu trưởng Trường Chính trị Phú Thọ,

http://truongchinhtritinhphutho.gov.vn/tin-tuc-su-kien/bai-phat-bieu-phat-dong-huong-ung-tet-trong-cay-xuan-quy-mao-nam-2023.html)

NỘI DUNG CHÍNH

[2]: Giới thiệu ngắn gọn về quá trình hình thành và phát triển của phong trào/ hoạt động

[3]: Trình bày luận điểm 1: Ý nghĩa thứ nhất của phong trào/ hoạt động

[4]: Trình bày luận điểm 2: Ý nghĩa thứ hai của phong trào/ hoạt động

[5]: Trình bày lời kêu gọi, khích lệ tham gia phong trào/ hoạt động

PHẦN KẾT THÚC

[6]: Lời chào và cảm ơn

Chân trời sáng tạo

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Bài phát biểu được viết nhằm mục đích gì? Để đạt được mục đích đó, tác giả đã đưa ra luận điểm, lí lẽ và bằng chứng như thế nào?
2. Xác định đối tượng mà bài phát biểu hướng đến. Ngôn ngữ trong bài phát biểu có phù hợp với đối tượng này không? Vì sao?
3. Xác định một số yếu tố thuyết minh, biểu cảm được sử dụng trong bài viết và nêu tác dụng của các yếu tố đó.
4. Từ bài viết, bạn rút ra lưu ý gì khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Giả sử Đoàn trường phát động phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác*. Là tấm gương thanh niên tiêu biểu được tuyên dương trong năm học trước, bạn hãy viết bài phát biểu để đọc trong buổi phát động phong trào năm nay.

Bước 1: Chuẩn bị viết

• Xác định đề tài, mục đích, đối tượng người đọc để chọn cách viết phù hợp.

• Thu thập tư liệu liên quan đến phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác* và lập bảng thống kê tư liệu.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Bạn tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:

– Phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác* được đề xướng nhằm mục đích gì? Quá trình hình thành và phát triển của phong trào có gì đáng chú ý?

– Vì sao cần tham gia phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác*?

– Bạn có những kinh nghiệm gì khi tham gia phong trào này?

– Cần làm gì để tham gia phong trào một cách tích cực, hiệu quả?

Sắp xếp các ý tìm được thành dàn ý hoàn chỉnh, tham khảo bố cục được trình bày trong *Tri thức về kiểu bài*.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý, bạn viết bài hoàn chỉnh. Khi viết, cần lưu ý sử dụng ngôn ngữ trang trọng, khách quan, sử dụng đại từ xưng hô phù hợp với đối tượng mà bài viết hướng tới, giọng điệu chân thành, nhã nhặn, kết hợp với yếu tố thuyết minh và biểu cảm một cách hợp lí.

Chân trời sáng tạo

Có thể lựa chọn cách mở đầu và kết thúc hấp dẫn, thú vị như trích danh ngôn, kể một câu chuyện, đưa ra một hình ảnh biểu tượng, nêu một tấm gương sáng,…

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài phát biểu của mình và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Giới thiệu phong trào/ hoạt động xã hội và hoàn cảnh đọc bài phát biểu		
	Gửi lời chào và lời chúc sức khoẻ đến người tham dự buổi lễ		
Nội dung chính	Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc, lịch sử hình thành và hoạt động của phong trào/ hoạt động xã hội		
	Nêu ít nhất hai luận điểm khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của phong trào/ hoạt động xã hội		
	Nêu được lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm		
	Sắp xếp lí lẽ, luận điểm, bằng chứng theo trình tự hợp lí		
	Đưa ra lời kêu gọi tham gia phong trào/ hoạt động xã hội với những giải pháp, phương hướng hành động cụ thể, khả thi		
Kết thúc	Chào tạm biệt, cảm ơn		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Có mở đầu và kết thúc ấn tượng		
	Kết hợp với yếu tố thuyết minh và biểu cảm một cách hợp lí		
	Sử dụng ngôn ngữ lịch sự, trang trọng, giọng điệu chân thành, nhã nhặn		
	Đảm bảo không mắc lỗi chính tả, diễn đạt (dùng từ, viết câu,…)		

Chân trời sáng tạo

NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA ĐẤT NƯỚC

Đề tài:

Giả sử trường bạn học tổ chức toạ đàm *Tuổi trẻ với sự phát triển văn hoá đất nước*. Bạn hãy thực hiện bài thuyết trình về một vấn đề phù hợp để tham gia buổi toạ đàm.

Bạn thực hiện các bước *Chuẩn bị nói*; *Trình bày bài nói*; *Trao đổi, đánh giá* tương tự như phần *Nói và nghe* của Bài 2. *Những ô cửa nhìn ra cuộc sống*, Bài 6. *Trong thế giới của giấc mơ*. Sau đây là một số đề tài gợi ý:

- Người trẻ và văn hoá ứng xử trên mạng
- Người trẻ và việc gìn giữ, phát huy nghệ thuật cổ truyền dân tộc
- Vai trò của người trẻ trong việc giữ gìn vẻ đẹp của tiếng Việt
- Người trẻ trước làn sóng văn hoá du nhập từ nước ngoài
- …

Với vấn đề lựa chọn để thuyết trình, bạn hãy phân tích, lí giải, trình bày về những cơ hội và thách thức đặt ra đối với đất nước; cũng như vai trò, sứ mệnh của người trẻ đối với những cơ hội, thách thức ấy.

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

1. Để đọc hiểu, phân tích một tác phẩm của tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, bạn cần lưu ý những điểm gì?

2. Đọc *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh, bạn hiểu thêm điều gì về tình cảm yêu nước, ý chí và khát vọng độc lập của dân tộc ta, đồng thời thu hoạch được điều gì về cách đọc hiểu một văn bản nghị luận?

3. Qua một trong những tác phẩm đã học của tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, bạn hãy chỉ ra một số biểu hiện cho thấy sự thống nhất giữa mục đích sáng tác với nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật trong tác phẩm của Người.

4. Khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội, bạn cần lưu ý những điều gì? Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, bạn cần lưu ý những điều gì?

5. Giả sử bạn được mời tham gia *Hội thi sáng tạo sản phẩm tôn vinh vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam* (bằng tác phẩm văn chương, nghệ thuật hoặc sản phẩm công nghệ,…). Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp về ý tưởng, dự kiến của bạn khi tham gia hội thi.

BÀI 9

KHÁM PHÁ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

(VĂN BẢN THÔNG TIN)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản; đề xuất được các nhan đề văn bản khác.
- Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các thông tin chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; so sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, thái độ và quan điểm của người viết; đánh giá, phê bình được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Nhận biết được các biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu.
- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- Biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.
- Trung thực trong học tập và nghiên cứu.

Chân trời sáng tạo

TRI THỨC NGỮ VĂN

Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin

Bố cục: Trong văn bản thông tin, để đạt được mục đích viết, đa số tác giả kết hợp sử dụng nhiều kiểu sắp xếp, tổ chức các phần của văn bản, trong đó phổ biến là bốn kiểu cơ bản sau: trật tự thời gian, trật tự không gian, mức độ quan trọng của thông tin, trật tự logic (so sánh và đối chiếu, phân loại đối tượng, liệt kê, quan hệ nhân – quả, vấn đề và cách giải quyết,...).

Mạch lạc: Sự mạch lạc của văn bản thông tin được thể hiện ở việc các phần, đoạn, câu trong văn bản đều cùng bàn về một chủ đề và được sắp xếp theo trình tự, bố cục hợp lí. Thông thường, người viết có thể sử dụng hệ thống đề mục, một số từ ngữ cụ thể ứng với từng kiểu bố cục để tạo sự kết nối giữa các phần, đoạn, câu trong văn bản.

Dữ liệu nghiên cứu là những dữ liệu mà dựa vào đó, người nghiên cứu có thể đưa ra những kết luận đáng tin cậy. Trong nghiên cứu, dữ liệu có thể được chia thành hai nhóm chính là *dữ liệu sơ cấp* và *dữ liệu thứ cấp*.

Dữ liệu sơ cấp là loại dữ liệu nguồn hay dữ liệu gốc, mang tính khách quan cao, thường chưa được phân tích, diễn giải, xử lí. Loại dữ liệu này cung cấp thông tin chưa được xử lí hoặc bằng chứng, báo cáo, sự tường thuật trực tiếp, đầu tiên về một sự việc/ hiện tượng hoặc một phát hiện mới. Chẳng hạn: hiện vật/ tranh ảnh gốc, nhật kí, thư từ, diễn văn, nội dung phỏng vấn, bản tường thuật của nhân chứng, tác phẩm nghệ thuật, dữ liệu thống kê,…

Dữ liệu thứ cấp là loại dữ liệu cung cấp thông tin đã được người viết xử lí, kể lại, mô tả, tóm tắt, tổng hợp hoặc diễn giải, đánh giá từ những nguồn dữ liệu sơ cấp; tức là dữ liệu đã được nhìn nhận qua lăng kính chủ quan. Tiêu biểu cho dữ liệu thứ cấp là dữ liệu trong các sách, báo, tạp chí như: bách khoa toàn thư, từ điển, sách tham khảo, sách giáo khoa, các bài báo, tạp chí có tính diễn giải, phân tích, bình luận, tổng hợp,… thông tin, bài phê bình tác phẩm nghệ thuật,…

Việc chia dữ liệu thành hai loại nêu trên chỉ có tính tương đối. Mỗi loại đều có ưu thế, tác dụng riêng. Vì thế, trong nghiên cứu, chúng ta nên sử dụng kết hợp cả hai loại dữ liệu.

Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản: Dữ liệu, thông tin trong văn bản được xem là mới mẻ, cập nhật và có độ tin cậy khi đáp ứng một số yêu cầu sau:

– Được trích từ các tài liệu có tính học thuật như tạp chí khoa học chuyên ngành, sách chuyên khảo, giáo trình; thông tin trên trang web/ báo cáo của các tổ chức, cơ quan, nhà xuất bản có uy tín; văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của cơ quan quản lí nhà nước;…

– Được công bố bởi chuyên gia trong lĩnh vực đó và có người đọc là học giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực đó.

– Có tính minh bạch nếu dữ liệu được thu thập và phân tích hợp lí, có thể kiểm chứng được.

– Có tính khách quan, không có tính định kiến và không được công bố vì mục đích thương mại hay chính trị.

– Mới cập nhật hoặc được xuất bản trong thời gian gần nhất.

Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp,... Một vài biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập,

nghiên cứu: liệt kê đầy đủ các tài liệu tham khảo đã sử dụng và trình bày tài liệu tham khảo đúng quy cách; chú thích trích dẫn và ghi cước chú đúng quy cách; tham khảo thông tin từ các nguồn có độ tin cậy cao;…

ĐỌC

VĂN BẢN 1

KHUÔN ĐÚC ĐỒNG CỔ LOA: "NỎ THẦN" KHÔNG CHỈ LÀ TRUYỀN THUYẾT[1] 1

Theo **Hà Trang**

Trước khi đọc

Bạn đã biết gì về truyền thuyết[2] *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ*? Hình ảnh nỏ thần[3] trong truyền thuyết ấy gợi cho bạn suy nghĩ gì?

Dự đoán

1 Dựa trên nhan đề, bạn dự đoán văn bản sẽ trình bày nội dung gì?

Đọc văn bản

Dấu tích khu lò đúc đồng và nhiều khuôn đúc mũi tên bằng đá ở di tích Cổ Loa là chứng tích vật chất quan trọng cho thấy việc sáng chế ra loại nỏ bắn cùng lúc nhiều mũi tên là có thật.

Nhà trưng bày khu di tích Cổ Loa[4] (huyện Đông Anh, Hà Nội) đang lưu giữ những khuôn đá sa thạch[5] dùng để đúc mũi tên và lao[6] đồng có niên đại thuộc văn hoá Đông Sơn – sơ kì thời đại đồ sắt, thuộc thế kỉ III – II trước Công nguyên. Đó là giai đoạn được các nhà khảo cổ học định danh là giai đoạn Cổ Loa – thời kì vua

Chân trời sáng tạo

---

1 Tên đầy đủ của văn bản là: *Tận mắt khuôn đúc đồng Cổ Loa: "Nỏ thần" không chỉ là truyền thuyết.*

2 *Truyền thuyết*: một thể loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử. Qua đó, truyền thuyết thể hiện nhận thức, tình cảm của tác giả dân gian đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử (xem thêm mục *Tri thức Ngữ văn*, in trong *Ngữ văn 6*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021).

3 *Nỏ thần*: nỏ là khí giới hình cung, có cán làm tay cầm và có lẫy, căng bật dây để bắn. Theo truyền thuyết *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ*, An Dương Vương đã dùng chiếc vuốt do thần Kim Quy trao tặng để làm lẫy nỏ, nhờ đó tạo ra nỏ thần có sức mạnh kì diệu, có thể bắn một lúc ra nhiều mũi tên, khiến cho quân địch khiếp sợ. Nhờ loại vũ khí thần kì ấy, An Dương Vương đã chiến thắng Triệu Đà, bảo vệ thành công nhà nước Âu Lạc.

4 *Cổ Loa*: kinh đô của nhà nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương vào khoảng thế kỉ III trước Công nguyên, nay là xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội.

5 *Đá sa thạch*: đá trầm tích do các hạt cát gắn kết với nhau.

6 *Lao*: binh khí thời xưa, hình cái gậy dài, có đầu sắt nhọn.

An Dương Vương đóng đô ở ngôi thành Cổ Loa và nhà nước Âu Lạc[1] trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Hình 1. Đền Thượng (đền thờ An Dương Vương)
(*https://www.shutterstock.com/*)

Những bảo vật này được phát hiện cùng với di tích lò đúc đồng khi Viện Khảo cổ học[2] phối hợp với Ban Quản lí Di tích và Danh thắng Hà Nội đào thám sát[3] và khai quật khảo cổ học trước khi trùng tu di tích đền Thượng ở Cổ Loa từ năm 2004 – 2007.

Hình 2. Mang khuôn đúc mũi tên đồng được phát hiện tại lò đúc mũi tên đồng đền Thượng
(*https://thanhcoloa.vn/phat-hien-khu-lo-duc-mui-ten-dong-trong-thanh-co-loa*)

[1] *Âu Lạc*: cuối thế kỉ III trước Công nguyên, quân Tần ở phương Bắc đánh xuống vùng đất sinh sống của các bộ tộc Việt. Người Lạc Việt và Âu Việt đoàn kết với nhau, dũng cảm chiến đấu chống lại quân Tần dưới sự lãnh đạo của Thục Phán. Sau đó, Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra nhà nước Âu Lạc (khoảng năm 208 trước Công nguyên), dời đô từ miền trung du xuống vùng đồng bằng ở Cổ Loa (huyện Đông Anh, Hà Nội ngày nay).

[2] *Khảo cổ học*: khoa học nghiên cứu lịch sử của xã hội qua những di tích vật chất của đời sống và hoạt động của con người thời cổ.

[3] *Thám sát*: quan sát để phát hiện (vật hay tình hình chưa biết, chưa rõ).

Di tích lò đúc còn rõ cấu trúc đường ống dẫn gió vào lò, những tàn tích than tro của nhiên liệu đốt đậm đặc, kết hợp với những mang khuôn[1] nguyên vẹn, mang khuôn vỡ, phác vật khuôn, phế vật, phế thải bỏ lại trong quá trình làm khuôn và nhiều đá nguyên liệu chế tạo khuôn cùng những mũi tên đồng, mảnh nồi nấu, xỉ[2] đồng.

Trong số mười một mang khuôn đúc bằng đá được tìm thấy có mười mang khuôn đúc mũi tên ba cạnh và một mang đúc mũi lao hình cánh én. Theo các chuyên gia, đây là những hiện vật gốc, độc bản được phát hiện ở Việt Nam, có giá trị đặc biệt, được tôn xưng bằng một danh từ riêng: mũi tên đồng Cổ Loa. Phát hiện này vô cùng quan trọng và có giá trị để giải mã bí mật huyền thoại về nỏ thần thời kì An Dương Vương. 2

Theo dõi

2 Bạn hiểu từ "độc bản" trong đoạn văn này như thế nào?

Hình 3. Mang khuôn có hình vật đúc mũi tên đồng ba cạnh (hình trái) và mũi lao cánh én (hình phải)
(*https://thanhcoloa.vn/bao-vat-quoc-gia-suu-tap-khuon-duc-co-loa*)

Chân trời sáng tạo

Trong số mười mang khuôn đúc mũi tên đồng ba cạnh, có hai mang khuôn mặt ngoài được mài nhẵn và khắc chìm chữ Hán. Điều này cho thấy nhà nước Âu Lạc, thời kì An Dương Vương dùng chữ Hán để khắc trên các hiện vật quan trọng như khuôn đúc, trống đồng. 3

Theo dõi

3 Xác định dữ liệu và ý kiến/ quan điểm của người viết trong đoạn văn: "Trong số mười mang khuôn … như khuôn đúc, trống đồng".

Mặt ngoài của mỗi mảnh mang được tạo hình đã định qua những nhát ghè đẽo sơ sài, đôi chỗ được mài sơ bộ. Mặt trong được chế tác kĩ lưỡng hơn rất nhiều với kĩ thuật khắc, đục, mài, tu chỉnh để khi hai hoặc ba mảnh mang ráp vào nhau sẽ tạo thành một sự trùng khít lí tưởng.

---

[1] *Mang khuôn*: một mảnh của khuôn mang cá trong nghệ thuật đúc đồng truyền thống. Trong nghề đúc đồng truyền thống, người ta thường nhắc đến hai loại khuôn: khuôn liền (khuôn một dùng để đúc một lần, đúc xong thì phá bỏ khuôn để lấy vật phẩm) và khuôn rời – còn gọi là khuôn mang cá, khuôn mảnh ghép (khuôn được ghép từ nhiều mảnh lại, dùng để đúc sản phẩm hàng loạt).

[2] *Xỉ*: chất thải rắn và xốp còn lại trong quá trình luyện kim, đốt lò.

Trong số này, có hai mang khuôn khắc minh văn[1] (chữ Hán), có một mặt ngoài được mài nhẵn, rìa cạnh khắc chữ. Do mang khuôn không còn nguyên vẹn nên chỉ còn hai chữ, trong đó có một chữ còn rõ là "Thần", viết là "臣", tạm dịch là "Quan". Chữ còn lại không rõ nghĩa, có mặt ngoài được mài nhẵn, trên có chữ "Nhân", viết là "人", tạm dịch là "Người".

Hình 4. Mang khuôn khắc chữ Hán khai quật được (hình trái) và bản dập chữ Hán (hình phải) (*https://thanhcoloa.vn/suu-tap-khuon-duc-co-loa*)

Ông Hoàng Công Huy – lãnh đạo Ban Quản lí Khu di tích Cổ Loa – cho biết, bộ sưu tập này là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao liên quan đến sự kiện trọng đại của đất nước, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định. 4

Suy luận

4 Người viết trình bày thông tin này với mục đích gì?

Bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên đồng là hiện tượng khảo cổ học thứ ba ở Cổ Loa, sau kho mũi tên đồng Cầu Vực[2] và trống đồng, lưỡi cày đồng Mả Tre[3]. "Cả ba hiện tượng khảo cổ nổi tiếng này đều liên quan đến nhau, phản ánh hai thành tựu nổi bật của nhà nước Âu Lạc, đó là luyện kim, đúc đồng và nông nghiệp trồng lúa nước của người Việt cổ. Sưu tập khuôn đúc ở đền Thượng đã đi vào nhiều công trình nghiên cứu khảo cổ học", ông Huy nói và cho biết, ngày 31/12/2020, bộ sưu tập khuôn đúc Cổ Loa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia theo Quyết định số 2283/QĐ-TTg[4].

[1] *Minh văn*: văn tự được khắc trên các đồ vật bằng đồng xanh thời xưa.

[2] *Cầu Vực*: tên một địa điểm cách di tích Cổ Loa gần 200 m, tại đó vào năm 1959, người ta đã phát hiện một hố sâu khoảng 1,2 m có chứa 93 kg mũi tên đồng, ước chừng khoảng gần một vạn chiếc. Theo các nhà khảo cổ, đây có thể là nơi cất giấu hay kho vũ khí thời An Dương Vương.

[3] *Mả Tre*: tên của địa điểm nằm phía tây nam cửa Nam thành Cổ Loa; tại đây vào năm 1982, khi tiến hành hạ thấp đất ruộng, người dân đã phát hiện một cái trống đồng, bên trong chứa gần 200 hiện vật đồng thau các loại.

[4] Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Bảo vật Quốc gia (đợt 9), kí ngày 31/12/2020.

Hình 5. Mũi tên đồng và nỏ Liên Châu[1]
(*https://thanhcoloa.vn/*)

Hàng nghìn di vật mũi tên đồng được tìm thấy ở di tích Cổ Loa. Các phát hiện khảo cổ mới này đã chứng tỏ trình độ kĩ thuật và tư duy bậc thầy của các nghệ nhân luyện kim thời Việt cổ. Những kết quả nghiên cứu khảo cổ học đã chứng minh việc danh tướng Cao Lỗ[2] sáng chế ra loại nỏ bắn cùng lúc nhiều mũi tên là có thật.

(*https://dantri.com.vn/van-hoa/tan-mat-khuon-duc-dong-co-loa-no-than-khong-chi-la-truyen-thuyet-20211216075733108.htm*, truy cập ngày 08/3/2023)

Sau khi đọc

1. Xác định các thông tin chính của văn bản. Văn bản đã sử dụng (những) kiểu bố cục nào để trình bày thông tin?
2. Trong các thông tin chính của văn bản, người viết chọn (những) thông tin nào để trình bày chi tiết? Từ đó, nhận xét về cách chọn lọc thông tin của văn bản.
3. Xác định loại dữ liệu được sử dụng trong đoạn văn: "Ông Hoàng Công Huy – lãnh đạo Ban Quản lí Khu di tích Cổ Loa … Bảo vật quốc gia theo Quyết định số 2283/QĐ-TTg". Loại dữ liệu ấy giữ vai trò gì trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản?
4. Hãy đánh giá về tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin được trình bày trong văn bản.
5. So sánh hiệu quả biểu đạt của văn bản trong hai trường hợp: có sử dụng hình minh hoạ (Hình 3) và không sử dụng hình ảnh.

---

[1] *Nỏ Liên Châu*: tên gọi khác của "nỏ thần", do vị tướng quân Cao Lỗ chế tạo dưới thời Thục Phán (An Dương Vương), nhà nước Âu Lạc.

[2] *Cao Lỗ*: trong dân gian, Cao Lỗ còn có các tên gọi như Đô Lỗ (hay Đô Nỏ, ông Nỏ), còn trong sử cũ ghi là Cao Lỗ hay Cao Thông. Theo truyền thuyết, khi Thục Phán (An Dương Vương) lên ngôi, Cao Lỗ được Thục Phán tin cậy, đã mang hết tâm trí của mình phục vụ cho triều đại mới. Cao Lỗ là người phát minh loại nỏ bắn một lần nhiều phát, đầu mũi tên bằng đồng. Nỏ mới bắn xa, bắn nhiều, sức sát thương lớn, đã trở thành vũ khí lợi hại của quân dân Âu Lạc. Ông được giao phụ trách huấn luyện đội quân cung nỏ của triều đình (theo *https://thanhcoloa.vn/cao-lo-hau*).

Chân trời sáng tạo

6. Qua văn bản, người viết đã thể hiện thái độ như thế nào đối với văn hoá dân tộc? Thái độ ấy gợi cho bạn (những) suy nghĩ gì?

7. Tìm đọc truyền thuyết *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ*. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về hình ảnh nỏ thần được thể hiện trong truyền thuyết trên và trong thực tế lịch sử.

VĂN BẢN 2

SỰ Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC TRÊN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT VÀ HẬU QUẢ[1]

(Trích *Mùa xuân vắng lặng*)

***Theo* Rây-cheo Ca-son (Rachel Carson)**

Mùa xuân vắng lặng (*Silent Spring*) được xuất bản lần đầu vào năm 1962. Đây là tác phẩm kinh điển mở đầu cho phong trào bảo vệ môi trường trên toàn thế giới. Cuốn sách đã làm rõ những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường do thuốc trừ sâu gây ra và bày tỏ sự quan ngại khi chính phủ Mỹ cho phép những hoá chất độc hại được sử dụng trước khi đánh giá chính xác tác động của chúng đến môi trường sống. Cuốn sách ra đời không chỉ như một hồi chuông cảnh tỉnh về môi trường mà còn là tiền đề cho việc ra đời nhiều bộ luật quan trọng của nước Mỹ như: Đạo luật Nước và Không khí sạch, Đạo luật Chính sách Môi trường Quốc gia, dẫn đến sự ra đời của Ngày Trái Đất.

Trước khi đọc

Nơi bạn sống có tình trạng ô nhiễm nguồn nước không? Nếu có, hãy cho biết một vài nguyên nhân và hậu quả của nó.

Đọc văn bản

[…]

Và một điều chắc chắn rằng không những nước ngầm mà ngay cả nước chảy trên mặt đất như ở các khe suối, sông hay nước tưới tiêu đều đang dần bị ô nhiễm.

Bằng chứng về sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất

Bằng chứng cụ thể cho vấn đề này được thể hiện rõ ở các vùng di trú hoang dã quốc gia[2] tại Tu-li Lây-kơ (Tule Lake) và Lâu-ơ Cla-mát (Lower Klamath), Ca-li-phoóc-ni-a (California). Đây là một phần trong chuỗi vùng di trú bao gồm cả Ấp-pơ Cla-mát Lây-kơ (Upper Klamath Lake), nằm trên đường biên giới của Ô-rê-gân (Oregon). Tất cả các vùng di trú này đều liên kết với nhau bởi một nguồn

[1] Nhan đề của văn bản do nhóm biên soạn đặt.

[2] *Vùng di trú hoang dã quốc gia*: hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên của Mỹ bao gồm các vùng đất và nước được dành riêng để bảo vệ các loài động vật và thực vật hoang dã.

nước chung, và đều chịu chung ảnh hưởng vì những vùng đất này như hòn đảo nhỏ nằm trong một lòng biển bao la là những dải đất nông nghiệp rộng lớn – đất được cải tạo bằng hệ thống thoát nước và dòng chảy lệch hướng so với vùng đầm lầy và nguồn nước mở.

Vùng đất nông nghiệp xung quanh các nơi cư trú này hiện đang sử dụng nước tưới tiêu lấy từ Ấp-pơ Cla-mát Lây-kơ. Nguồn nước, lấy từ các cánh đồng sau khi tưới tiêu, được bơm vào Tu-li Lây-kơ và từ đây đi đến Lâu-ơ Cla-mát. Mọi nguồn nước ở các vùng di trú dựa vào hai hồ nước này đều là hệ thống tháo nước của đất làm nông. Cần phải nhớ điều này khi liên hệ với những gì xảy ra gần đây.

Mùa hè năm 1960, nhân viên quản lí vùng di trú đã nhặt được hàng trăm xác chim chết và cả những con chim đang kiệt sức ở Tu-li Lây-kơ và Lâu-ơ Cla-mát. Đa số đều là loài ăn cá – diệc, bồ nông, chim lặn và mòng biển. Theo kết quả phân tích, người ta phát hiện dư lượng thuốc trừ sâu được lưu lại trong cơ thể của các loài này, ví dụ như tô-xơ-phen (toxaphene), DDD[1] và DDE[2]. Cá trong hồ cũng được xác định có chứa thuốc trừ sâu, và các sinh vật phù du cũng thế. Người quản lí vùng di trú tin rằng dư lượng thuốc diệt sinh vật gây hại đã men theo dòng nước tưới trên đất nông nghiệp mà chảy đến và dần tích tụ trong nước của những vùng di trú này. 1

Đọc quét

1 Những hoá chất nào được tìm thấy trong cơ thể các loài chim, cá?

Hoá chất thông qua nước len lỏi vào vòng tuần hoàn của tự nhiên

[…] Nước cũng cần phải được xem xét ở khía cạnh sự sống mà nó dung dưỡng – từ những tế bào màu xanh nhỏ như hạt bụi có trong loài sinh vật phù du mọc khắp nơi, thông qua các kí sinh trùng cực nhỏ trong nước để đến với loài cá ăn sinh vật phù du này và những con cá này lại bị một loài cá khác, loài chim, chồn vai-zon (vizon)[3], hay gấu Bắc Mỹ ăn thịt, tất cả tạo thành một vòng tuần hoàn vật chất vô tận từ đời này sang đời khác. Như chúng ta đều biết những khoáng vật[4] cần thiết có trong nước di chuyển từ mắt xích này đến mắt xích khác trong chuỗi thức ăn. Vậy có thể cho rằng, chất độc mà chúng ta đưa vào nước sẽ không đi sâu vào vòng tuần hoàn của tự nhiên hay không?

Câu trả lời sẽ được tìm thấy trong lịch sử đáng kinh ngạc của Hồ Cli-a (Clear), Ca-li-phoóc-ni-a. Cli-a là hồ nằm ở trên núi, cách 90 dặm[5] về phía bắc San Phran-xít-cô […]. Tuy tên gọi của hồ nghĩa là *sạch* (clear) nhưng thực tế lớp bùn đen mịn đã bao trùm lấy lòng sông cạn nên nước hồ khá đục. Nước trong hồ là môi trường sống lí tưởng cho một loài muỗi mắt nhỏ, có tên khoa học là *Chaoborus*

[1] *DDD* (dichlorodiphenyldichloroethylene): hoá chất tương tự như DDT, được tạo thành khi DDT bị phân huỷ (xem chú thích về DDT ở trang 94). Nó từng được sử dụng để diệt trừ sâu bệnh nhưng hiện nay đã bị cấm.

[2] *DDE* (dichlorodiphenyldichloroethylene): hoá chất tương tự như DDT, được tạo thành khi DDT bị phân huỷ (xem chú thích về DDT ở trang 94).

[3] *Chồn vai-zon*: một loài chồn có bộ lông đẹp, bị săn bắn nhiều để phục vụ ngành công nghiệp lông thú.

[4] *Khoáng vật*: hợp chất hoặc đơn chất tự nhiên, có thành phần đồng nhất, thường là cứng, cấu tạo nên vỏ Trái Đất.

[5] *Dặm*: đơn vị đo độ dài (1 dặm = 1,609 344 km).

astictopus. […] Số lượng của chúng rất nhiều nên con người cảm thấy khó chịu vì phải san sẻ môi trường sống của mình với chúng. Họ cố gắng khống chế tình hình này nhưng vô ích. Đến cuối những năm 1940, khi thuốc trừ sâu nhóm hi-đờ-rô các-bon clo (hydrocarbon clo) hoá mang đến loại vũ khí mới, chất DDD, con người đã chọn hoá chất này để chiến đấu với loài muỗi mắt. DDD tuy là họ hàng gần với thuốc DDT[1] nhưng dường như ít gây nguy hại hơn cho cá. 2

Theo dõi

2 Hoá chất nào được chọn để diệt loài muỗi mắt ở Hồ Cli-a?

Những biện pháp khống chế mới được hứa hẹn tiến hành vào năm 1949. Việc thực hiện đã được lên kế hoạch cẩn thận và ít ai cho rằng điều không may sẽ xảy ra. Người ta bắt đầu khảo sát hồ, xác định thể tích và pha loãng thuốc trừ sâu theo tỉ lệ một phần hoá chất ứng với 70 triệu phần nước. Việc kiểm soát muỗi mắt đã bước đầu thành công; tuy nhiên, trước năm 1954, biện pháp này lại được thực hiện một lần nữa; lần này tỉ lệ pha trộn là một phần thuốc ứng với 50 triệu phần nước. Đa số mọi người đều nghĩ rằng muỗi mắt gần như đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Điềm báo đầu tiên xuất hiện vào những tháng mùa đông sau đó, một sự sống khác bị đe doạ: loài chim lặn phía tây sống trên hồ bắt đầu chết dần, chẳng mấy chốc số lượng chim chết lên đến hơn trăm con. Chim lặn phía tây ở Hồ Cli-a sinh sản và di trú vào mùa đông, chúng bị thu hút bởi vô số loài cá khác nhau trong hồ. Đây là loài chim rất đẹp và có tập quán thú vị là xây tổ nổi trên những hồ cạn phía tây Hoa Kỳ và Ca-na-đa (Canada). Người ta còn gọi loài chim này là "chim lặn thiên nga", bởi vì chúng có thể lượn qua và tạo thành một gợn sóng lăn tăn trên mặt hồ; cổ chim nhỏ, màu trắng, cái đầu màu đen sáng lúc nào cũng ngẩng cao. Những chú chim non mới nở được khoác lên mình lớp áo bằng lông tơ xám mịn; chỉ trong vài giờ sau đó chúng đã có thể tự uống nước và cưỡi lên lưng bố mẹ, rúc mình dưới đôi cánh chim bố mẹ.

Chân trời sáng tạo

[…] Năm 1954, quả thật là không có bằng chứng nào cho thấy có sự xuất hiện của bệnh truyền nhiễm khi thực hiện khám nghiệm xác của những con chim đã chết. Tuy nhiên, khi tiến hành phân tích mô mỡ của chim lặn, người ta lại tìm thấy thuốc DDD có trong mô này với nồng độ rất đáng kinh ngạc, 1 600 phần triệu.

Nồng độ thuốc tối đa khi pha với nước chỉ là 0,02 phần triệu. Vậy thì bằng cách nào mà nồng độ của loại hoá chất này có thể tăng đến mức độ kinh hoàng như thế trong cơ thể chim lặn? Đương nhiên, chim lặn là loài ăn cá. Khi cá trong Hồ Cli-a cũng được phân tích thì mọi việc bắt đầu rõ ràng – chất độc được tìm thấy ở những sinh vật nhỏ nhất, cô đặc lại và đi vào cơ thể của những loài động vật ăn thịt lớn hơn. Người ta xác định cơ thể sinh vật phù du có chứa khoảng 5 phần triệu thuốc trừ sâu (nhiều hơn khoảng 25 lần nồng độ tối đa khi pha loại hoá chất ấy trong nước), loài cá ăn thực vật sẽ tích luỹ từ 40 đến 300 phần triệu hoá chất này trong cơ thể, và những loài ăn thịt sẽ lưu trữ gần như toàn bộ. Cá bống biển nâu là loài có nồng độ

[1] *DDT* (dichlorodiphenyltrichloroethane): hoá chất nhân tạo, không có trong môi trường tự nhiên. Đây là chất rắn kết tinh, màu trắng, không có mùi hoặc vị. DDT là một loại thuốc trừ sâu đã từng được sử dụng rộng rãi để kiểm soát côn trùng trong nông nghiệp và côn trùng mang mầm bệnh. Nó đã bị cấm sử dụng vào năm 1972 vì gây hại cho động vật hoang dã.

tích luỹ rất đáng kinh ngạc, 2 500 phần triệu. Quá trình này là một chuỗi con này ăn con kia […], loài cá lớn sẽ nuốt cá bé, cá bé sẽ nuốt động vật ăn cỏ cây, động vật ăn cỏ cây này sẽ nuốt sinh vật phù du, và loài sinh vật phù du bé nhỏ này lại hút chất độc có trong nước. 3

Theo dõi

3 Vì sao nồng độ thuốc DDD lại tăng ở mức độ kinh hoàng trong cơ thể chim lặn?

Nhiều khám phá lạ hơn đã được tìm ra sau đó. Không ai tìm được vết tích của thuốc DDD trong nước trong một thời gian ngắn sau khi phun thuốc. Thực tế chất độc này không lưu lại trong hồ mà nó ăn sâu vào lớp cấu trúc của các sinh vật đang được nuôi dưỡng trong hồ. Hai mươi ba tháng sau khi quá trình xử lí bằng hoá chất này ngưng lại, loài phù du vẫn còn mang trên mình 5,3 phần triệu chất độc. Trong khoảng thời gian gần hai năm đó, bao nhiêu phù du đã sinh ra rồi chết đi nhưng chất độc vẫn được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác dù nó không còn tồn tại trong nước hồ. Nó tồn tại nhờ vào sự sống của những sinh vật trong hồ. Một năm sau khi ngưng sử dụng hoá chất, cá, chim và ếch đều được mang đi thử nghiệm, chúng vẫn còn có thuốc DDD trong mình. Lượng thuốc tìm thấy trong cơ thể những loài vật này luôn cao hơn rất nhiều lần nồng độ ban đầu khi chúng được đưa vào nước để tiêu diệt loài muỗi mắt. Những con vật mang chất độc như những con cá nở ra chín tháng sau đợt sử dụng thuốc DDD cuối cùng, những con chim lặn và mòng biển Ca-li-phoóc-ni-a đã tích luỹ thuốc với nồng độ hơn 2 000 phần triệu. Trong khi đó, số lượng đàn chim lặn đang làm tổ đã dần suy giảm – từ hơn 1 000 cặp trước khi phun thuốc trừ sâu lần đầu tiên, đã giảm xuống còn khoảng 30 cặp vào năm 1960. Ngay cả 30 cặp chim này dường như cũng chỉ làm tổ vô ích, vì không ai nhìn thấy chú chim lặn con nào xuất hiện trên hồ kể từ lần phun thuốc DDD cuối cùng. 4

Theo dõi

4 Thuốc DDD tồn tại trong tự nhiên bằng những cách nào?

Chân trời sáng tạo

Ảnh hưởng của hoá chất có trong nước đến con người

Toàn bộ quá trình lan truyền chất độc này dường như đều dựa trên những loài thực vật nhỏ – đóng vai trò là những chiếc máy cô đặc đầu tiên. Vậy còn đối tượng ở đầu kia của chuỗi thức ăn – con người – thì như thế nào? […] Một nghiên cứu y học gần đây cho thấy DDD đã kiềm chế mạnh mẽ chức năng của vỏ thận ở người. Hiện nay, về phương diện lâm sàng[1], khả năng phá huỷ tế bào của hoá chất này đã được tận dụng trong việc điều trị một loại ung thư hiếm gặp, xảy ra ở tuyến thận.

Trường hợp của Hồ Cli-a đã đặt ra một câu hỏi mà cộng đồng cần phải đối mặt: Đó là khôn ngoan hay khờ dại khi chúng ta sử dụng các chất gây tác động mạnh mẽ đến hoạt động sống của cơ thể với mong muốn khống chế côn trùng, đặc biệt là khi những biện pháp khống chế này gồm cả việc đưa trực tiếp hoá chất vào cơ thể hay vào nước? […] Hồ Cli-a là ví dụ điển hình cho vô vàn trường hợp mà ở đó giải pháp cho một vấn đề nhỏ có thể sẽ tạo ra một vấn đề khác nghiêm trọng và khó nhận thấy

[1] *Lâm sàng*: thuộc về những gì trực tiếp quan sát được ở người ốm đang ở trên giường bệnh.

hơn. Vấn đề của những người bị lũ muỗi mắt quấy rầy đã được giải quyết, nhưng cái giá phải trả là tất cả những sinh vật tiếp xúc với nguồn thức ăn và nước trong hồ phải gánh chịu rủi ro chưa được xác định rõ và có thể cũng khó mà hiểu rõ được.

Khi đất và mặt nước bị nhiễm thuốc diệt sinh vật gây hại cũng như các loại hoá chất khác, có nguy cơ là không chỉ chất độc mà cả chất gây ung thư cũng được đưa vào nguồn nước công cộng. Tiến sĩ W. C. Hiếu-pơ (W. C. Hueper), Viện Ung thư Quốc gia, cảnh báo "nguy cơ mắc bệnh ung thư do việc sử dụng nước uống bị nhiễm hoá chất sẽ tăng đáng kể trong tương lai gần". Thật vậy, một nghiên cứu được thực hiện tại Hà Lan vào đầu những năm 1950 cũng cho rằng nguồn nước bị ô nhiễm có nguy cơ gây ra bệnh ung thư. Những thành phố nhận được nguồn nước uống từ các con sông sẽ có tỉ lệ người chết vì ung thư cao hơn nơi mà người dân nhận được nước uống từ nguồn ít bị ô nhiễm hơn như nước giếng. A-xê-nít (arsenic)[1], một chất có trong môi trường và là nguyên nhân gây ra ung thư ở người, đã có mặt trong hai sự việc từng xảy ra […]. Ở trường hợp thứ nhất, a-xê-nít thâm nhập vào nước từ đống phế liệu của các công ty khai thác mỏ; ở trường hợp còn lại, a-xê-nít xuất hiện ở vùng có đá mang hàm lượng a-xê-nít tự nhiên cao. Với những trường hợp như thế này, nồng độ a-xê-nít vốn có sẽ dễ dàng tăng lên gấp bội theo số lượng thuốc trừ sâu chứa a-xê-nít được sử dụng rộng khắp. Đất ở những vùng này do đó cũng đều bị nhiễm độc. Và mưa sẽ mang một phần a-xê-nít đến với các con suối, sông, ao, hồ, cũng như hoà vào vùng biển ngầm rộng lớn trong lòng đất. 5

Suy luận

5 Theo bạn, thuốc diệt sinh vật gây hại và các loại hoá chất có trong đất, nước ảnh hưởng như thế nào đến sức khoẻ của con người?

Một lần nữa, chúng ta nên nhớ rằng trong tự nhiên mọi thứ đều không tồn tại riêng lẻ. Thế nên, để có thể hiểu rõ sự ô nhiễm trên Trái Đất đang diễn ra như thế nào, chúng ta cần xem xét một nguồn tài nguyên cơ bản khác nữa, đó là đất.

[…]

(Theo *Mùa xuân vắng lặng*, nhóm dịch Khánh An, NXB Thế giới, 2018, tr. 63 – 70)

Sau khi đọc

1. Xác định đề tài, bố cục và thông tin chính của từng phần.
2. Nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề và nội dung của văn bản. Đề xuất một nhan đề khác cho văn bản và cho biết cơ sở lựa chọn.
3. Văn bản trình bày thông tin theo kiểu bố cục nào? Kiểu bố cục ấy có tác dụng gì trong việc tạo nên sự mạch lạc của văn bản?
4. Xác định (những) thông tin cơ bản và chi tiết của phần văn bản: "Khi đất và mặt nước bị nhiễm thuốc diệt sinh vật gây hại … hoà vào vùng biển ngầm rộng lớn

[1] *A-xê-nít*: chất thạch tín.

trong lòng đất". Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa (những) thông tin cơ bản và thông tin chi tiết.

5. Tác giả thể hiện thái độ và quan điểm như thế nào về sự tác động của hoá chất có trong nước đến con người? Bạn đồng tình hay không đồng tình với quan điểm này? Vì sao?

6. Dữ liệu được sử dụng trong đoạn văn "Thật vậy, một nghiên cứu được thực hiện … hai sự việc từng xảy ra" thuộc loại nào?

7. Dữ liệu và thông tin được cung cấp trong văn bản có đảm bảo yêu cầu về tính mới mẻ, cập nhật và có độ tin cậy không? Vì sao?

8. Theo bạn, tác giả có dụng ý gì khi trình bày bằng chứng về sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất trước khi cung cấp thông tin về hậu quả của nó?

*** Bài tập sáng tạo:** Hãy thiết kế một sản phẩm sáng tạo (tranh, ảnh, pốt-xtơ (poster),...) để kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường nước.

Rây-cheo Ca-son (1907 – 1964): nhà động vật học, nhà nghiên cứu sinh vật biển người Mỹ và là người ủng hộ công cuộc bảo vệ môi trường thế giới. Bà đã đạt được một số giải thưởng tiêu biểu như: Ná-sân-nô Bút Ơ-quớt (National Book Award[1]) (1951), Niu Oóc Du-lô-gi-cô Sơ-sai-ơ-ti (New York Zoological Society[2]) (1963),… Một số tác phẩm tiêu biểu: *Under the Sea (Dưới làn gió biển)*, *The Sea Around Us (Biển quanh ta)*, *The Edge of the Sea (Bờ biển)*,…

Rây-cheo Ca-son
(*Mùa xuân vắng lặng*, NXB Thế giới, 2018)

Chân trời sáng tạo

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐỢI MƯA TRÊN ĐẢO SINH TỒN[3]

Trần Đăng Khoa[4]

Đọc văn bản

Chúng tôi ngồi trên đảo Sinh Tồn
Bóng đen sẫm như gốc cây khô cháy

---

[1] *Ná-sân-nô Bút Ơ-quớt*: Giải thưởng Sách Quốc gia của Hoa Kỳ.
[2] *Niu Oóc Du-lô-gi-cô Sơ-sai-ơ-ti*: Hiệp hội Động vật học Niu Oóc.
[3] *Sinh Tồn*: một hòn đảo trong cụm Sinh Tồn, quần đảo Trường Sa, thuộc xã Sinh Tồn, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hoà.
[4] *Trần Đăng Khoa*: là một nhà thơ, nhà báo, quê ở Hải Dương. Từ nhỏ, ông được xem là "thần đồng thơ văn" với các tập thơ *Từ góc sân nhà em* (1968), *Góc sân và khoảng trời* (1968), *Thơ Trần Đăng Khoa* (1970),… Ngoài ra, ông còn có các tác phẩm: *Chân dung và đối thoại* (tiểu luận phê bình, 1998), *Đảo chìm* (tập truyện – kí, 2000),…

Mắt đăm đăm nhìn về nơi ấy
Nơi con mưa thăm thẳm xa khơi
Ánh chớp xanh lấp loáng phía chân trời...
Ôi ước gì được thấy mưa rơi
Mặt chúng tôi ngửa lên như đất
Những màu mây sẽ thôi không héo quắt
Đá san hô sẽ nảy cỏ xanh lên
Đảo xa khơi sẽ hoá đất liền
Chúng tôi không cạo đầu, để tóc lên như cỏ
Rồi khao nhau
Bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt
Ôi, ước gì được thấy mưa rơi…
Con mưa lớn vẫn rập rình ngoài biển
Ánh chớp xanh vẫn lấp loáng phía chân trời...
Ôi, ước gì được thấy mưa rơi
Chúng tôi sẽ trụi trần, nhảy choi choi trên cát

Giãy giụa tơi bời trên mặt cát
Như con cá rô rạch nước đón mưa rào
Úp miệng vào tay, chúng tôi sẽ cùng gào
Như ếch nhái uôm uôm khắp đảo
Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho táo bạo
Mưa như chưa bao giờ mưa, sấm sét đùng đùng
Nhưng làm sao mưa cứ ngại ngùng
Chập chờn bay phía xa khơi...

Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi
Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết
Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt
Mưa lèm nhèm chúng tôi chẳng thích đâu
Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu
Hay mưa bụi... mưa li ti... cũng được
Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước
Một hạt nhỏ thôi, cát cũng dịu đi nhiều…
Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu

Chân trời sáng tạo

Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn
trên mặt đảo
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong đập
trái tim người
Như đá vững bền, như đá tốt tươi...

Mưa vẫn dăng màn lộng lẫy phía xa khơi
Mưa yểu điệu như một nàng công chúa
Dù mưa chẳng bao giờ đến nữa
Thì xin cứ hiện lên thăm thẳm cuối chân trời
Để bao giờ cánh lính chúng tôi
Cũng có một niềm vui
đón đợi...

1982

(Trần Đăng Khoa, *Thơ chọn lọc*, NXB Văn học, 2004, tr. 362 – 364)

Sau khi đọc

1. Tâm trạng đợi mưa của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn được thể hiện như thế nào? Cách thể hiện ấy có gì đặc sắc?
2. Cơn mưa trong tâm tưởng của các chiến sĩ và trong thực tế có (những) điểm gì khác nhau? Theo bạn, vì sao các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn mong mưa như thế?
3. Nhan đề của bài thơ gợi cho bạn suy nghĩ gì về hòn đảo và những người lính trên đảo?
4. Qua bài thơ, tác giả muốn gửi thông điệp gì đến với người đọc?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Ở văn bản *Đọc kết nối chủ điểm*, nhóm biên soạn đã dẫn nguồn bài thơ *Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* như thế nào? Xác định những yếu tố trong phần dẫn nguồn đó.
2. Chỉ ra một số biểu hiện của sự tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong văn bản *Khuôn đúc đồng Cổ Loa: "nỏ thần" không chỉ là truyền thuyết*.
3. Nhận xét tác dụng của việc sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong các đoạn trích dưới đây và cho biết khi sử dụng những phương tiện này, người viết đã chú thích nguồn như thế nào.

a. *Trong số mười một mang khuôn đúc bằng đá được tìm thấy có mười mang khuôn đúc mũi tên ba cạnh và một mang đúc mũi lao hình cánh én. Theo các chuyên gia, đây là những*

hiện vật gốc, độc bản được phát hiện ở Việt Nam, có giá trị đặc biệt, được tôn xưng như một danh từ riêng: mũi tên đồng Cổ Loa. Phát hiện này vô cùng quan trọng và có giá trị để giải mã bí mật huyền thoại nỏ thần thời kì An Dương Vương.

Hình 3. Mang khuôn có hình vật đúc mũi tên đồng ba cạnh (hình trái) và mũi lao cánh én (hình phải)
(*https://thanhcoloa.vn/bao-vat-quoc-gia-suu-tap-khuon-duc-co-loa*)

(*Theo* Hà Trang, *Khuôn đúc đồng Cổ Loa: "nỏ thần" không chỉ là truyền thuyết*)

b. *Kết quả tính toán giá trị WQI dựa trên kết quả quan trắc trung bình năm giai đoạn 2016 – 2022 trên 09 lưu vực sông cho thấy chất lượng môi trường nước trên các lưu vực sông ở nước ta chủ yếu ở mức "Tốt" đến "Trung bình". Mức "Ô nhiễm" ghi nhận phần lớn trên các đoạn sông chảy qua khu vực có hoạt động kinh tế – xã hội phát triển, điển hình như các đoạn qua nội thành Hà Nội, nội thành Thành phố Hồ Chí Minh.*

Chân trời sáng tạo

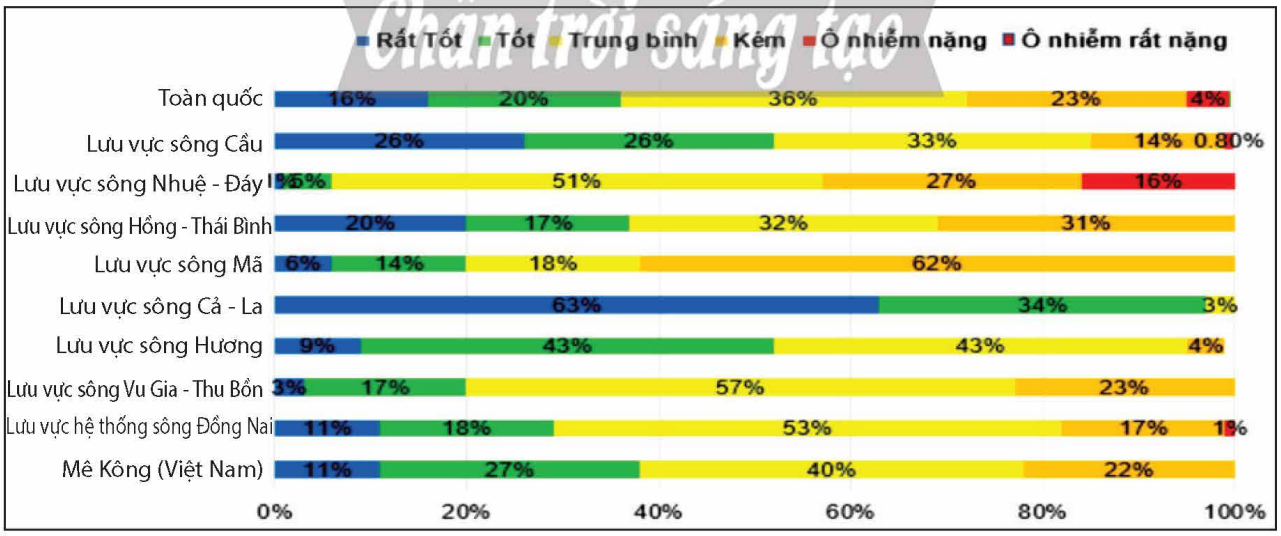

Biểu đồ 4.4. Tỉ lệ chỉ số WQI theo các mức tại các điểm quan trắc thuộc các lưu vực sông giai đoạn 2016 – 2020
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu quan trắc của Tổng cục Môi trường

(Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, tr. 53)

Nhiệm kỳ 10 năm lần thứ nhất
2006-2016

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ dưới đây.

Hình 6: Tổng khối lượng rác (tỉ lệ phần trăm) tại các địa điểm khảo sát ở Việt Nam năm 2020

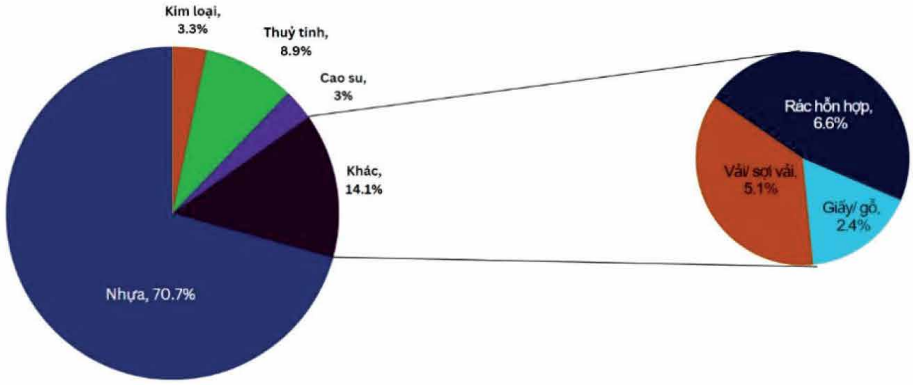

(Ngân hàng Thế giới, *Phân tích về ô nhiễm rác thải nhựa tại Việt Nam*, tr. 37)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

DÒNG MÊ KÔNG "GIẬN DỮ"

Theo **Hoàng Nam, Thu Hằng, Hoàng Khánh, Thanh Hạ**[1]

Không có gì bất thường vào chiều ngày 05/12/2022, cho đến khi ông Võ Minh Thảo (48 tuổi, Vĩnh Long) thấy mực nước mương dâng cao dồn dập. Ông vội vã lao về nhà. Vừa chạy, ông vừa gọi người nhờ kê cao đồ đạc lên cho khỏi ngập. Lúc đó, ông chỉ nghĩ nước dâng cao sẽ tràn vô nhà như lũ cuốn.

Ông đã lầm. Đặt chân đến nhà, ông thấy mảnh vườn trước cửa biến mất, bỏ lại căn nhà chơi vơi ngay mé sông. Đất liên tục sạt xuống, khoét sâu vào bờ hàng trăm mét. […] Hơn 10 phút sau, lở đã đuổi đến chân nhà. Đất rơi, tường nứt, mái tôn vặn vẹo. Chưa tới một giờ từ lúc thấy con đê vỡ, căn nhà cấp bốn cùng hơn 1 000 chậu lan và vườn cây ăn trái 9 công[2] đất của gia đình đã nằm sâu dưới lòng sông. Gia tài dành dụm từ đời cha phút chốc bị nhấn chìm. Điều duy nhất khiến ông nhẹ lòng là mẹ và các con không ở nhà khi đó. Mất của, nhưng cả gia đình nguyên vẹn.

Từ trên cao, bãi bồi như "lát bánh mì" bị dòng sông đang "đói" ngoạm mất một mảng lớn. Hôm đó, cù lao An Bình sạt lở hơn 41 500 m^2, khiến 30 hộ dân rơi vào cảnh mất nhà, tài sản, thiệt hại lên đến 35 tỉ đồng.

Sạt lở bất thường không phải chuyện của riêng tỉnh Vĩnh Long, mà là nỗi đau chung của hàng triệu dân miền Tây từ hai thập kỉ nay. Tình trạng sạt lở bờ sông tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đang ở mức báo động với 585 điểm, dài trên

[1] *Nội dung*: Hoàng Nam, Thu Hằng; *đồ hoạ*: Hoàng Khánh, Thanh Hạ.

[2] *Công*: đơn vị dân gian đo diện tích ruộng đất ở Nam Bộ, bằng khoảng 1/10 hoặc 1/7 héc-ta (bằng thửa ruộng trung bình cần một công cày), tuỳ theo vùng.

741 km. Trong đó, 87 điểm với 135 km thuộc nhóm đặc biệt nguy hiểm – ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư, hạ tầng quan trọng dù được bảo vệ bởi đê[1]. Còn lại là sạt lở nguy hiểm (155 điểm – 306 km) và bình thường (343 điểm – 300 km). Sạt lở bờ sông, kênh, rạch tập trung ở các tỉnh đầu nguồn như An Giang, Đồng Tháp, và các khu vực chuyển tiếp giữa vùng chịu ảnh hưởng của triều và thượng nguồn như Cần Thơ, Tiền Giang, Vĩnh Long, đến ven biển như Cà Mau, Sóc Trăng. Theo các chuyên gia, từ năm 1992 đến nay, sạt lở thoát ra khỏi quy luật tự nhiên và ngày càng tăng cấp.

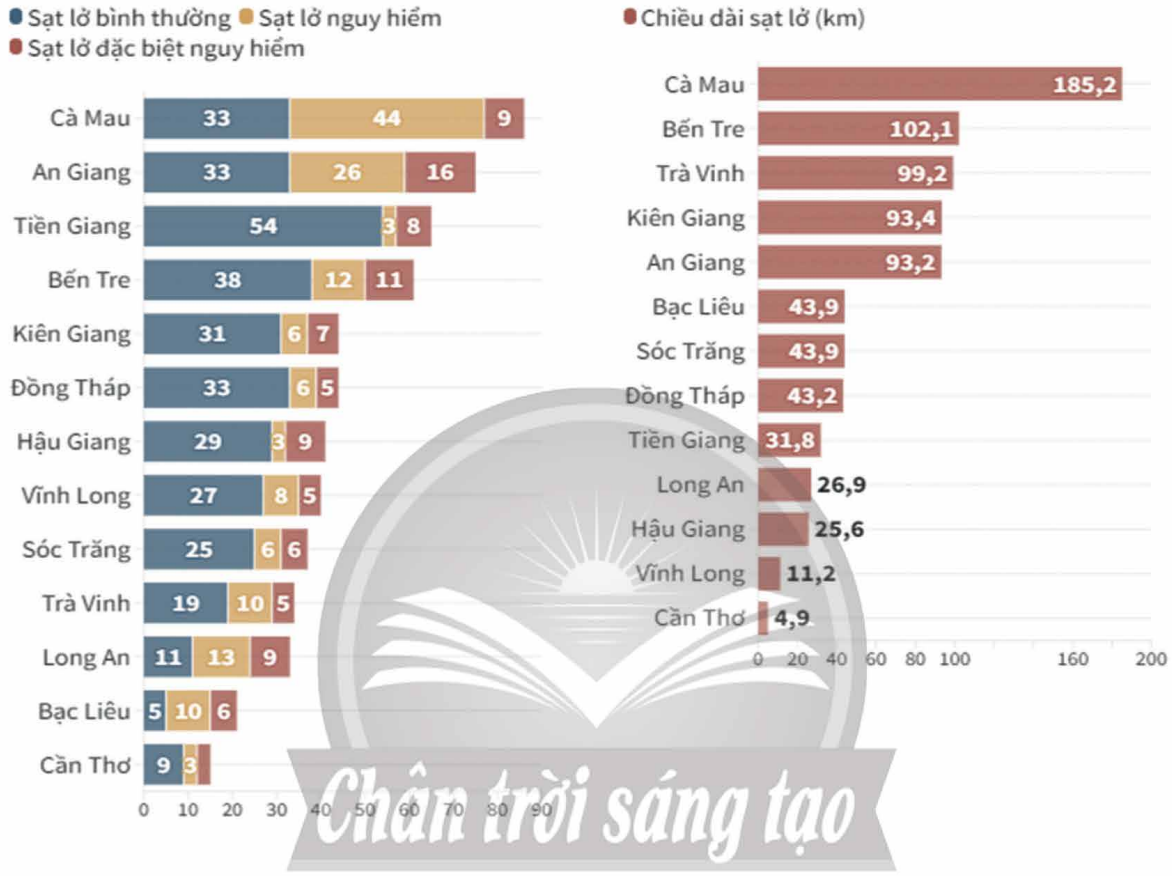

Biểu đồ 1. Thống kê điểm và chiều dài sạt lở Đồng bằng sông Cửu Long tính đến năm 2022

[…] Theo ông Mác Goi-chot (Marc Goichot)[2], nguyên nhân gốc rễ dẫn đến sạt lở tại Đồng bằng sông Cửu Long là thiếu cát và phù sa, tạo nên những dòng nước đói. Khi dòng sông không còn trầm tích[3] để lấp các hố sâu dưới đáy, "con đói" sẽ ăn vào đất hai bên bờ.

Sông đói "ngoạm" bờ

Chuỗi ngày thiếu phù sa được kích hoạt khi loạt đập thuỷ điện ở Trung Quốc – thượng nguồn Mê Kông – đi vào hoạt động. Tải lượng phù sa mịn tại hạ nguồn đã giảm khoảng 50% – từ 160 triệu tấn mỗi năm (1992) còn 85 triệu tấn (2014)[4]. Dự báo

[1] Theo Cục quản lí đê điều và Phòng, chống thiên tai.
[2] Quản lí Chương trình Nước ngọt của WWF (Quơ-quai-phun (World Wide Fund) – Quỹ Quốc tế bảo vệ Thiên nhiên) khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
[3] *Trầm tích*: chất do các vật thể trong nước sông hồ, biển lắng đọng lâu ngày kết lại mà thành.
[4] Theo Uỷ hội sông Mê Kông (MRC).

Chân trời sáng tạo

sau khi 11 đập thuỷ điện ở hạ lưu hoàn tất, tải lượng phù sa mịn sẽ giảm thêm một nửa, từ 85 còn 42 triệu tấn. Đến năm 2040, chỉ còn 4,5 triệu tấn trầm tích đổ về Đồng bằng sông Cửu Long.

Hệ quả là tỉ lệ xói – bồi ngày càng chênh lệch ở hầu hết địa phương. Các tỉnh dọc sông Tiền như An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang,... sạt lở nhiều hơn khu vực sông Hậu do lưu lượng dòng chảy lớn.

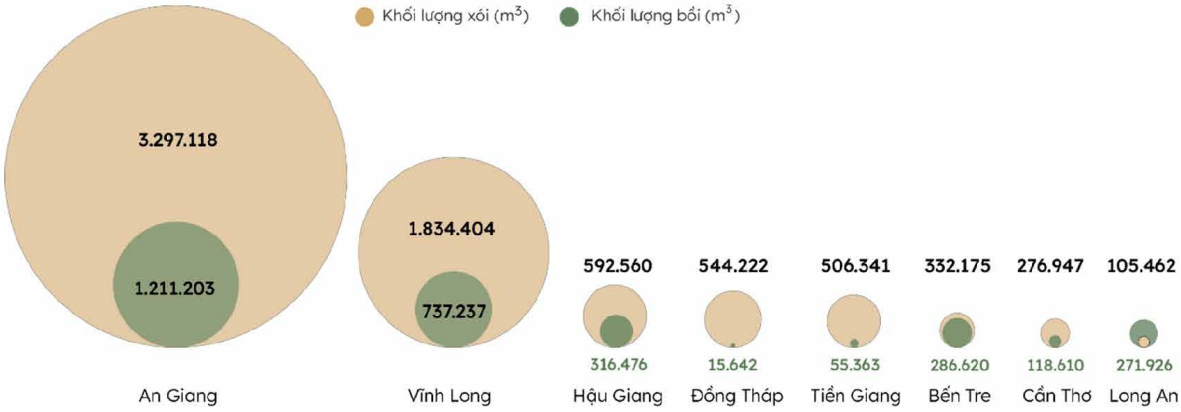

Hình 1. Ước tính khối lượng xói – bồi trung bình một năm (giai đoạn 2020 – 2022)

Trong khi cát từ thượng nguồn về hạ lưu ngày càng ít đi, nhu cầu sử dụng lại tăng đột biến. Cả dòng sông và con người đều trong cơn "khát" cát. Khi mất đi nguồn dinh dưỡng tự nhiên, dòng sông "đòi" lại những gì đã cho con người trước đó.

Mười năm trước, tại chính cù lao An Bình này, dòng sông đã đưa ra cảnh báo về cơn giận của mình. 21 giờ ngày 29/10/2012, bãi bồi ở ấp An Long, xã An Bình – cách nhà ông Thảo 10 km, bất ngờ sạt lở. Khoảng 8 000 m^2 đất bị "nuốt chửng" cùng 4 ao và 23 bè cá của 8 hộ dân. "Sau vụ đó coi như mất hết", bà Phạm Thị Sáu (75 tuổi), một trong những nạn nhân khi đó, kể lại. [...] Năm tháng sau vụ sạt lở, nguyên nhân được Viện Khoa học thuỷ lợi miền Nam (SIWRR) xác định là khai thác cát và nạo vét lòng dẫn. Cù lao An Bình khi đó bị bủa vây bởi các mỏ cát ở hai bên bờ, ngày đêm hút cát từ lòng sông.

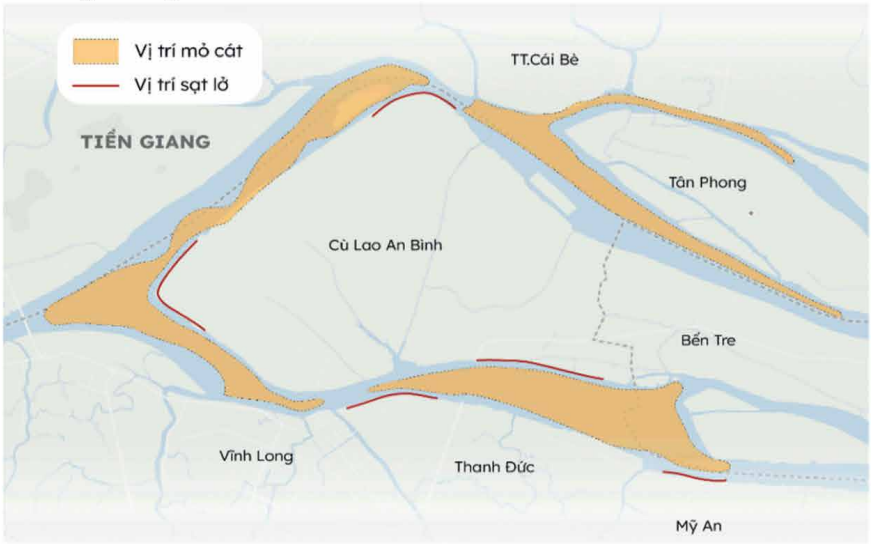

Hình 2. Bản đồ các vị trí sạt lở khu vực cù lao An Bình, Vĩnh Long, năm 2012

Nghiên cứu của SIWRR từ năm 2012 kết luận nếu không có khai thác cát, diễn biến xói bồi sẽ rất ít. Tốc độ trung bình chỉ nhỏ hơn một mét mỗi năm, nhưng khảo sát địa hình đáy sông khi đó phát hiện nhiều nơi bị hạ thấp từ 2 đến 7 m. Vị trí xảy ra sạt lở đáng lẽ phải được bồi tụ nhờ lượng cát về hằng năm, nhưng hoạt động khai thác cát đã làm cho lòng sông không kịp phục hồi và tiếp tục bị sâu xuống. Theo chuyên gia, việc hình thành hố xói sâu cục bộ – nguyên nhân trực tiếp gây sạt lở – là hệ quả của quá trình khai thác cát. Bởi đây vốn là đoạn sông thẳng nên dòng chảy không thể tạo ra các hố sâu gây sạt lở. "Để hình thành hố xói sâu như vậy nếu chỉ do tác động của dòng chảy thì phải mất rất nhiều năm. Tuy nhiên, chỉ trong thời gian ngắn, lòng dẫn có những vị trí bị hạ thấp gần 10 m, chứng tỏ phải có tác động của con người", ông Lê Thanh Chương[1], người trực tiếp tham gia khảo sát lúc đó, nhận định.

Đúng 10 năm sau, các chuyên gia của Viện SIWRR quay trở lại chốn cũ, lặp lại công việc điều tra, nhưng với những nạn nhân mới. Sự cố sạt lở lịch sử cuối năm 2022 tại cù lao An Bình một lần nữa được chỉ ra rằng, hơn 80% nguyên nhân là do tác động con người khi nạo vét lòng dẫn và khai thác cát quá mức.

Nợ cát, phải trả bằng cát

"Hiện tượng sạt lở có mối quan hệ nhân quả, mà trong đó lòng sông là tiền đề và bờ lở là kết quả", ông Hà Huy Anh[2] nói. Theo WWF – Việt Nam, các nghiên cứu khoa học gần đây chỉ ra rằng Đồng bằng sông Cửu Long đang mất cân bằng trầm tích nghiêm trọng. Mỗi năm, khối lượng cát đổ về vùng châu thổ này là 6,8 – 7 triệu tấn, trong khi lượng khai thác cát là 28 – 40 triệu tấn. Cùng với lượng cát đổ ra biển khoảng 6,5 triệu tấn, mỗi năm, đồng bằng bị thâm hụt ít nhất 27,5 triệu tấn cát. Hệ luỵ là nhiều đoạn sông không còn cát. Một số đoạn do bị khai thác cát sỏi quá mức đã tạo nên các "lòng chảo". Lòng sông bị hạ thấp, dẫn đến cao độ mực nước trên các tuyến sông giảm, thay đổi chế độ thuỷ văn dòng chảy. […]

Hiện Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 80 doanh nghiệp được cấp phép khai thác cát, khối lượng khoảng 28 triệu tấn mỗi năm. Cùng vấn nạn khai thác cát "lậu" ở nhiều nơi, khối lượng cát mất đi là không thể kiểm soát.

[…] Quá trình khai thác cát tạo nên các hố sâu dưới lòng sông. Để lấp khoảng trống này, dòng sông cần cát từ thượng nguồn đổ về. Tuy nhiên, các đập thuỷ điện giữ phù sa khiến lượng vật chất về hạ nguồn giảm. Theo quy luật, dòng chính sẽ bòn rút bùn, cát từ đáy các sông chính, và dây chuyền "rút đáy sông" lan đến các nhánh phụ nhỏ hơn. "Đó là lúc sạt lở lan toả khắp đồng bằng, vào cả các kênh nhỏ – nơi không khai thác cát", ông Nguyễn Hữu Thiện[3] nói. Trong khi đó, ở cửa biển, lớp "áo

[1] Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Chỉnh trị sông và Phòng chống thiên tai, Viện Khoa học thuỷ lợi miền Nam (SIWRR).

[2] Quản lí Quốc gia Dự án Quản lí Cát Bền vững WWF – Việt Nam.

[3] Chuyên gia độc lập về Đồng bằng sông Cửu Long.

giáp" bảo vệ đồng bằng cũng tả tơi vì thiếu phù sa, bất lực trước những con sóng ập vào bờ. Hậu quả là gần 400 km bờ biển của Đồng bằng sông Cửu Long đang sạt lở nghiêm trọng. […]

Món nợ với dòng sông

Sau vụ sạt lở năm 2012, bà Sáu[1] cùng 7 hộ dân khởi kiện công ty khai thác cát, đòi bồi thường hơn 130 triệu đồng thiệt hại. […] Mất 4 năm sau sự cố, bà Sáu mới được công ty khai thác cát đền bù 42,5 triệu.

Khi "vết thương" ở bờ sông vừa tạm lành, các cơ quan chuyên môn lại phát hiện mối nguy mới nhiều khả năng sẽ phức tạp hơn cho cù lao An Bình. Lòng sông như một cơ thể bị bạc đãi lâu ngày, sau cuộc "nội soi tổng quát" bắt đầu phát lộ những vết thương sâu âm ỉ. Kết quả thăm dò xác định một đoạn sông hơn 300 m có nguy cơ sạt lở cao bởi lòng sông đã bị bào mòn, mái[2] bờ rất dốc. Bờ đối diện tại thành phố Vĩnh Long cũng xuất hiện nhiều lạch sâu sát bờ từ 28 đến 38 m với độ ổn định thấp, nguy cơ sạt lở cao. […]

"Dòng chảy mang cát và phù sa tạo nên dòng sông, dòng sông nuôi con người, và khi con người tác động tới dòng chảy, phù sa và bùn cát, nó lấy lại, đôi khi là cả tính mạng con người", Tiến sĩ Nguyễn Nghĩa Hùng[3] nói. Ông Hùng ví lưu vực[4] sông như một cơ thể sống. Mọi tác động qua lại giữa con người và dòng sông đều mang tính nhân quả, có tầm ảnh hưởng liên khu vực. Các hành động làm thay đổi "cơ thể tự nhiên" của dòng sông như chặt phá rừng, xây dựng đập hay khai thác cát, đều sẽ phải "trả giá".

Hình 3. Khu vực từng xảy ra sạt lở tại cù lao An Bình (Vĩnh Long) hiện bị lục bình phủ kín, tháng 6/2023
Ảnh: *Hoàng Nam*

[1] Bà Phạm Thị Sáu (75 tuổi), người từng có nhà bị sạt lở tại cù lao An Bình năm 2012.
[2] *Mái:* phần mặt đất có hình dốc thoai thoải, từ đỉnh trở xuống trông giống như mái nhà, ở một số vật.
[3] Phó viện trưởng SIWRR.
[4] *Lưu vực*: vùng đất đai chịu ảnh hưởng của một con sông hoặc một hệ thống sông ngòi chảy qua.

Những người sống phụ thuộc nhiều nhất vào sông Mê Kông đang phải trả giá cho những lỗi lầm không phải họ gây ra, và họ lại là người có ít quyền kiểm soát nhất đối với dòng sông. Như bà Sáu, sau nhiều năm tích cóp, đến nay cuộc sống mới dần ổn định. Bà gầy dựng lại một công rưỡi ao cá giống, cùng 6 lồng bè nuôi cá chốt đồng đang mùa "vỗ béo". "Nếu thuận lợi, mỗi lứa 6 tháng cũng thu lợi nhuận hàng trăm triệu đồng nhưng với điều kiện đừng ai múc cát nữa", bà Sáu nói. Còn xóm cũ của ông Thảo, sau nửa năm, giờ đã thành bãi sông rộng lục bình phủ kín, là ngư trường cho dân địa phương. Dân làng khu sạt lở hầu như được chuyển đi, cách xa dòng sông từng nuôi dưỡng họ, để lại những tường gạch nham nhở, bơ vơ giữa trời.

Về dữ liệu: Dữ liệu trong bài được cung cấp bởi Viện Khoa học Thuỷ lợi miền Nam, WWF – Việt Nam và tổng hợp từ các địa phương.

(*https://vnexpress.net/dong-mekong-gian-du-4634044.html*)

Hướng dẫn đọc

1. Xác định kiểu bố cục của văn bản. Nhận xét mức độ phù hợp giữa nhan đề với nội dung của văn bản. Đề xuất một nhan đề khác cho văn bản và lí giải cơ sở đề xuất của bạn.
2. Những thông tin, dữ liệu được nêu trong văn bản có ý nghĩa thời sự trong thời điểm hiện tại hay không? Hãy lí giải.
3. Xác định thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của phần văn bản *Sông đói "ngoạm bờ"*. Phân tích vai trò của các thông tin chi tiết trong phần văn bản trên.
4. Nhận xét hiệu quả sử dụng của những từ ngữ như *vết thương, nội soi tổng quát, cơ thể tự nhiên* trong đoạn văn: "Khi "vết thương" ở bờ sông vừa tạm lành, các cơ quan chuyên môn lại phát hiện mối nguy mới nhiều khả năng sẽ phức tạp hơn cho cù lao An Bình … như chặt phá rừng, xây dựng đập hay khai thác cát, đều sẽ phải "trả giá"".
5. Nếu văn bản không sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ thì hiệu quả biểu đạt của thông tin sẽ như thế nào?
6. Xác định đề tài của văn bản. Đề tài ấy có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay?
7. Bạn đánh giá như thế nào về quan điểm: "Mọi tác động qua lại giữa con người và dòng sông đều mang tính nhân quả, có tầm ảnh hưởng liên khu vực".

Chân trời sáng tạo

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội* là kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng đã thu thập từ quá trình khảo sát thực tế, thu thập và phân tích dữ liệu và/ thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Xác định được đề tài và câu hỏi nghiên cứu.
- Thực hiện được các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.
- Trình bày được đầy đủ, sáng rõ và thuyết phục các kết quả nghiên cứu bằng văn phong khoa học.
- Sử dụng, phân tích được đa dạng loại dữ liệu trong nghiên cứu, xác định được tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu nghiên cứu.
- Sử dụng phù hợp các trích dẫn, cước chú, các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,…) để làm rõ thông tin.
- Trình bày phần tài liệu tham khảo đúng quy cách.
- Bố cục văn bản báo cáo gồm các phần, mục:

Tên đề tài/ nhan đề báo cáo

Tóm tắt: Trình bày tóm tắt mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu.

Từ khoá: Nêu từ ba đến năm từ quan trọng liên quan đến nội dung nghiên cứu.

Mở đầu: Nêu vấn đề nghiên cứu; trình bày lí do chọn đề tài; xác định nhiệm vụ, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu.

Nội dung chính:

– Trình bày cơ sở lí thuyết của đề tài.

– Trình bày kết quả khảo sát, giải pháp đề xuất và/ kết quả thực nghiệm.

– Trích dẫn, chú thích đúng quy cách; sử dụng phù hợp, hiệu quả các phương tiện hỗ trợ để làm rõ kết quả nghiên cứu (hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,...).

Kết luận: Tóm tắt nội dung báo cáo, khẳng định ý nghĩa, giá trị của kết quả nghiên cứu; gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (nếu có).

Tài liệu tham khảo: Trình bày danh mục tài liệu tham khảo theo thứ tự A, B, C gồm các thông tin chính như: tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, tên nhà xuất bản/ tạp chí.

Phụ lục (nếu có)

Chân trời sáng tạo

Đọc ngữ liệu tham khảo

Đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội[1]

[1]: Nêu tên đề tài/ nhan đề báo cáo

Tóm tắt

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với khu dân cư, nhà hàng, cơ quan công sở, chợ dân sinh và khu công cộng kết hợp với phỏng vấn, điều tra khảo sát để: (1) đánh giá hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; (2) đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại địa phương. Nghiên cứu được thực hiện trong hai tháng tại phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.[2]

[2]: Tóm tắt mục tiêu, phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Từ khoá: *Rác thải nhựa, nhựa, nguồn phát sinh rác, quản lí môi trường, Thượng Cát.*[3]

[3]: Từ khoá liên quan đến nội dung nghiên cứu

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới về lượng rác thải nhựa, tương đương với 1,83 triệu tấn/ năm (Jambeck và cộng sự, 2015). Với điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng, giao thông thuận lợi, những năm gần đây, kinh tế của phường Thượng Cát, thuộc quận Bắc Từ Liêm, phía tây Hà Nội phát triển khá nhanh. Tuy nhiên, vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt, đặc biệt là rác thải nhựa đang là vấn đề cấp bách tại địa phương. Do số liệu đánh giá hiện trạng chưa đầy đủ và thực trạng quản lí rác thải nhựa chưa hợp lí nên tình trạng ô nhiễm này chưa được giải quyết triệt để.[4a] Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về chất thải rắn sinh hoạt, nhưng còn khá ít nghiên cứu về rác thải nhựa, đặc biệt là phương pháp đánh giá rác thải nhựa cho một khu vực. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng rác thải nhựa tại phường Thượng Cát là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn vì trên cơ sở đó có thể đề xuất giải pháp nhằm quản lí hiệu quả hơn rác thải nhựa.[4b] Kết quả và phương pháp đánh giá của nghiên cứu này có thể được triển khai cho các địa phương khác trên cả nước. Nghiên cứu này được thực hiện để trả lời cho các câu hỏi sau: *Hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại phường Thượng Cát như thế nào? Cần có giải pháp nào để nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại địa phương?*[4c]

[4a]: Nêu vấn đề nghiên cứu

[4b]: Nêu lí do thực hiện nghiên cứu

[4c]: Nêu nhiệm vụ, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng: (1) *xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với khu dân cư, nhà hàng, cơ quan công sở*[1], (2) *xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với chợ dân sinh và khu công cộng*[2], (3) *kết hợp với phỏng vấn, điều tra khảo sát* các hộ

[1] Để xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với khu dân cư, nhà hàng, cơ quan công sở, nhóm nghiên cứu cân; phân loại rác trong hai tháng, 4 lần/ tháng; đối với khu dân cư, công sở, ước tính lượng rác/ người, đối với nhà hàng, ước tính lượng rác/ thực khách; luân chuyển việc cân và phân loại rác vào các ngày đầu, giữa và cuối tuần của tháng.

[2] Để xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với chợ dân sinh và khu công cộng, nhóm nghiên cứu cân, phân loại rác trong hai tháng, 4 lần/ tháng; cân và phân loại rác cho một xe đẩy; kiểm đếm số xe đẩy chở rác tại chợ và khu công cộng trong ngày; luân chuyển việc kiểm đếm, cân và phân loại rác vào các ngày đầu, giữa và cuối tuần của tháng.

gia đình, chủ nhà hàng, người lao động tại khối cơ quan, công sở và công nhân thu gom rác. Nghiên cứu được thực hiện với 7 tổ dân phố và 2 587 hộ gia đình của phường Thượng Cát[1].[4c]

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm *rác thải nhựa*

Rác thải nhựa thuộc loại chất thải rắn, đó là những vật chất ở thể rắn được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác (Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2020).[*] Vì vậy có thể hiểu rác thải nhựa là những vật dụng bằng nhựa đã qua sử dụng hoặc không còn được dùng nữa và bị loại bỏ, khó phân huỷ hoặc lâu phân huỷ trong môi trường thải bỏ (môi trường nước, đất hoặc bãi chôn lấp chất thải rắn).[5]

2.2. Kết quả nghiên cứu và đề xuất

2.2.1. Thành phần và khối lượng rác thải nhựa theo từng nguồn

a. Khu dân cư

Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng lượng rác thải nhựa phát sinh từ các hộ gia đình là 620,88 kg/ ngày, chiếm 10,6% tổng lượng chất thải rắn. Trong số đó có 33,3% lượng rác thải nhựa tái chế[2] và 66,7% lượng rác thải nhựa không thể tái chế[3].[6a] Trong khu dân cư, loại rác thải này thường được thu gom và phân loại rất tốt để bán lại cho các cơ sở tái chế. Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là rác thải nhựa không thể tái chế lại chiếm tỉ trọng cao (66,7%). Việc thu gom loại rác thải này thường không được quan tâm vì chúng không thể được tái sử dụng và không có lợi ích kinh tế. Việc xử lí chúng cũng rất khó khăn. Phương pháp xử lí phổ biến hiện nay (đốt và chôn) tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.[6b]

b. Nhà hàng

Khối lượng rác thải nhựa phát sinh từ các nhà hàng chiếm 21% lượng chất thải rắn sinh hoạt. Tổng lượng rác thải từ các nhà hàng của phường Thượng Cát là 168 kg/ ngày.

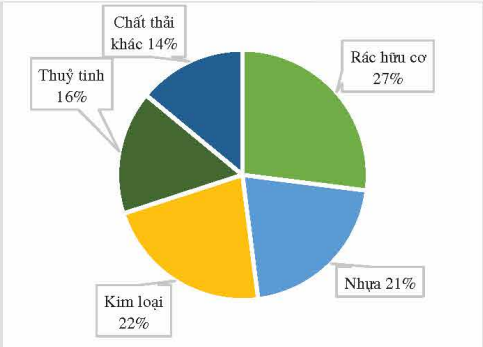

Thành phần chất thải rắn phát sinh từ nhà hàng

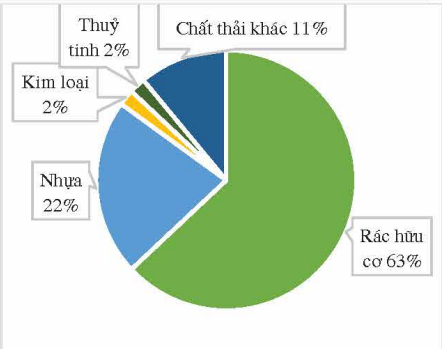

[**]

Thành phần chất thải rắn phát sinh từ chợ Thượng Cát[***]

[*]: Trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

[5]: Nêu cơ sở lí thuyết của đề tài

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

[6a]: Trình bày kết quả khảo sát

[6b]: Giải thích, phân tích, nhận định kết quả khảo sát

[**]: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ trình bày kết quả nghiên cứu

[***]: Thuyết minh về phương tiện phi ngôn ngữ

[1] Hiện trạng phát sinh rác thải nhựa của phường Thượng Cát chủ yếu được đánh giá từ các nguồn sau: khu dân cư thuộc các tổ dân phố; 15 cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống; chợ Thượng Cát và 11 chợ tự phát; khu hành chính, cơ quan, công sở của phường; các hoạt động quét đường và vệ sinh đường phố; khu vực công cộng.

[2] Gồm chai nhựa, nhựa phế liệu từ đồ dùng gia dụng.

[3] Gồm túi ni lông, chai nhựa, hộp xốp, nhựa dùng một lần.

c. Chợ

Theo kết quả nghiên cứu, rác hữu cơ (rau, củ, quả và đồ ăn hỏng) phát sinh từ chợ Thượng Cát chiếm 63% khối lượng chất thải rắn sinh hoạt; lượng rác thải nhựa chiếm 22% (tương đương với 452,6 kg/ ngày).[6a] Thành phần rác thải nhựa tại các khu chợ chủ yếu là túi ni lông và các sản phẩm nhựa dùng một lần. Đây là nguồn rác thải nhựa lớn trên địa bàn phường và việc xử lí, thu gom, phân loại gặp nhiều khó khăn.[6b]

d. Khu cơ quan, công sở

Lượng rác thải nhựa phát sinh từ nguồn này chiếm 20% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của các khu hành chính, công sở, với thành phần chủ yếu là nhựa văn phòng phẩm, thiết bị hỏng, ni lông,…

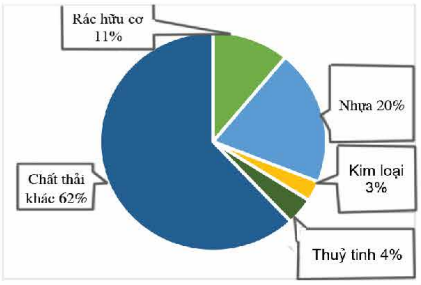

Thành phần chất thải rắn phát sinh khu cơ quan, công sở

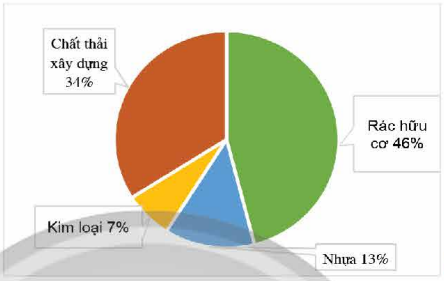

[**]

Thành phần chất thải rắn tại tuyến đường và khu công cộng phường Thượng Cát[***]

e. Chất thải rắn sinh hoạt từ các hoạt động quét đường và từ các khu công cộng

Nguồn rác này do người đi đường và những hộ dân sống dọc hai bên đường vứt ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy lượng rác thải nhựa chiếm 13% tổng lượng rác thải sinh hoạt thu gom trên những tuyến đường chính, khu công cộng ở phường Thượng Cát, tương ứng với 154 kg/ ngày.

2.2.2. Khối lượng rác thải nhựa phát sinh tại phường Thượng Cát

Kết quả nghiên cứu thực tế tại khu vực phường Thượng Cát cho thấy lượng chất thải rắn phát sinh 10 436 kg/ ngày, trong đó, lượng rác thải nhựa chiếm 1 508 kg/ ngày. Theo bảng 1, tỉ lệ rác thải nhựa phát sinh trong ngày tại khu dân cư là nhiều nhất (41,2%), tiếp theo là tại khu chợ (30%) và thấp nhất là tại khối cơ quan, công sở (7,5%).

Cũng theo bảng 1, lượng rác thải thu gom được là 9 723 kg/ ngày, đạt 93,2%. Như vậy, công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn đạt hiệu quả khá cao. Tuy nhiên, tỉ lệ thu gom rác thải nhựa chỉ đạt 80,6% trong tổng số rác thải nhựa phát sinh. Có thể lí giải bởi hai nguyên nhân chính: (1) lượng rác thải nhựa có thể tái chế được các hộ gia đình hoặc công nhân thu gom rác trên địa bàn phường thu gom, phân loại tại nguồn để bán cho cơ sở tái chế; (2) còn lượng rác thải nhựa không được thu gom có thể đã bị vứt bừa bãi vào các ao hồ, đồng ruộng, vườn.

Bảng 1: Khối lượng chất thải sinh hoạt và rác thải nhựa trên địa bàn phường Thượng Cát

Nguồn phát sinh	Chất thải sinh hoạt (kg/ ngày)	Rác thải nhựa	
		kg/ ngày	%/ ngày
Hộ gia đình	5 846,62	620,88	41,2
Các hộ kinh doanh	793	168	11,1
Chợ dân sinh	2 100	452,6	30
Cơ quan, công sở	562,5	112,5	7,5
Rác thải từ hoạt động quét đường, khu công cộng	1 134	154	10,2
Tổng[1]	10 436	1 508	100
Khối lượng thu gom[2]	9 723	1 215	80,6 [**]

[1] Tổng: được xác định từ việc tính toán lượng rác thải phát sinh tại các nguồn.[***]

[2] Khối lượng rác thải thu gom: được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Xử lí chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội (Uỷ ban nhân dân phường Thượng Cát, 2020).[***]

2.2.3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát

Căn cứ vào kết quả trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát.[7] Thứ nhất, hoàn thiện, triển khai cơ chế, chính sách về quản lí rác thải nhựa, đặc biệt cần làm rõ rác thải nhựa tái chế và rác thải nhựa không tái chế phù hợp với tình hình thực tế của phường. Thứ hai, tăng cường nguồn nhân lực quản lí tại phường và tại từng tổ dân phố. Thứ ba, xã hội hoá mô hình thu gom rác thải sinh hoạt: phường có thể chuyển giao mô hình thu gom rác thải sinh hoạt cho một doanh nghiệp có năng lực, vì rác thải thu gom bao gồm rác thải nhựa có thể tái chế, nếu thu gom tốt doanh nghiệp có thể thu lợi. Thứ tư, cần có giải pháp phân loại rác thải tại nguồn đối với từng loại đối tượng khác nhau. Thứ năm, bổ sung, tăng cường đầu tư phương tiện, trang thiết bị, nhân lực để làm tốt công tác thu gom, vận chuyển; thực hiện đúng quy trình kĩ thuật về xử lí rác thải nhựa không tái chế. Thứ sáu, triển khai mô hình "thu gom rác thải nhựa đổi đồ dùng sinh hoạt", kết hợp tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về rác thải nhựa.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

[7]: Đề xuất giải pháp dựa trên kết quả khảo sát thực trạng

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Tỉ lệ rác thải nhựa trong rác thải sinh hoạt đến từ các khu dân cư là thấp nhất (10,6%), cao nhất là rác thải nhựa đến từ các khu chợ với 22%. Tuy nhiên, trong số nguồn rác thải nhựa phát sinh của toàn phường thì rác thải đến từ các hộ gia đình lại nhiều nhất (41,2%), sau đó là từ các khu chợ (30%) và cuối cùng là khối cơ quan, công sở (7,5%). Tỉ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khá cao, đạt 93,2% trong khi đối với rác thải nhựa, tỉ lệ thu gom chỉ đạt 80,6%.

3.2. Khối lượng rác thải nhựa phát sinh tại hộ gia đình là 0,24 kg/ hộ/ ngày, trong đó lượng rác thải nhựa tái chế được chiếm 33,3%, còn rác thải nhựa không thể tái chế chiếm tới 66,7%.

3.3. Phường Thượng Cát cần triển khai đồng bộ các giải pháp quản lí rác thải nhựa như: xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp; bổ sung nguồn lực, trang thiết bị, phương tiện, xã hội hoá mô hình thu gom rác thải, thúc đẩy thu gom, phân loại rác thải tại nguồn và đặc biệt áp dụng mô hình "thu gom rác thải nhựa đổi đồ dùng sinh hoạt" kết hợp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về rác thải nhựa.[8]

KẾT LUẬN

[8]: Tóm tắt kết quả nghiên cứu

Tài liệu tham khảo[9]

1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường*.
2. Jambeck, J.R., Geyer, R., Wilcox, C., Siegler, T.R., Perryman, M., Andrady, A.,... & Law, K.L. (2015). Plastic waste inputs from land into the ocean. *Science*, 347 (6223), 768 – 771.
3. Uỷ ban nhân dân phường Thượng Cát. (2020). *Báo cáo tổng kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2019, 2020 trên địa bàn phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội*.

[9]: Trình bày danh mục tài liệu tham khảo

Theo Đào Văn Hiền, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Mạnh Khái

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Bài đăng trên tạp chí *Môi trường*, số Chuyên đề tiếng Việt III/ 2021, *http: //tapchimoitruong.vn/nghien-cuu-23/danh-gia-hien-trang-phat-sinh-va-de-xuat-mot-so-giai-phap-nang-cao-cong-tac-quan-ly-rac-thai-nhua-tai-phuong-thuong-cat-thanh-pho-ha-noi-25885*)

Chân trời sáng tạo

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đề tài của bài báo cáo nghiên cứu trên là gì? Tìm bố cục của bài báo cáo.
2. Xác định câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu của bài báo cáo.
3. Bài báo cáo trên đã sử dụng những loại dữ liệu nào? Vai trò của những loại dữ liệu ấy là gì?
4. Bạn nhận xét gì về tính cập nhật, độ tin cậy, khách quan của các thông tin do bài báo cáo cung cấp?
5. Cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo trong báo cáo trên đã đúng quy cách chưa?
6. Từ bài báo cáo trên, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi sử dụng cước chú?
7. Xác định tác dụng của (những) loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong bài báo cáo. Theo bạn, cần lưu ý gì khi trình bày các phương tiện ấy trong bài báo cáo?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Để tham dự hội thi *Những nhà khoa học trẻ* do Đoàn trường tổ chức, bạn hoặc nhóm của bạn hãy chọn một vấn đề về tự nhiên hoặc xã hội ở địa phương được nhiều người quan tâm để tìm hiểu và viết báo cáo nghiên cứu ấy.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Xem lại hướng dẫn cách xác định *đề tài nghiên cứu* đã được trình bày ở phần *Viết* của Bài 4. *Nét đẹp văn hoá và cảnh quan* (*Ngữ văn 11*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Ở bài học này, bạn cần lưu ý:

• Đề tài có thể là một vấn đề tự nhiên (môi trường, khí hậu, hệ sinh thái, tài nguyên,…) hoặc xã hội (hiện tượng xã hội, hiện tượng tâm lí, sự kiện văn hoá, lịch sử,…) được bạn và nhiều người quan tâm.

• Đề tài nên có tính cụ thể, tránh chọn đề tài quá rộng hoặc quá hẹp, khó triển khai.

• Đề tài có thể góp phần tìm hiểu một vấn đề thực tiễn hoặc vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế để cải thiện thực trạng.

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc, mục tiêu, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Xem lại hướng dẫn cách xác định *mục đích viết, đối tượng người đọc, mục tiêu, câu hỏi, phương pháp nghiên cứu* đã được trình bày ở phần *Viết* của Bài 4. *Nét đẹp văn hoá và cảnh quan* (*Ngữ văn 11*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Ở bài học này, bạn cần lưu ý:

• Tránh đặt quá nhiều câu hỏi nghiên cứu, vượt quá khả năng giải quyết, phạm vi nghiên cứu của đề tài. Từ câu hỏi nghiên cứu, xác định phạm vi tài liệu tham khảo, cơ sở lí thuyết cần tìm hiểu; cách thức điều tra, khảo sát/ thực nghiệm bao gồm cách chọn đối tượng nghiên cứu, loại dữ liệu cần thu thập, cách thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu.

• Xác định phạm vi nghiên cứu (phạm vi vấn đề nghiên cứu, phạm vi điều tra/ khảo sát, phạm vi thực nghiệm,…) cụ thể và phù hợp với năng lực cá nhân, thời gian và kinh phí thực hiện.

Thu thập tư liệu

• Mục đích của việc thu thập tư liệu là để tìm hiểu cơ sở lí thuyết của đề tài cũng như những đóng góp, hạn chế của những công trình nghiên cứu trước đó có liên quan đến đề tài,… Từ đó, xác định hướng nghiên cứu, đóng góp từ đề tài của bạn.

• Việc thu thập dữ liệu, thông tin cần đảm bảo tính mới mẻ, cập nhật và độ tin cậy cao.

• Chú ý thu thập cả dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề nghiên cứu. Chẳng hạn, để nghiên cứu về thói quen đọc sách của học sinh trong nhà trường, bạn có thể thu thập dữ liệu sơ cấp từ sổ ghi chép thông tin học sinh mượn và trả sách của thư viện, phỏng vấn thói quen đọc sách của một số học sinh hoặc dữ liệu thứ cấp từ những công trình nghiên cứu trước đó về thực trạng đọc sách của học sinh hiện nay,…

• Lưu trữ dữ liệu hệ thống, khoa học bằng cách lập danh mục dữ liệu với đầy đủ thông tin (tên tác giả, năm xuất bản/ công bố, tên dữ liệu, tên nhà xuất bản/ tên tạp chí/ trang web, nội dung cốt lõi/ đóng góp/ hạn chế,… của tài liệu), có thể trích dẫn trực tiếp một số thông tin quan trọng từ dữ liệu hoặc trích dẫn gián tiếp (diễn giải lại các thông tin ấy bằng ngôn ngữ của bạn).

Bước 2: Phác thảo đề cương nghiên cứu

Sau khi thu thập đủ dữ liệu, thông tin, bạn cần đọc kĩ các dữ liệu đó. Tiếp theo, phác thảo đề cương nghiên cứu gồm các phần như: tên đề tài, lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, cơ sở lí thuyết, các dữ liệu cần thu thập, phương pháp thu thập dữ liệu. Trong quá trình thực hiện báo cáo, có thể điều chỉnh đề cương.

Bước 3: Thực hiện nghiên cứu

• Dựa trên các tài liệu đã đọc, phác thảo cơ sở lí thuyết để xác lập căn cứ cho việc khảo sát thực trạng hoặc thực nghiệm giải pháp đề xuất nhằm cải tiến thực trạng.

• Để tăng tính khách quan, độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu, cần trực tiếp thu thập các dữ liệu liên quan đến đề tài để làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu như: số liệu thống kê từ khảo sát thực trạng hoặc kết quả thực nghiệm, ý kiến của những người có liên quan đến vấn đề nghiên cứu,... Cần xác định đúng và đủ các loại dữ liệu cần thu thập, trên cơ sở đó lựa chọn, thiết kế công cụ thu thập tương ứng. Ví dụ, nếu khảo sát bằng phiếu thì cần thiết kế phiếu hỏi, hoặc phỏng vấn thì cần chuẩn bị nội dung câu hỏi.

Lưu ý: Tham khảo bảng hướng dẫn xác định công cụ/ cách thức thu thập tương ứng với loại dữ liệu cần cho nghiên cứu đã được trình bày ở Bài 4. *Nét đẹp văn hoá và cảnh quan* (*Ngữ văn 11*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

• Phân tích, xử lí dữ liệu thu thập được bằng những công cụ phù hợp. Chẳng hạn như có thể phân tích, xử lí các số liệu thống kê bằng cách làm thủ công hoặc sử dụng các phần mềm như Excel, SPSS,…

• Sau khi phân tích dữ liệu thì tiến hành lí giải, phân tích, đánh giá, nhận xét về những thông tin thu thập được.

Bước 4: Viết báo cáo

Trên cơ sở đề cương và các thông tin đã có, tiến hành viết báo cáo kết quả nghiên cứu theo đề cương. Khi viết cần lưu ý:

- Tuân thủ các quy định về hình thức trình bày của một báo cáo nghiên cứu.
- Đưa ra nhận xét, đánh giá khách quan dựa trên bằng chứng thu thập được.
- Sử dụng phù hợp trích dẫn, cước chú và phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ việc trình bày kết quả. Chú ý thuyết minh cho các phương tiện phi ngôn ngữ.
- Trình bày tài liệu tham khảo đầy đủ và đúng quy cách.

Bước 5: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Tóm tắt nội dung	Tóm lược mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu		
Từ khoá	Nêu được từ ba đến năm từ khoá		
Mở đầu	Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu		
	Trình bày được lí do chọn đề tài		
	Nêu được nhiệm vụ, mục đích, câu hỏi nghiên cứu		
	Trình bày được phương pháp và phạm vi nghiên cứu		
Cơ sở lí thuyết	Trình bày ngắn gọn cơ sở lí thuyết làm nền tảng cho đề tài		
Kết quả nghiên cứu	Trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu		
	Đưa ra lí giải và bằng chứng để lần lượt làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu		
	Đề xuất giải pháp cho vấn đề (nếu có)		
Kết luận	Tóm lược kết quả nghiên cứu		
	Gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (nếu có)		

Chân trời sáng tạo

Tài liệu tham khảo	Liệt kê đầy đủ, chính xác và trình bày đúng quy cách		
	Sử dụng đa dạng loại tài liệu		
	Tài liệu tham khảo đảm bảo độ cập nhật, tin cậy cao		
Trình bày, diễn đạt	Đề mục rõ ràng, sắp xếp theo trình tự hợp lí		
	Sử dụng trích dẫn và cước chú phù hợp, đúng quy định		
	Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hợp lí, hiệu quả		
	Dùng ngôn ngữ chính xác, khách quan		
	Đảm bảo không mắc lỗi chính tả, diễn đạt (dùng từ, viết câu,…)		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện liên kết để tạo sự mạch lạc cho báo cáo		

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

Đề tài:

Trường bạn tổ chức một buổi báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Đề tài nghiên cứu của nhóm bạn được chọn để báo cáo. Bạn và các thành viên cần chuẩn bị để thực hiện những nhiệm vụ sau:

– Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm.

– Nhận xét, đánh giá nội dung và cách thức thuyết trình của các nhóm khác.

Khi tham gia buổi trao đổi, bạn sẽ thực hiện một trong hai nhiệm vụ ứng với từng vai cụ thể như sau:

– Người trình bày: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội của nhóm.

– Người nghe: Nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình của các nhóm khác.

Bước 1: Chuẩn bị trình bày và nghe

❖ Trong vai trò người nói, bạn cần:

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Đề tài của bài nói cùng một đề tài với bài viết. Người nghe của bạn có thể là giáo viên bộ môn, các bạn cùng lớp, khách mời,… Mục đích của bài nói là trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã thực hiện để người nghe hiểu được vấn đề và thuyết phục người nghe về kết quả của đề tài nghiên cứu. Vì vậy, bạn cần xác định mình sẽ nói ở đâu, trong thời gian bao lâu để đạt được mục đích nói.

Tìm ý và lập dàn ý

Bạn hãy chuyển nội dung của bài viết thành dàn ý của bài trình bày, bằng cách:

– Lựa chọn những nội dung quan trọng nhất cần giới thiệu: Tên đề tài, lí do chọn đề tài, câu hỏi, mục đích, phương pháp và kết quả nghiên cứu.

– Tóm tắt nội dung báo cáo dưới dạng sơ đồ hoặc dàn ý.

– Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ phù hợp (sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,…) để làm rõ kết quả nghiên cứu.

– Dự kiến những vấn đề mà người nghe có thể phản biện, yêu cầu làm rõ thêm và dự kiến câu trả lời.

– Xác định thời gian báo cáo dự kiến cho từng nội dung để có phương án trình bày phù hợp.

Chân trời sáng tạo

Luyện tập

Bạn dựa vào bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội bên dưới để luyện tập.

❖ Trong vai trò người nghe, bạn cần:

– Tìm hiểu về vấn đề nghiên cứu sẽ được nghe báo cáo.

– Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép nội dung bài báo cáo kết quả nghiên cứu.

– Xác định những vấn đề muốn tìm hiểu thêm về kết quả nghiên cứu.

Bước 2: Trình bày và nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình

Xem lại hướng dẫn về cách thức trình bày và cách thức nghe và nhận xét, đánh giá nội dung và cách thức thuyết trình ở Bài 2 (*Ngữ văn 12*, tập một).

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Về kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, bạn sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau.

Bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu		
	Trình bày được lí do chọn đề tài		
	Nêu được nhiệm vụ, mục đích, câu hỏi nghiên cứu		
	Trình bày được phương pháp và phạm vi nghiên cứu		
Nội dung báo cáo	Trình bày ngắn gọn cơ sở lí thuyết làm nền tảng cho đề tài		
	Trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu		
	Đưa ra lí giải và bằng chứng để lần lượt làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu		
	Đề xuất giải pháp cho vấn đề (nếu có)		
Kết luận	Tóm lược kết quả nghiên cứu		
	Gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (nếu có)		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, đúng thời gian quy định		
	Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp, hiệu quả		
	Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình báo cáo		
	Ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe		

Chân trời sáng tạo

Về kĩ năng nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình, bạn dùng bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình ở Bài 2 (*Ngữ văn 12*, tập một) để đánh giá các nhóm khác.

ÔN TẬP

1. Trình bày ít nhất hai kinh nghiệm mới bạn thu nhận được sau khi học đọc văn bản thông tin ở bài học này.

2. Đọc lại văn bản *Khuôn đúc đồng Cổ Loa: "nỏ thần" không chỉ là truyền thuyết* (*Theo* Hà Trang) và *Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả* (*Theo* Rây-cheo Ca-son) để hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	*Khuôn đúc đồng Cổ Loa: "nỏ thần" không chỉ là truyền thuyết*	*Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả*
Đề tài		
Thông tin cơ bản		
Kiểu bố cục		
Loại dữ liệu sử dụng trong văn bản		
Thái độ của tác giả		
Phương tiện phi ngôn ngữ		

3. Theo bạn, khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu, cần lưu ý những gì để thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ?

4. Để đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy cho một báo cáo nghiên cứu khoa học, người viết cần chú ý điều gì?

5. Cần làm gì để bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng và thu hút người nghe? Khi nhận xét, đánh giá nội dung và bài thuyết trình của người khác, cần chú ý điều gì?

6. Theo bạn, việc khám phá tự nhiên và xã hội có vai trò như thế nào đối với đời sống của con người?

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II VÀ HỆ THỐNG HOÁ VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM

A. ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Xác định yếu tố tượng trưng hoặc siêu thực trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo), ý nghĩa và vai trò của yếu tố đó trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng của đoạn thơ.

2. Chỉ ra một số đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại thể hiện qua một trong các văn bản sau:

   – *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng)

   – *Ở Va-xan* (trích *Hội chợ phù hoa*, Uy-li-am Thác-cơ-rây)

   – *Ngày 30 Tết* (trích *Mùa lá rụng trong vườn*, Ma Văn Kháng)

3. Mỗi văn bản dưới đây được sáng tác theo phong cách của trường phái văn học nào? Dựa vào đâu để bạn xác định như vậy?

   a. *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng)

   b. *Trên đỉnh non Tản* (Nguyễn Tuân)

4. Tóm lược một số nội dung/ thông tin trong phần giới thiệu về tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh mà theo bạn là cần lưu ý khi đọc tác phẩm của Người.

5. Nêu một số nét đặc sắc về nghệ thuật nghị luận trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh. Chỉ ra một số điểm tương đồng về tư tưởng giữa tác phẩm này với các tác phẩm *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lý Thường Kiệt) và *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi).

6. Vì sao việc xử lí thông tin, sử dụng tài liệu trong văn bản thông tin lại được xem là quan trọng? Khi đọc một văn bản thông tin về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, bạn có thể căn cứ vào đâu để nhận biết, đánh giá:

   a. Tài liệu sơ cấp, tài liệu thứ cấp?

   b. Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản?

7. Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, trong giao tiếp, chúng ta cần lưu ý những gì?

8. Lấy ví dụ và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa.

9. Phân tích tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...) trong văn bản thông tin.

10. Nêu một số lưu ý khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội. Chỉ ra một số điểm khác biệt về bố cục giữa kiểu bài này với kiểu bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

11. Nêu một số điểm khác biệt đáng lưu ý giữa hai kiểu bài: viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ và viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

12. So sánh, chỉ ra một số điểm khác biệt giữa hai kiểu bài thuyết trình:

– Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.

– Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

13. Lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội, sau đó chuyển dàn ý bài viết đó thành dàn ý bài nói.

B. HỆ THỐNG HOÁ VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM

Đọc văn bản sau và trả lời một số câu hỏi nêu phía dưới:

NHÌN CHUNG VỀ CÁC CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Với một lịch sử lâu đời, văn học Việt Nam gồm hai bộ phận: văn học dân gian (sáng tác và lưu truyền bằng phương thức truyền miệng) và văn học viết (sáng tác bằng chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ).

Văn học dân gian Việt Nam là những sáng tác tập thể, truyền miệng của quần chúng nhân dân, hình thành từ khi chưa có chữ viết và tiếp tục tồn tại, phát triển cùng với văn học viết. Văn học dân gian Việt Nam thể hiện đời sống tinh thần phong phú của người bình dân nên rất đa dạng về thể loại: từ các thể tự sự dân gian (thần thoại, truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn,...), trữ tình dân gian (ca dao, dân ca), các thể lời nói dân gian (tục ngữ, câu đố), đến sân khấu dân gian (chèo, tuồng).

Văn học viết Việt Nam gồm văn học trung đại và văn học hiện đại. Văn học trung đại viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, hình thành và phát triển từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX. Văn học hiện đại chủ yếu viết bằng chữ Quốc ngữ[1], manh nha hình thành từ cuối thế kỉ XIX, phát triển mạnh với nhiều thành tựu từ đầu thế kỉ XX đến nay.

Trong quá trình phát triển, hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đặc biệt, văn học dân gian thường là nguồn đề tài, cảm hứng dồi dào và quý báu của văn học viết.

[1] Một số tác phẩm văn học hiện đại cũng viết bằng chữ Hán; nhiều tác giả Việt Nam ở nước ngoài (văn học hải ngoại) cũng viết bằng tiếng Pháp, tiếng Anh.

2. Văn học trung đại Việt Nam phát triển trong khuôn khổ xã hội phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, thường được phân thành bốn giai đoạn:

– Giai đoạn thứ nhất: từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XV.

– Giai đoạn thứ hai: từ đầu thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVII.

– Giai đoạn thứ ba: từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.

– Giai đoạn thứ tư: nửa cuối thế kỉ XIX.

Về nội dung, mười thế kỉ văn học trung đại Việt Nam phát triển và kết tinh với hai nguồn cảm hứng chủ đạo: cảm hứng yêu nước và cảm hứng nhân đạo. Tuỳ theo bối cảnh lịch sử – xã hội của thời đại, văn học hoặc thiên về cảm hứng yêu nước, khẳng định quyền độc lập, tự hào về truyền thống lịch sử, văn hoá của dân tộc (*Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo*,...) hoặc thiên về cảm hứng nhân đạo: yêu thương, bênh vực, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người (*Chuyện người con gái Nam Xương*, *Truyện Kiều*,...).

Về hình thức thể loại, ở bộ phận văn học chữ Hán, bên cạnh thơ trữ tình các thể loại tự sự (truyện, kí) đều được viết bằng văn xuôi (*Thánh Tông di thảo* tương truyền của vua Lê Thánh Tông, *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ, *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái). Ở bộ phận văn học chữ Nôm, thơ trữ tình và các thể truyện đều được viết bằng văn vần (bằng thơ lục bát như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu; bằng thơ song thất lục bát như *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều hay bản dịch *Chinh phụ ngâm* được cho là của Phan Huy Ích; bằng thơ thất ngôn bát cú luật Đường như *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái).

3. Văn học hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay phát triển theo hai thời kì:

– Thời kì thứ nhất: từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, thời kì này gồm hai giai đoạn: Văn học từ đầu thế kỉ XX đến năm 1930 và Văn học từ năm 1930 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Thời kì thứ hai: từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay với hai giai đoạn chính: Văn học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 và Văn học từ năm 1975 đến nay.

Thời kì thứ nhất: Nối tiếp văn học trung đại, văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 có vai trò quan trọng trong công cuộc hiện đại hoá văn học dân tộc. Chữ Quốc ngữ hình thành và sau bước thử nghiệm với một số sáng tác văn học vào cuối thế kỉ XIX, đã chính thức được sử dụng rộng rãi trong văn học từ đầu thế kỉ XX. Trên cơ sở phát huy những truyền thống và bản sắc của văn học dân tộc, đồng thời tiếp thu ảnh hưởng của văn học phương Tây, nhất là văn học Pháp, văn học Việt Nam nhanh chóng hiện đại hoá trên nhiều phương diện.

Chân trời sáng tạo

Văn học từng bước thoát khỏi tính quy phạm chặt chẽ và nghiêm ngặt của văn học trung đại để xây dựng một nền văn học hiện đại theo mô hình văn học phương Tây. Sự phát triển mang tính cách mạng của văn học trong giai đoạn này kết tinh rực rỡ trong sáng tác của đội ngũ nhà văn hiện đại thuộc phong trào Thơ mới, tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn, văn xuôi hiện thực phê phán, thơ ca cách mạng vô sản,... Cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của nhà văn đặc biệt được đề cao. Tuy nhiên, quá trình hiện đại hoá trong bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, văn học giai đoạn này phát triển đa dạng trong sự phân hoá phức tạp thành nhiều bộ phận, xu hướng.

Văn học thời kì này tiếp tục phát huy các tư tưởng truyền thống của dân tộc như chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo đồng thời cũng mang lại cho các tư tưởng truyền thống nguồn cảm hứng mới: tinh thần dân chủ. Trên con đường hiện đại hoá, văn học đạt được những thành tựu mang tính cách mạng về quan điểm sáng tác, về thể loại và ngôn từ.

Thời kì thứ hai: Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, văn học hiện đại Việt Nam phát triển thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn học góp phần đưa hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đến ngày thắng lợi, nước nhà độc lập, thống nhất, từng bước vươn tới sự phát triển giàu đẹp. Tuy nhiên, tuỳ vào bối cảnh lịch sử xã hội của từng giai đoạn, văn học cũng có những đặc điểm riêng.

Văn học 1945 – 1975 phát triển trong hoàn cảnh chiến tranh, đề cao chủ nghĩa yêu nước, chủ yếu sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Khuynh hướng sử thi thường thể hiện qua việc lựa chọn đề tài lịch sử dân tộc, xây dựng nhân vật anh hùng, thể hiện giọng điệu khẳng định, ngợi ca chính nghĩa, tương lai tươi sáng của dân tộc, sức mạnh của nhân dân. Cảm hứng lãng mạn thể hiện ở tinh thần lạc quan hướng đến ngày chiến thắng, ngợi ca sức mạnh của ý chí đấu tranh, tinh thần cách mạng. Đặc điểm này thấm nhuần ở tất cả các thể loại văn chính luận, thơ ca đến truyện, kí,... trong văn học 1945 – 1975.

Ở miền Nam Việt Nam, do có đặc điểm tình hình chính trị – xã hội riêng, từ năm 1954 đến năm 1975, văn học phát triển theo nhiều khuynh hướng đáng ghi nhận, phản ánh bối cảnh lịch sử hiện thực đời sống của xã hội ở trong lòng các đô thị miền Nam đương thời như: khuynh hướng đề cao chủ nghĩa quốc gia, khuynh hướng thể hiện tinh thần phản kháng, khuynh hướng tôn vinh truyền thống văn hoá dân tộc[1] ,...

Sau năm 1975, trong bối cảnh đất nước thống nhất và yêu cầu đổi mới, hội nhập, văn học vận động theo hướng dân chủ hoá cả trong sáng tác lẫn trong tiếp nhận. Trên cơ sở lấy tư tưởng nhân bản và sự thức tỉnh ý thức cá nhân làm nền tảng cho

[1] Theo Huỳnh Như Phương, *Văn học miền Nam Việt Nam 1954 – 1975: những khuynh hướng chủ yếu và thành tựu hiện đại hoá*, in trong *Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần thứ IV, chủ đề Những vấn đề giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 710 – 723.

tư tưởng và cảm hứng sáng tác, văn học đã phát triển phong phú, đa dạng hơn về đề tài, chủ đề, thủ pháp nghệ thuật, đề cao cá tính sáng tạo của nghệ sĩ và đổi mới cách nhìn, cách tiếp cận về hiện thực, con người. Nhờ đó, văn học giai đoạn này đạt được những bước chuyển về thể loại. Bên cạnh những thành tựu quan trọng của các thể văn xuôi hư cấu như tiểu thuyết, truyện ngắn, các thể loại phi hư cấu như kí sự, phóng sự, hồi kí, tự truyện, các thể loại văn xuôi trữ tình như tuỳ bút, tản văn cũng đều khởi sắc và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

4. Nhìn chung, trong quá trình phát triển, cùng với tiếng nói của dân tộc, văn học Việt Nam luôn thể hiện rõ bản sắc dân tộc và mang một sức sống mãnh liệt. Dù là văn học dân gian hay văn học viết, văn học trung đại hay hiện đại, sáng tác bằng chữ Hán, chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ,… văn học Việt Nam luôn chứa chan tinh thần yêu nước và nhân đạo; có khả năng tiếp thu, chọn lọc ảnh hưởng của văn học, văn hoá nước ngoài; không ngừng Việt hoá một cách nhuần nhị các yếu tố ngoại lai từ nội dung tư tưởng đến hình thức nghệ thuật để tự làm mới, làm giàu cho mình.

Câu hỏi

1. Văn học dân gian Việt Nam gồm những thể loại chính nào? Nêu tên tác phẩm tiêu biểu cho mỗi thể loại đó.
2. Kẻ bảng sau vào vở và xếp các tác phẩm – tác giả nêu phía dưới vào ô phù hợp trong bảng:

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Giai đoạn	Tác phẩm – tác giả
Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XV	
Từ đầu thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVII	
Từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX	
Nửa cuối thế kỉ XIX	

Chân trời sáng tạo

Một số tác phẩm văn học trung đại Việt Nam: *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lí Thường Kiệt), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Thánh Tông di thảo* (tương truyền của Lê Thánh Tông), *Truyền kì mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu), *Chinh phụ ngâm* (nguyên văn chữ Hán: Đặng Trần Côn; bản diễn Nôm song thất lục bát: Phan Huy Ích), *Chí khí anh hùng* (Nguyễn Công Trứ), *Thu vịnh*, *Thu điếu*, *Thu ẩm* (Nguyễn Khuyến), *Thương vợ* (Trần Tế Xương), *Hương Sơn phong cảnh ca* (Chu Mạnh Trinh).

3. Nêu một số điểm khác biệt đáng lưu ý giữa hai bộ phận văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

4. Kẻ bảng sau vào vở và ghi tên ít nhất 5 tác phẩm (kèm tên tác giả) đã học thuộc văn học hiện đại Việt Nam vào ô phù hợp trong bảng (có thể chọn tác phẩm từ lớp 6 đến lớp 12):

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Thời kì	Tác phẩm truyện/ thơ/ kịch/ văn nghị luận
Từ đầu thế kỉ XX đến hết Cách mạng tháng Tám năm 1945	
Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay	

5. Tìm hiểu về nội dung yêu nước và nội dung nhân đạo trong văn học hiện đại Việt Nam. Phân tích biểu hiện của nội dung yêu nước hoặc nhân đạo qua một/ một số tác phẩm đã học.

Chân trời sáng tạo

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
B	bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội	kiểu bài nghị luận viết ra để đọc trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội nhằm mục đích thuyết phục, kêu gọi mọi người tích cực tham gia, góp phần lan toả ý nghĩa, thông điệp tích cực	79
	báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội	kiểu bài viết trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát vấn đề xã hội đó của bài tập dự án	49
	báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng đã thu thập từ quá trình khảo sát thực tế, thu thập và phân tích dữ liệu và/ thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất	107
	biểu tượng	một loại hình ảnh đặc biệt, thông qua hình thức cụ thể, trực quan để gợi lên những tư tưởng, triết lí có ý nghĩa sâu xa	6
	bố cục trong văn bản thông tin	kiểu sắp xếp, tổ chức các phần của văn bản thông tin, trong đó phổ biến là bốn kiểu cơ bản sau: trật tự thời gian, trật tự không gian, mức độ quan trọng của thông tin, trật tự logic (so sánh và đối chiếu, phân loại đối tượng, liệt kê, quan hệ nhân – quả, vấn đề và cách giải quyết,...)	85
D	dữ liệu nghiên cứu	những dữ liệu mà dựa trên đó, người nghiên cứu có thể đưa ra những kết luận đáng tin cậy	86
	dữ liệu sơ cấp	loại dữ liệu nguồn hay dữ liệu gốc, mang tính khách quan cao, thường chưa được phân tích, diễn giải, xử lí	86
	dữ liệu thứ cấp	loại dữ liệu cung cấp thông tin đã được người viết xử lí, kể lại, mô tả, tóm tắt, tổng hợp hoặc diễn giải, đánh giá từ nguồn dữ liệu sơ cấp, tức là dữ liệu đã được nhìn nhận qua lăng kính chủ quan	86
H	hình tượng	những hình ảnh, nhân vật được xây dựng một cách sống động, sáng tạo trong tác phẩm, vừa phản ánh đời sống vừa thể hiện quan niệm, tư tưởng và ý đồ, tài năng nghệ thuật của người nghệ sĩ	6

Chân trời sáng tạo

N	ngôn ngữ tiểu thuyết	tiểu thuyết kết hợp khéo léo ngôn ngữ người kể chuyện với ngôn ngữ của nhân vật, trong một số trường hợp, có sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn	24
	nhân vật tiểu thuyết	nhân vật trong tác phẩm tiểu thuyết thường có số phận trọn vẹn, quá trình phát triển tính cách dài, phức tạp	24
	nói mỉa	biện pháp tu từ sử dụng cách diễn đạt có nghĩa tường minh khác với điều người nói, người viết muốn thể hiện, nhằm bộc lộ thái độ mỉa mai, châm biếm, tạo hiệu quả hài hước cho văn bản	25
Q	quyền sở hữu trí tuệ	quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả, quyền sở hữu công nghiệp,...	86
S	siêu thực	sự kì lạ, khác thường, phá vỡ những quy luật thông thường của thế giới thực tại, gợi nhắc đến sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ và của những ám ảnh vô thức	5
T	thao tác nghị luận	những kĩ thuật lập luận được sử dụng để nội dung văn bản nghị luận hoàn chỉnh, thuyết phục; các thao tác nghị luận gồm: chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích, bác bỏ	63
	tiểu thuyết	thể loại văn xuôi tự sự hư cấu cỡ lớn, có khả năng phản ánh những bức tranh đời sống ở quy mô sâu rộng	23
	tiểu thuyết hiện đại	hình thức tiểu thuyết gắn liền với thời hiện đại, với những thay đổi mạnh mẽ về cấu trúc và tư duy nghệ thuật so với tiểu thuyết trung đại	24
Y	yếu tố siêu thực (trong thơ trữ tình)	các yếu tố sử dụng để xây dựng một thế giới khác lạ bằng việc sử dụng những kết hợp từ ngữ, những hình ảnh rất xa nhau, thông thường khó liên kết với nhau, nhằm phá vỡ trật tự, quy tắc của tư duy lí tính, gợi nhắc sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ, ẩn ức sâu trong vô thức	5

Chân trời sáng tạo

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

Yếu tố Hán Việt	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
bí	– giữ kín không cho người ngoài biết, không công khai – chức vụ quản lí văn thư, giấy tờ	– bí ẩn, bí mật, bí tích,... – bí thư
cấp	– gấp, vội – nguy ngập, tình hình nghiêm trọng	– khẩn cấp, cấp sự,... – cấp báo, cấp cứu,...
	– cấp bậc – bậc học	– cao cấp, đặc cấp, thượng cấp,... – cấp ba*, sơ cấp, trung cấp,...
	cung ứng, phát cho	bao cấp (B7), cung cấp, tự cấp tự túc,...
dã	– hoang dại, mọi rợ, bán khai – đồng, ruộng – quê mùa, chất phác – cõi, giới hạn, địa vực – không chính thức	– dã man (B7), hoang dã,... – điền dã, khoáng dã,... – dân dã,... – phân dã,... – dã sử,...
dục	– ham muốn, nguyện vọng – nhu cầu sinh lí	– dục vọng, thất tình lục dục, dục tốc bất đạt,... – tình dục,...
	tắm, tẩy rửa	mộc dục,...
	nuôi dạy	dưỡng dục (B7), giáo dục,...
dự	tiếng tăm, tiếng thơm, khen ngợi	danh dự, vinh dự,...
	– tham gia – trước, sẵn	– dự phần (B7), dự tuyển, can dự, tham dự,... – dự báo (B2), dự đoán, dự kiến, dự phòng,...
	không quả quyết	do dự
giá	giá tiền, giá cả	giá trị, tăng giá, giảm giá,...
	lấy chồng	xuất giá, giá thú,...
	cái giá, gác (để đặt đồ vật)	giá bút, giá áo túi cơm*,...
	– cưỡi – xe cộ, xe vua đi	– đằng vân giá vụ,... – loan giá, ngự giá, xa giá, giá đáo,...
giản	– lược bớt – đơn sơ, không rắc rối khó hiểu	– giản hoá, giản lược, tối giản,... – giản dị, giản đơn,...
hấp	hít vào, hút vào	hô hấp, hấp thụ, hấp hối (B7),...

Chân trời sáng tạo

hộ	cửa, nhà	môn đăng hộ đối, hộ khẩu,...
	che chở, giúp đỡ, bảo vệ	bảo hộ, hộ tống, hộ vệ,...
hối	tiền tệ, tiền gửi	kiều hối, hối đoái,...
	tiền của, đút lót	hối lộ, tư hối,...
	tối tăm, mờ mịt, héo rụng	dưỡng hối, hấp hối,...
	ăn năn, ân hận	hối hận, hối tiếc,...
	răn dạy, dạy bảo	giáo hối, hối nhân bất quyện,...
khích	kích lên	khích lệ, khích tướng, quá khích,...
	– khe hở, lỗ hổng – thù oán	– môn khích, song khích (B8),... – hiềm khích,...
lâm	– rừng – chỗ đông đúc, nhiều	– trúc lâm, sơn lâm,... – nho lâm, thạch lâm,...
	– đến gần, ở cạnh – đương, sắp – đối mặt, gặp phải	– lâm sàng (B9),... – lâm hành, lâm chung,... – lâm nguy,...
liêu	– quan lại – người cùng làm việc	– quan liêu – đồng liêu
	vắng vẻ, tịch mịch	tịch liêu, cô liêu
ma	ma quỷ	ma chướng, yêu ma,...
	cây đay, cây gai	tầm ma,...
	mài, cọ xát, xay,...	ma sát, bao túc ma hoàn lô dĩ hồng (*Mộ* – Hồ Chí Minh)
miễn	bỏ đi, khỏi cần	miễn phí, miễn quan, miễn thuế, bãi miễn,...
	gắng gượng	miễn cưỡng (B7),...
miêu	con mèo	li miêu hoán chúa, linh miêu,...
	phỏng, vẽ	miêu tả, miêu thuật,...
nghị	tình bạn bè	hữu nghị, thế nghị,...
	– thảo luận, thương lượng – bàn bạc, bình luận, suy xét	– hiệp nghị, thương nghị,... – nghị luận, hội nghị, quyết nghị,...
	– quả quyết, cứng cỏi – nghiêm khắc	– cương nghị, nghị lực,... – nghiêm nghị,...

Chân trời sáng tạo

nguyên	– bắt đầu, thứ nhất – đứng đầu, lớn hơn cả – chủ yếu, căn bản	– nguyên niên, nguyên tiêu (B8),... – nguyên thủ, nguyên lão,... – nguyên tố,...
	– vốn, gốc – cánh đồng, chỗ đất rộng và bằng phẳng	– nguyên thuỷ,... – bình nguyên, cao nguyên,...
	nguồn, nguồn nước	ẩm thuỷ tư nguyên,...
nhung	binh khí, quân đội, chiến tranh	nhung y, tòng nhung, trường nhung (B8),...
	vải mịn, đồ dệt bằng lông thú	nhung y, áo nhung,...
	sừng mới nhú của con hươu	lộc nhung, sâm nhung,...
phất	phẩy, quét	phất trần (B7),...
	thoáng qua, không rõ	phảng phất,...
phổ	rộng, lớn, khắp	phổ biến, phổ cập, phổ quát, phổ thông,...
	– phả, sổ chép phân chia thứ tự – bản nhạc, khúc nhạc – dựa theo lời văn thơ mà viết thành ca khúc	– gia phả (phổ), niên phả (phổ),... – nhạc phổ, tổng phổ,... – phổ nhạc (B6),...
phù	– trôi nổi trên mặt nước hoặc lơ lửng trong không trung – hư, hão, không thiết thực	– phù sa, phù vân,... – phù danh, phù hoa (B7), phù thế,...
	nâng đỡ, giúp đỡ	tế nhược phù bần, phù (phò) trợ,...
	– hợp, đúng – thẻ bài – dấu hiệu, kí hiệu	– phù hợp,... – hổ phù, hộ thân phù (bùa),... – âm phù, phù hiệu,...
siêu	– vượt qua – vượt thoát, thoát	– siêu quần, siêu thực (B6), siêu việt,... – siêu thoát, siêu độ,...
tái	lại, lần nữa	tái hợp, tái giá, tái xuất,...
	chỗ hiểm yếu, biên ải	biên tái,...
ức	nhớ	ẩn ức, hồi ức, kí ức,...
	đè nén	ức chế,...
	số mục (bằng mười vạn)	ức vạn niên

(Kí hiệu * chỉ yếu tố không phải là Hán Việt)

Chân trời sáng tạo

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Amelia Sedley	A-mê-li-a Sét-lây	34
	arsenic	a-xê-nít	96
B	Bezoukhov	Bê-zu-khốp	23
	Blenkinsop	Blên-kin-sốp	36
	Bolkonsky	Bôn-kôn-xki	23
	Borodino	Bô-rô-đi-nô	37
	Brazil	Bơ-ra-xin	71
C	Cadaques	Ca-đa-kết	12
	Calcutta	Can-cút-ta	40
	California	Ca-li-phoóc-ni-a	92, 93, 95
	camera	ca-mê-ra	12
	Canada	Ca-na-đa	94
	Catalonia	Ca-ta-lô-ni-a	12
	Chentenham	Sen-ten-ham	38
	Clear	Cli-a	93, 94, 95
	Corse	Coóc-xơ	37
D	Dobbin	Đô-bin	34, 35, 36,...
E	Eugène Émile Paul Grindel	Ơ-gien Ê-min Pôn Granh-đen	15
F	Federico García Lorca	Phê-đê-ri-cô Gar-xi-a Lor-ca	9
	Fernand Léger	Phéc-nan Lê-giơ	15
	Franco	Phran-cô	9
G	George Osborne	Giooc Ốt-xbon	34, 36, 38
	Grosvenor	Grô-vê-nơ	35
H	hydrocarbon clo	hi-đờ-rô các-bon clo	94
	Hueper	Hiếu-pơ	96

Chân trời sáng tạo

I	Iran	I-ran	68
J	Juliet	Giu-li-ét	43
	Joe Sedley	Giô Sét-lây	34, 35, 38
L	Leonardo da Vinci	Lê-ô-na-đô đờ Vanh-xi	6
	Lev Tolstoy	Lép Tôn-xtôi	23
	Lligat	Li-gát	12
	Lorca	Lor-ca	9, 10, 11,...
	Lower Klamath	Lâu-ơ Cla-mát	92, 93
M	Marc Goichot	Mác Goi-chot	102
	Marseille	Mác-xây	73, 74
	Mesut Ozil	Mê-sút Ơ-siu	18
	Mona Lisa	Mô-na Li-sa	6
N	Napoléon Bonaparte	Na-pô-lê-ông Bô-na-pác	37
	National Book Award	Ná-sân-nô Bút Ơ-quớt	97
	Nepal	Nê-pan	13
	New Yord Zoological Society	Niu Óóc Du-lô-gi-cô Sơ-sai-ơ-ti	97
O	olive	ô-liu	12
P	Pani	Pa-ni	12
	Paris	Pa-ri	15, 60, 72
	Paul Éluard	Pôn Ê-luy-a	15
	Pitt Crawley	Pít Crâu-lây	34
	poster	pốt-xtơ	97
R	Rachel Carson	Rây-cheo Ca-son	92, 97, 119
	Rawdon Crawley	Râu-đân Crâu-lây	34
	Rebecca Sharp	Rê-béc-ca Sáp	34, 35, 37
	Romeo	Rô-mê-ô	43
	Rostov	Rô-xtốp	23
	Russell	Rút-xen	35, 36, 40

Chân trời sáng tạo

S	Saint-Denis	Xanh Đơ-ni	15
	Salmon	San-mon	37
	Salvador Dalí	San-va-đo Đa-li	11
	San Francisco	San Phran-xít-cô	68, 93
	Scotland	Scốt-len	38
	Shakespeare	Sếch-xpia	43
	Sigmund Freud	Xích-mun Phơ-roi	5
T	Tehran	Tê-hê-răng	68
	toxaphene	tô-xơ-phen	93
	Tule Lake	Tu-li Lây-kơ	92, 93
U	Upper Klamath Lake	Ấp-pơ Cla-mát Lây-kơ	92, 93
V	Vauxhall	Va-xan	34, 35, 37,...
	vendeur	văng-đơ	27
	Versailles	Véc-xây	59
	Vavenne	Va-ren	60, 70, 71,...
	vizon	vai-zon	93
W	Waterloo	Oa-tơ-lu	34
	Westminster	Oét-min-xtơ	36
	William Dobbin	Uy-li-am Đô-bin	37
	William Thackeray	Uy-li-am Thác-cơ-rây	34, 40, 42,...
	World Wide Fund	Quơ-quai-phun	102

Chân trời sáng tạo

BẢNG HỆ THỐNG HOÁ CÁC THỂ LOẠI/ KIỂU VĂN BẢN ĐỌC HIỂU Ở BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Thể loại/ Yếu tố	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
TRUYỆN, SỬ THI Các yếu tố: *bối cảnh; không gian, thời gian; nhân vật; cốt truyện; sự kiện; người kể chuyện; người kể ngôi thứ ba (toàn tri/ hạn tri); lời của người kể chuyện và lời của nhân vật; đối thoại; độc thoại nội tâm; bút pháp miêu tả tâm trạng; chủ đề, tư tưởng, thông điệp;...*	Thần thoại [Bài 1]	Truyện thơ [Bài 3, Bài 7]	Truyện ngắn (phong cách sáng tác lãng mạn/ hiện thực) [Bài 2]
	Sử thi [Bài 2]	Truyện ngắn [Bài 6]	Truyện – truyền kì [Bài 3]
	Truyện hiện đại [Bài 8]		Tiểu thuyết [Bài 7]
THƠ Các yếu tố: *từ ngữ, hình ảnh; vần, nhịp; biện pháp tu từ, cấu tứ; chủ thể trữ tình; mạch cảm xúc, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả; yếu tố tượng trưng, yếu tố siêu thực; đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng, thông điệp;...*	Thơ [Bài 3]	Thơ (có yếu tố tượng trưng) [Bài 8]	Thơ (cổ điển/ lãng mạn) [Bài 1]
	Thơ [Bài 6]		Thơ (có yếu tố tượng trưng/ siêu thực) [Bài 6]
KÍ (tự sự) Các yếu tố: *người kể chuyện ngôi thứ nhất và nhân vật chính; điểm nhìn; tính xác thực và yếu tố phi hư cấu (thành phần xác định); sự hỗ trợ của yếu tố hư cấu*		Truyện kí [Bài 9]	Phóng sự, nhật kí [Bài 4]
KÍ (tự sự – trữ tình) Các yếu tố: *chất trữ tình; cái tôi; ngôn ngữ tản văn, tuỳ bút*		Tuỳ bút, tản văn [Bài 1]	
KỊCH Các yếu tố: *xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại, điệu hát/ nói, đối thoại, độc thoại, bàng thoại, tiếng đế, hồi, màn, lớp, chỉ dẫn sân khấu,...*	Chèo/ Tuồng [Bài 5]	Bi kịch [Bài 5]	Hài kịch [Bài 5]

Chân trời sáng tạo

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN Các yếu tố: *cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; yếu tố biểu cảm, thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; nội dung nghị luận và nhan đề; mối quan hệ của luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thao tác nghị luận, cách lập luận; nội dung ý nghĩa của văn bản*	Văn bản nghị luận [Bài 7]	Văn bản nghị luận [Bài 2]	Văn bản nghị luận [Bài 8]
	Văn bản nghị luận [Bài 9]		
VĂN BẢN THÔNG TIN Các yếu tố: *bố cục, mạch lạc của văn bản; cách trình bày thông tin; sự lồng ghép các yếu tố tự sự miêu tả, nghị luận, biểu cảm; thái độ quan điểm của người viết; hiệu quả của các yếu tố hình thức; thái độ, quan điểm, sự đánh giá của người viết; tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin; dữ liệu sơ cấp/ thứ cấp; thông tin chính, cước chú; tài liệu tham khảo;...*	Văn bản thuyết minh tổng hợp [Bài 4]	Văn bản thông tin tổng hợp (về tự nhiên, xã hội có nội dung khoa học) [Bài 4]	Văn bản thông tin [Bài 9]
	Bản tin [Bài 4]		

Chân trời sáng tạo

BẢNG HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT Ở BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Ví dụ/ Lưu ý	Lớp
TỪ VỰNG		
Lỗi dùng từ và cách sửa: (1) *Lỗi lặp từ;* (2) *Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm;* (3) *Lỗi dùng từ không đúng nghĩa;* (4) *Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp;* (5) *Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu văn bản.*	*Anh ấy đã kịp thời khắc phục những* ***thiếu xót*** *của mình.* (Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm) Xem thêm ví dụ trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, trang 64 – 65.	10
Cách giải thích nghĩa của từ: (1) *Phân tích nội dung nghĩa của từ;* (2) *Dùng một (một số) từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích;* (3) *Giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.*	(1) ***Hắn*** (khẩu ngữ): Từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba, với hàm ý coi thường hoặc thân mật. ***Hắn*** *không phải là người tử tế.* (2) ***Sơ suất***: Không cẩn thận. (3) ***Tươi trẻ***: Tươi tắn và trẻ trung.	11
Giữ gìn và phát triển tiếng Việt (tuân theo những chuẩn mực và quy tắc chung của tiếng Việt; tiếp nhận những yếu tố mới).	Xem ví dụ trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai, trang 14.	12
NGỮ PHÁP		
Lỗi về trật tự từ và cách sửa	*Người máy là một trong những phát minh của* ***thế kỉ XXI quan trọng nhất.*** (Việc sắp xếp cụm từ "quan trọng nhất" sau "thế kỉ XXI" khiến câu mơ hồ về nghĩa)	10
Lỗi về thành phần câu và cách sửa: (1) *Thiếu thành phần câu;* (2) *Không phân định rõ các thành phần câu;* (3) *Sắp xếp sai trật tự thành phần câu.*	(1) *Khi tôi đến Đà Lạt vào mùa xuân.* (2) *Về cách làm công nghiệp hoá của nhiều cán bộ khoa học, cán bộ kĩ thuật, cán bộ quản lí, công nhân, viên chức, các nhà doanh nghiệp tập trung kiến nghị: [...].* (3) *Vào bảy giờ sáng ngày mai, tôi quyết định đi ra sân bay.*	11

Chân trời sáng tạo

Lỗi câu sai logic và cách sửa: (1) *Câu có quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần, các vế không logic do dùng sai từ ngữ liên kết;* (2) *Câu chứa các thành phần đẳng lập không cùng phạm trù ngữ nghĩa;* (3) *Câu có các hành động được sắp xếp không theo đúng thứ tự so với thực tế.*	(1) *Hoàng là người hiền lành, chăm chỉ nên rất yêu thương vợ con.* (2) *Tôi đã gặp anh ấy hai lần: một lần vào năm ngoái, một lần ở Hà Nội.* (3) *Nó* ***nhắm mắt lại, cố gắng ngủ và nằm xuống giường.***	12
Lỗi câu mơ hồ và cách sửa: (1) *Mơ hồ từ vựng;* (2) *Mơ hồ cấu trúc;* (3) *Mơ hồ logic.*	(1) ***Chả*** *ngon lắm.* (2) *Đó là* ***những nhận xét về bài viết của ông ấy.*** (3) *Ba người mua ba cái áo.*	12
HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP		
Biện pháp tu từ chêm xen	*Cô bé nhà bên* ***(có ai ngờ)****/ Cũng vào du kích!/ Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích/ Mắt đen tròn* ***(thương thương quá đi thôi)*** (Giang Nam)	10
Biện pháp tu từ liệt kê	*– Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì* ***khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ.*** (Nam Cao)	10
Lỗi về mạch lạc và liên kết đoạn văn: (1) *Thiếu mạch lạc;* (2) *Thiếu các phương tiện liên kết hoặc sử dụng các phương tiện liên kết chưa phù hợp.*	*Một trong những nguyên nhân khiến chúng ta lo ngại khi thuyết trình là chuẩn bị chưa tốt.* ***Như trên****, cách để không lúng túng khi phát biểu ý kiến là phải chuẩn bị thật kĩ, ví dụ như soạn sẵn dàn ý và học thuộc.* (Sử dụng phương tiện liên kết chưa phù hợp) Xem thêm ví dụ trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, trang 12.	10
Lỗi về mạch lạc và liên kết trong văn bản: (1) *Lỗi không tách đoạn;* (2) *Lỗi tách đoạn tuỳ tiện.*	Xem ví dụ trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai, trang 91.	10
Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản: (1) *Dùng kí hiệu dấu chấm lửng đặt trong ngoặc đơn (...) hoặc móc vuông [...];* (2) *Dùng cụm từ chỉ báo về sự tỉnh lược như: lược dẫn, lược một đoạn,...;* (3) *Dùng một đoạn ngắn tóm tắt nội dung phần bị tỉnh lược;* (4) *Kết hợp một số cách nêu trên.*	Xem các bài tập trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, trang 50.	10
Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú	Xem các bài tập trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một, trang 50.	10

Chân trời sáng tạo

Biện pháp tu từ lặp cấu trúc	***Gió, gió thổi rào rào*** ***Trăng, trăng lay chấp chới*** (Xuân Diệu)	11
Biện pháp tu từ đối	*Long lanh đáy nước in trời* ***Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng*** (Nguyễn Du)	11
Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: (1) *Hiện tượng đảo trật tự từ ngữ;* (2) *Hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ;* (3) *Hiện tượng tách biệt.*	(1) *Cây bưởi sau nhà* ***ngan ngát hương đưa.*** (Phan Thị Thanh Nhàn) (2) *Đàn cò áo trắng/* ***Khiêng nắng****/ Qua sông* (Trần Đăng Khoa) (3) *Đã có năm nhà nhận bán. Tiền họ đã nhận ngay từ bây giờ. Nhưng vừa mới lúc nãy đây, họ đến bảo không bán thóc nữa, mà lại bỏ tiền.* ***Mà trả có hai mươi.*** *Thế có giết người ta không!* (Nguyễn Khắc Trường)	11
Cách trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo (chuẩn APA)	Nguyễn Văn Trung (1986) cho rằng… (Trích dẫn gián tiếp) Nguyễn Văn Trung. (1986). *Câu đố Việt Nam.* Hà Nội: Thời đại. (Cách viết tài liệu tham khảo theo chuẩn APA)	11
Biện pháp tu từ nói mỉa	*Chuột chù chê khỉ rằng hôi/ Khỉ mới trả lời: Cả họ mày thơm* (Ca dao)	12
Biện pháp tu từ nghịch ngữ	***Kẻ sát nhân lương thiện*** (Lại Văn Long), ***Âm thanh im lặng*** (Vũ Quần Phương),...	12
Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu (liệt kê đầy đủ các tài liệu tham khảo đã sử dụng và trình bày tài liệu tham khảo đúng quy cách; chú thích trích dẫn và ghi cước chú đúng quy cách; tham khảo thông tin trên các nguồn có độ tin cậy cao,…)	Xem các bài tập trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai, trang 103 – 105.	12
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ VÀ CÁC BIẾN THỂ NGÔN NGỮ		
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...	10, 11, 12
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói	*– Trưa nay có rảnh hông An?* *– Rảnh. Có gì vậy?*	11

Chân trời sáng tạo

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết	*Theo đó, ý nghĩa biểu tượng thâm trầm của Cửu Trùng Đài được xác lập trên nhiều mối quan hệ.* (Nguyễn Thành Thi)	11
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng	*Thủa lâm hành oanh chưa bén liễu/ Hỏi ngày về ước nẻo quyên cao/ Nay quyên đã giục oanh già,/ Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo.* (Đặng Trần Côn)	12
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật	*Bà kia bĩu môi:* *– Phải, hạng nhất đấy!* *– Chứ gì? Chị ấy mới đẻ con so, xưa nay lại không phải chân lấm tay bùn bao giờ, lại là vợ ông Phó lý chả phải khổ sở như người khác thì làm gì sữa chả tốt?* (Vũ Trọng Phụng)	12

Chân trời sáng tạo

BẢNG HỆ THỐNG HOÁ CÁC KIỂU BÀI VIẾT Ở BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Kiểu văn bản	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Nghị luận xã hội	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội [Bài 2].	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội [Bài 2].	Viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học (thơ): Phong vị cổ điển/ tính hiện đại,... [Bài 1].
	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm [Bài 7].	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học [Bài 6].	Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ [Bài 2, Bài 6].
	Viết bài luận về bản thân [Bài 9].	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật [Bài 8].	Viết được một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội [Bài 8].
Nghị luận văn học	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể, một truyện kể/ tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch [Bài 1, Bài 8].	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bài hát) [Bài 3].	Viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học có sử dụng yếu tố kì ảo [Bài 3].
	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ/ một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng [Bài 3, Bài 6].	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (kịch bản văn học) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bộ phim) [Bài 5].	
		Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (bài thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bức tranh, pho tượng) [Bài 8].	
Văn bản thông tin	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp [Bài 4].	Viết bài thuyết minh (về một quy trình/ đối tượng) có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận [Bài 1, Bài 9].	Viết báo cáo kết của bài tập dự án về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội [Bài 7].

		Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội [Bài 4].	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội [Bài 9].
	Viết một bản nội quy hoặc hướng dẫn ở nơi công cộng [Bài 5].		Viết văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm [Bài 4, Bài 5].

Chân trời sáng tạo

BẢNG HỆ THỐNG HOÁ CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NÓI – NGHE Ở BẬC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Hoạt động	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Nói	Thuyết trình về một vấn đề xã hội.	Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội.	Trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
	Trình bày được báo cáo về một kết quả nghiên cứu hay hoạt động trải nghiệm.	Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.	Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
	Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân).	Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm.	Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.
Nghe	Nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói.	Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói.	Nắm bắt nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá nội dung và cách thức thuyết trình.
	Nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.	Nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.	Đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ và trao đổi về những điểm có ý kiến khác biệt.
Nói nghe tương tác	Thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.	Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.	Tranh luận được một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.
	Bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.	Tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.	Tôn trọng người đối thoại.
	Tôn trọng người đối thoại.		Biết điều chỉnh ý kiến khi cần thiết; có giải pháp phù hợp để thảo luận tranh luận có hiệu quả.

Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ
Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TỐNG THANH THẢO
Sửa bản in: PHÚC HỒNG – BÍCH VÂN
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Tranh bìa: Lương Xuân Nhị, *Nhà Bác ở Phủ Chủ tịch*, 1970,
tranh sơn dầu, 73 x 92 cm, Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam

Chân trời sáng tạo

Đoàn văn Doanh - THPT Nam Trực - Nam Định

Group: TÀI LIỆU VẬT LÝ CT GDPT 2018

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 12 TẬP HAI – Chân trời sáng tạo

Mã số:

In ..... bản, (QĐ ....) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ..... địa chỉ .....

Cơ sở in: ..... địa chỉ .....

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2:

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 12, Tập một
2. Toán 12, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 12
4. Ngữ văn 12, Tập một
5. Ngữ văn 12, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
7. Tiếng Anh 12
   Friends Global – Student Book
8. Lịch sử 12
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
10. Địa lí 12
11. Chuyên đề học tập Địa lí 12
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
14. Vật lí 12
15. Chuyên đề học tập Vật lí 12
16. Hoá học 12
17. Chuyên đề học tập Hoá học 12
18. Sinh học 12
19. Chuyên đề học tập Sinh học 12
20. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 12
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Cào lớp nhũ trên tem rồi quét mã để xác thực và truy cập học liệu điện tử.